FIT GROUP

Sẵn sàng nguồn lực
TẠO ĐÀ ĐỘT PHÁ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

www.fitgroup.com.vn

MỤC LỤC

01

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

02

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro
6. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi
7. Các danh hiệu và giải thưởng

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG - BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Giao dịch cổ phiếu của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

05

CHIẾN LƯỢC VỀ CON NGƯỜI

1. Tầm nhìn bền vững
2. Các hoạt động tiêu biểu & Giải thưởng bền vững
3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về các mục tiêu tăng trưởng bền vững
4. Chiến lược phát triển bền vững

06

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tầm nhìn bền vững
2. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
3. Các hoạt động tiêu biểu và giải thưởng bền vững
4. Báo cáo đánh giá của ban tổng giám đốc liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
5. Đánh giá của hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
6. Chiến lược phát triển bền vững

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính năm 2024

THÔNG ĐIỆP
TỪ CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ Đông và Quý Nhà Đầu Tư!

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Tập đoàn, trân trọng gửi tới Quý Cổ Đông và Quý Nhà Đầu Tư lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng nhất.

Kính thưa Quý vị,
Năm 2024 tiếp tục chứng kiến những biến động và thách thức lớn từ nhiều yếu tố toàn cầu như xung đột địa chính trị, biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng, hay các vấn đề về kinh tế, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia.
Đứng trước bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, phức tạp và bất thường, F.I.T Group và các công ty thành viên đã không ngừng đoàn kết, nỗ lực vượt qua thử thách. Với tinh thần kiên cường và khả năng thích ứng linh hoạt, tập thể F.I.T Group đã nhanh chóng điều chỉnh chiến lược, đổi mới phương thức làm việc và tập trung vào các giải pháp sáng tạo để duy trì hoạt động hiệu quả.

Trong lĩnh vực Dược phẩm, CTCP Dược phẩm Cửu Long (DCL) ghi nhận doanh thu hơn 1.332 tỷ đồng trong năm 2024 từ ba mảng chính: viên nang rỗng, dược phẩm và thiết bị y tế. Về mảng viên nang rỗng, Nhà máy sản xuất viên nang rỗng của DCL có tổng cộng 20 dây chuyền, công suất tối đa 8,5 tỷ nang/năm. Trong đó, 8 dây chuyền hiện đại được đầu tư giai đoạn 2021-2023. Năm 2024, DCL tiếp tục đưa vào vận hành dây chuyền Capsule 5, nâng sản lượng lên 11,6 tỷ nang/năm, tương đương gần 1 tỷ nang/tháng. Về mảng thiết bị y tế, Nhà máy Benovas tại Vĩnh Long được xây dựng trên diện tích 10.846,6 m² với tổng vốn đầu tư 26 triệu USD. Giai đoạn 1 đã hoàn thành với mức đầu tư 16 triệu USD, công suất nhà máy đạt 21,5 triệu sản phẩm/tháng, tương đương 258 triệu sản phẩm/năm. Giai đoạn 2, dự kiến hoàn thiện vào tháng 6/2026 với vốn đầu tư 10 triệu USD, sẽ tập trung vào công nghệ sản xuất tiên tiến và phát triển sản phẩm công nghệ cao. Về mảng Dược phẩm, nhà máy dược phẩm có diện tích 4.797 m2, công suất 1,2 tỉ đơn vị sản phẩm/năm bao gồm 3 nhà máy: Nhà máy Non betalactam; Nhà máy Betalactam và nhà máy Cream-si rô. Thời gian tới, DCL chuẩn bị khởi công nhà máy dược phẩm đạt chuẩn EU – GMP với tổng vốn đầu tư 1.396 tỷ đồng, công suất sản xuất thuốc, dược phẩm của nhà máy đạt 1,6 tỷ sản phẩm/năm.

Trong lĩnh vực kinh doanh nước uống, 2024 được ghi nhận là một năm thành công khi Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa đã tái nhận diện thành công thương hiệu Đảnh Thạnh; Ký kết hợp tác với Công ty Công nghệ Thực phẩm Nutrin Quảng Châu xuất khẩu Nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda 500ml và Nước khoáng kiềm thiên Vikoda Soda 330ml sang thị trường tỉ dân; Ký kết hợp tác nhận chuyển giao công nghệ gia công nước uống có ga Spa Sky; Thúc đẩy gia tăng nhận diện thương hiệu thông qua các Hội nghị dinh dưỡng toàn quốc được tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh, Huế và Hải Phòng. Các sản phẩm của Công ty hiện đang có mặt tại các siêu thị lớn trên toàn quốc như CoopMart, Circle K, Big C, GS25, Bách hóa xanh … và các kênh thương mại điện tử như Shopee, Tiki, Lazada, Sendo.

Trong lĩnh vực hóa mỹ phẩm, FIT Cosmetics và Today Cosmetics khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành hóa mỹ phẩm với các dòng sản phẩm sinh học an toàn, thân thiện với môi trường. Sở hữu nhà máy hiện đại trên diện tích 4.946 m², hai thương hiệu này đầu tư 4 dây chuyền sản xuất tiên tiến từ châu Âu và Hàn Quốc, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ đa enzym 100% từ châu Âu không chỉ giúp tăng hiệu quả làm sạch mà còn đảm bảo an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng.

Trong lĩnh vực Nông nghiệp - Thực phẩm, Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu miền Tây (Westfood) có vị trí chiến lược, nằm giữa vựa trái cây lớn nhất đồng bằng Sông Cửu Long, đồng thời sở hữu hệ thống nhà xưởng, công nghệ sản xuất hiện đại. Sản phẩm của Westfood được yêu chuộng tại những thị trường khó tính nhất của châu Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc,… Đặc biệt, Nhà máy Westfood Hậu Giang, vốn đầu tư 666 tỷ đồng, dự kiến hoạt động Q2/2025 với công suất 30.000 tấn/năm, đưa Westfood vào Top 5 doanh nghiệp xuất khẩu rau củ quả hàng đầu Việt Nam.

Trong lĩnh vực bất động sản, F.I.T Group định hướng tại phân khúc trung và cao cấp. Tập đoàn không chỉ xem bất động sản là một lĩnh vực kinh doanh mà còn là sứ mệnh kiến tạo những giá trị bền vững cho xã hội và cộng đồng. Mỗi dự án đều được triển khai với sự chắc chắn, bài bản, thay vì chạy theo tốc độ hay sự dàn trải.

Với những thành tựu đã đạt được và những thử thách đã vượt qua, chúng ta đang viết nên một chương mới trong hành trình phát triển mạnh mẽ của F.I.T Group. Mỗi bước đi, mỗi quyết định của chúng ta đều được thắp sáng bởi ngọn lửa của khát khao chiến thắng, kiên cường đối mặt với thử thách và không ngừng cải tiến liên tục để xứng đáng với niềm tin của cổ đông, đối tác, khách hàng. Tương lai phía trước đầy tiềm năng và F.I.T Group sẽ tiếp tục là biểu tượng của sự thịnh vượng vững bền. Cùng nhau, chúng ta sẽ chinh phục mọi đỉnh cao, tạo dựng một kỷ nguyên vươn mình, mang lại giá trị bền vững cho xã hội, xứng đáng là Tập đoàn thịnh vượng, đa ngành với các sản phẩm, dịch vụ khác biệt, đẳng cấp, dẫn đầu, mang lại chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn, là nơi hội tụ nhân tài, được xã hội tôn vinh.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn, tôi kính chúc các Quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác sức khỏe, hạnh phúc, thành công!

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Văn Sang

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro
6. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi
7. Các danh hiệu và giải thưởng

1 ▸ THÔNG TIN **CHUNG**

Tên giao dịch	**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**
Tên viết bằng tiếng nước ngoài	F.I.T GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	F.I.T GROUP., JSC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/03/2007, thay đổi lần thứ 36 ngày 06/12/2024
Vốn điều lệ	**3.399.330.340.000** đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**3.554.707.366.904** đồng

Địa chỉ	Tầng 5, tòa nhà Times Tower - HACC 1 Complex Building, số 35 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Số điện thoại	024 73094688
Số fax	024 73094686
Website	https://fitgroup.com.vn/
Mã cổ phiếu	**FIT**
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX)
Logo Công ty	FIT GROUP

QUÁ TRÌNH
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

- Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T ra đời (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T)

2012

- Tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 150 tỷ đồng
- Đầu tư vào CTCP FIT Cosmetics, chính thức bước vào thị trường FMCG

2013

- 08/03/2013, trở thành công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.
- 26/07/2013, chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu FIT, với 15 triệu cổ phiếu niêm yết lần đầu.
- Sở hữu chi phối Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (Mã CK: TSC) bao gồm các công ty con: Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây, Công ty CP Hạt giống TSC và Công ty CP Giống cây trồng Nông Tín.

2015

- 19/08/2015, chính thức niêm yết Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX)
- Sở hữu và chi phối thành công Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Mã CK: DCL)

2016

- Sở hữu thành công CTCP Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda), mở ra cơ hội thâm nhập vào thị trường nước uống đóng chai đầy tiềm năng tại Việt Nam

2017

- Thành lập Công ty CP Thuốc ung thư Benovas - một công ty con trực thuộc Công ty CP Dược phẩm Cửu Long.

2022

- F.I.T Group tăng vốn điều lệ từ 2.627 tỷ đồng lên 3.399 tỷ đồng, đồng thời tái cấu trúc, thay đổi chiến lược Tập đoàn, hướng đến phát triển bền vững.
- F.I.T Group chính thức thay đổi toàn bộ nhận diện thương hiệu.

2023

- Khánh thành nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas - Nhà máy tiên phong sản xuất thiết bị Y tế tại Vĩnh Long.

2024

- Khởi công nhà máy Westfood Hậu Giang - Một trong những đơn vị sản xuất chế biến thực phẩm lớn nhất Đồng bằng Sông Cửu Long

2025

2 ▸ NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Hoạt động tư vấn quản lý (chính). Chi tiết: Hoạt động tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn chiến lược, tư vấn phát triển thị trường, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).

2.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Thành phố Hà Nội, Thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Tỉnh Khánh Hòa.

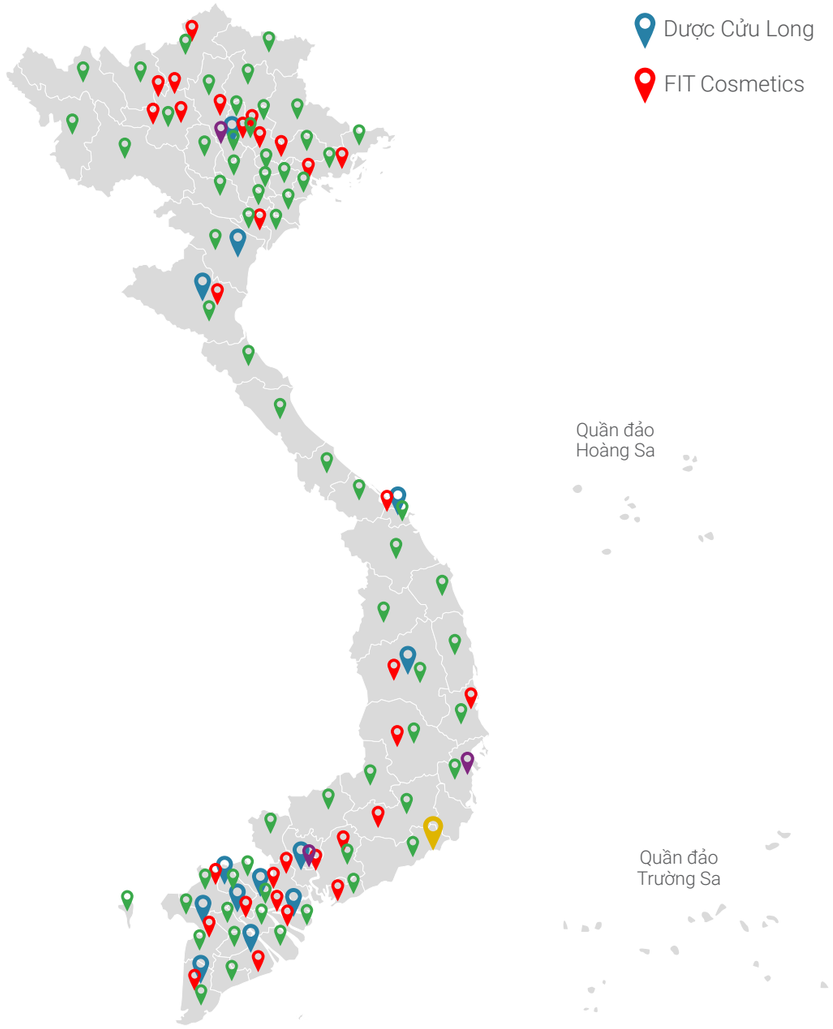

- Dược Cửu Long
- Vikoda
- FIT Cosmetics
- TSC

3 ▸ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH & BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

3.2 CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

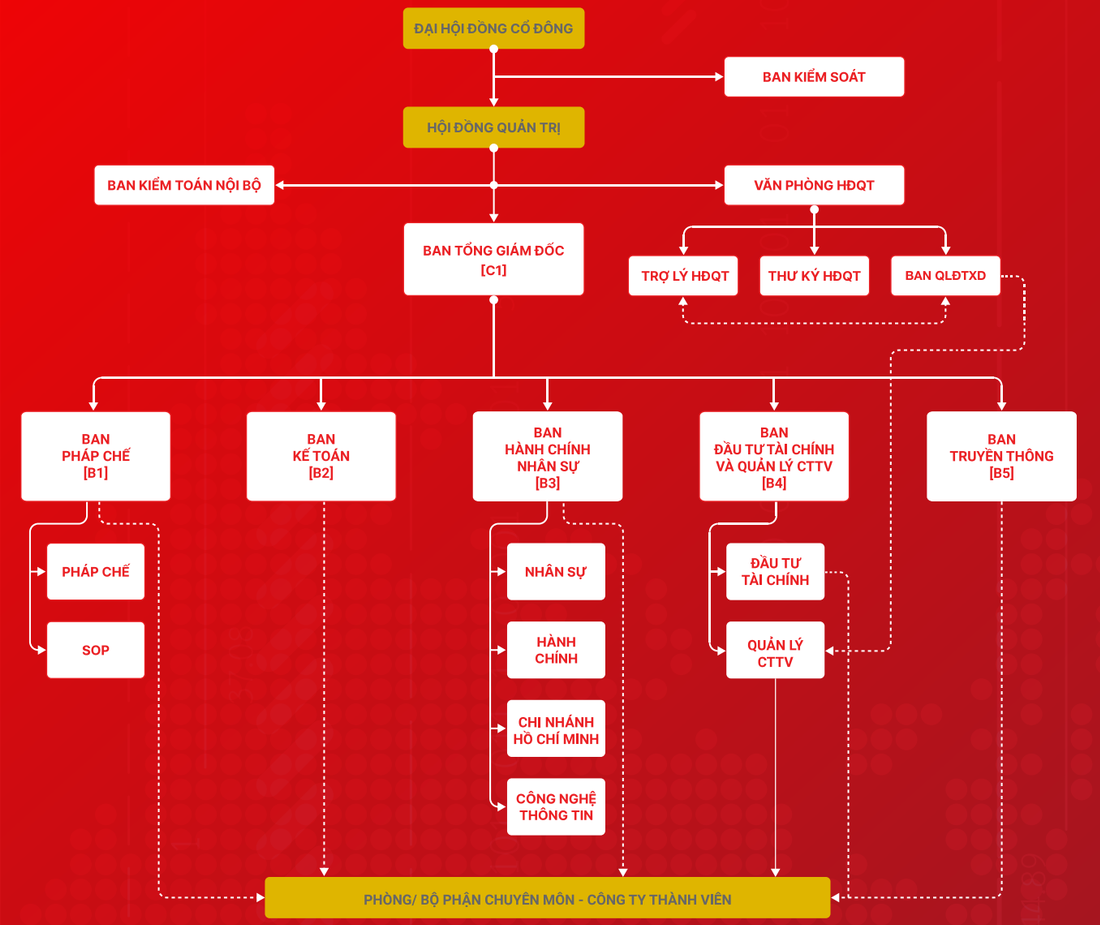

Mã hóa

1	C...	Ban tổng giám đốc (CEO & CEO-1)
2	B...	Ban trong tập đoàn

Ghi chú

1	——→	Quản lý trực tiếp
2	·····→	Quản lý gián tiếp
3	◂ – – – – – ▸	Phối hợp công việc
4	CTTV	Công ty thành viên
5	QLĐTXD	Quản lý Đầu tư xây dựng

3.3 CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

- **CÁC CÔNG TY CON**

01 CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ (*)

1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp

Vốn điều lệ (VNĐ) **1.968.589.250.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **41,07%**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **41,07%**

02 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Số 150 đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
(Sản xuất dược phẩm, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác)

Vốn điều lệ (VNĐ) **730.410.300.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **58,05%**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **58,05%**

03 CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI F.I.T VIỆT NAM

Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
(Không bao gồm hoạt động báo chí);

Bán buôn tổng hợp (Trừ dược phẩm và loại Nhà nước cấm)

Vốn điều lệ (VNĐ) **100.000.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **100%**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **100%**

04 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN F.I.T

Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản - kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai

Vốn điều lệ (VNĐ) **965.904.990.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **99,90%**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **99,90%**

05 CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY (**)

Khu Công Nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Chế biến và bảo quản rau quả, thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu...

Vốn điều lệ (VNĐ) **302.467.400.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **18,48%(1)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **45,00%**

06 CÔNG TY CỔ PHẦN HẠT GIỐNG TSC

1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng

Vốn điều lệ (VNĐ) **190.000.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **23,67%(1)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **57,63%%**

07 CÔNG TY CỔ PHẦN FIT CONSUMER

Số 1D Đường Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Vốn điều lệ (VNĐ) **1.460.037.500.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **46,35%(1)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **100,00%**

08 CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG TÍN

276 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Xử lý hạt giống để nhân giống

Vốn điều lệ (VNĐ) **30.000.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **31,90%(1)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **77,67%**

09 CÔNG TY CỔ PHẦN WESTFOOD HẬU GIANG

Khu Công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả; chế biến và bảo quản rau quả khác)

Vốn điều lệ (VNĐ) **262.345.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **18,38% (2)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **99,47%**

10 CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Thôn Cây Sung, Xã Diên Tân, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai)

Vốn điều lệ (VNĐ) **124.999.880.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **44,27% (3)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **95,53%**

11 CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC UNG THƯ BENOVAS

Tầng 5 - Tòa nhà HACC1 Complex tại lô 2.6, N0 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu

Vốn điều lệ (VNĐ) **100.000.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **48,76%(4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **84,00%**

12 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC PHẨM VPC - SÀI GÒN

Số 150, đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Bán buôn hóa chất;
Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế

Vốn điều lệ (VNĐ) **163.000.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **58,05% (4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **100,00%**

13 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS

Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Bán buôn dược phẩm, capsule (viên nang) các loại, dụng cụ cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, dược liệu, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bảo chế khác

Vốn điều lệ (VNĐ) **80.000.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **58,04%(4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **99,98%**

14 CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVAS

Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng
Chi tiết: Sản xuất: dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế

Vốn điều lệ (VNĐ) **122.000.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **58,05%(4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **100,00%**

15 CÔNG TY LIÊN DOANH SẢN XUẤT KINH DOANH, XUẤT NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ (LÀ CÔNG TY LIÊN DOANH GIỮA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG VÀ LAO MEDICAL SERVICES CO,. LTD)

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Giới thiệu thuốc

Vốn điều lệ (VNĐ) **1.625.410.779**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **29,61%(4)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **51,00%**

16 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN CHARLOTTE

Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

Vốn điều lệ (VNĐ) **233.000.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **98,61%(5)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **98,71%**

(*) Tỷ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của F.I.T vào Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ chỉ đạt 41,07%, tuy nhiên F.I.T vẫn là Công ty mẹ Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ do F.I.T có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.
(**) Tỷ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của F.I.T vào Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây chỉ đạt 45%, tuy nhiên F.I.T vẫn là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây do F.I.T có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.
(1): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
(2): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây
(3): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần FIT Consumer
(4): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long
(5): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T

• CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

01 CÔNG TY CỔ PHẦN FIT COSMETICS

Số 276, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Phân phối hóa mỹ phẩm; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt; Bán buôn bột giấy.

Vốn điều lệ (VNĐ) **195.900.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2024
Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này **22,71%(1)**
Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty **49,00%**

---

(1): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần FIT Consumer.

4 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong bối cảnh tình hình địa chính trị trên thế giới bất ổn, nhiều diễn biến khó lường, tuy nhiên tăng trưởng kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ khởi sắc hơn nhờ phục hồi của tăng trưởng thương mại và kiểm soát lạm phát tốt. Với công nghệ ngày càng phát triển, việc áp dụng chuyển đổi số không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình vận hành, giảm chi phí mà còn tạo ra các giá trị mới.

Cùng với đó, việc đào tạo nhân sự nhằm phát triển tư duy số và kỹ năng công nghệ không chỉ mang lại khả năng cạnh tranh mạnh mẽ mà còn mở ra cơ hội đột phá trong việc phát triển sản phẩm, dịch vụ và thị trường mới.

Để đáp ứng xu thế hiện đại, Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T với mục tiêu ***"Sẵn sàng nguồn lực - Tạo đà đột phá"*** cam kết đầu tư toàn diện vào ba trụ cột cốt lõi: con người, tài chính và công nghệ. Tập đoàn tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, gắn kết trong một môi trường làm việc sáng tạo và chuyên nghiệp, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số để tối ưu hóa quy trình hoạt động và nâng cao hiệu suất. Bên cạnh đó, nguồn lực tài chính sẽ được huy động và sử dụng hiệu quả, tập trung vào các dự án chiến lược nhằm mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Với tầm nhìn dài hạn, công ty đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, xây dựng thương hiệu dẫn đầu ngành và mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng cũng như cộng đồng. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để công ty vượt qua thách thức và đạt được những bước tiến vượt bậc trong tương lai.

4.1 CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Năm 2025, Tập đoàn F.I.T tập trung xây dựng một nền tảng phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn, tiếp tục thực hiện chuyển đổi số, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao năng lực quản trị. Tập đoàn sẽ triển khai các chiến lược nhằm mở rộng quy mô sản xuất, tăng cường sức mạnh cạnh tranh và tạo giá trị dài hạn cho xã hội. Các mục tiêu và chiến lược cụ thể bao gồm:

01

Đẩy mạnh công tác quản trị theo định hướng chuẩn hóa các quy trình, tiêu chuẩn, tiếp tục tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, tăng cường ứng dụng công nghệ - kỹ thuật nhằm tạo ra những đột phá mới.

02

Tăng tiềm lực tài chính của Tập đoàn qua huy động vốn tại các Công ty thành viên để đảm bảo nguồn lực tài chính vững mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững;

03

Xây dựng các công ty con thành những doanh nghiệp hàng đầu trong các lĩnh vực quan trọng như dược phẩm, tiêu dùng, chế biến thực phẩm, hóa mỹ phẩm và bất động sản. Tập đoàn sẽ định hình chiến lược riêng biệt cho từng đơn vị, đảm bảo khả năng cạnh tranh vượt trội trên thị trường.

04

Triển khai các chiến dịch truyền thông chuyên nghiệp và sáng tạo để nâng cao nhận diện thương hiệu, đồng thời định vị hình ảnh Tập đoàn là một đơn vị đáng tin cậy trên thị trường.

05

Tăng cường minh bạch thông tin thông qua các báo cáo định kỳ. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm xây dựng niềm tin và duy trì sự ủng hộ của cổ đông đối với định hướng chiến lược dài hạn của Tập đoàn.

06

Triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh và chuyên môn. Tập trung phát triển nhân tài nội bộ và thu hút nhân sự giỏi từ bên ngoài, tạo nên đội ngũ chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm; Xây dựng và truyền bá văn hóa doanh nghiệp trong nội bộ Tập đoàn.

07

Trong năm 2025 và các năm tới, F.I.T tiếp tục xây dựng lộ trình phát triển cho cán bộ công nhân viên cũng như đội ngũ kế cận cho các vị trí quản lý.

08

Hệ thống kiểm soát hoạt động, quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng. F.I.T tiếp tục giám sát chặt chẽ rủi ro tài chính, tín dụng và hoạt động tại các công ty thành viên, đảm bảo sự ổn định và bền vững trong quá trình mở rộng kinh doanh

09

Các công ty và bộ phận trong Tập đoàn sẽ "hiệu quả hóa" để tăng doanh thu, tối ưu hóa chi phí nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả của cả hệ thống.

10

Đẩy nhanh việc xây dựng nhà máy vật tư y tế Benovas và nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn EU-GMP. Đồng thời, thương mại hóa các sản phẩm điều trị ung thư, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống.

4.2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tầm nhìn của F.I.T là trở thành Tập đoàn thịnh vượng, đa ngành, dẫn đầu trong các lĩnh vực tham gia bằng việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ khác biệt, đẳng cấp. Định hướng chiến lược không chỉ tập trung vào phát triển kinh doanh mà còn tạo dựng F.I.T thành nơi hội tụ nhân tài, mang lại giá trị cho xã hội và được công nhận rộng rãi. Trên cơ sở đó, F.I.T phấn đấu đạt mục tiêu trở thành một công ty tỷ đô trong tương lai. Theo đó, các ngành hàng trọng tâm và định hướng phát triển như sau:

01

Tiếp tục nghiên cứu và tiếp cận lĩnh vực bất động sản – một ngành có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ và mang lại lợi nhuận cao. Tuy nhiên, Tập đoàn thực hiện chiến lược đầu tư thận trọng, ưu tiên các dự án có giá trị thực tiễn và tiềm năng lâu dài. Đồng thời, việc quản trị chặt chẽ và đánh giá kỹ lưỡng các cơ hội giúp đảm bảo hiệu quả tối đa cho nguồn vốn đầu tư

02

Việc đầu tư vào các lĩnh vực thiết yếu không chỉ là chiến lược phát triển mà còn là cam kết của F.I.T trong việc phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Thông qua việc hợp tác với các công ty tiềm năng và phát triển sản phẩm khác biệt, F.I.T mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển mạng lưới bán hàng trên toàn quốc.

03

Song song với các ngành hàng chiến lược, F.I.T duy trì một danh mục đầu tư ngắn hạn linh hoạt nhằm tận dụng cơ hội thị trường và tạo ra lợi nhuận tối ưu. Chính sách đầu tư đa dạng hóa không chỉ đảm bảo sự ổn định tài chính mà còn giúp Tập đoàn nhanh chóng thích ứng với biến động của thị trường.

Với chiến lược phát triển rõ ràng và định hướng bền vững, F.I.T đang xây dựng nền tảng vững chắc để tiến xa hơn trên hành trình trở thành Tập đoàn đa ngành dẫn đầu. Với cam kết không ngừng đổi mới và sáng tạo, Tập đoàn F.I.T hướng tới mục tiêu không chỉ gia tăng giá trị kinh tế mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

4.3 CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Tập đoàn F.I.T đặt mục tiêu phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột chính: Môi trường, xã hội và cộng đồng. Đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới sự tăng trưởng bền vững và tạo ra giá trị tích cực cho môi trường và xã hội

01

Mục tiêu về môi trường

- Trong sản xuất, kinh doanh, F.I.T luôn kiểm soát chặt chẽ việc phát sinh các loại chất thải, khí thải trong suốt quá trình hoạt động. Thực hiện các giải pháp tối ưu hóa sử dụng tài nguyên nước, năng lượng, và nguyên liệu thô. Đồng thời, tái chế và tái sử dụng nguyên liệu nhằm giảm thiểu chất thải ra môi trường.
- Tổ chức thực hiện những công tác bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp theo hướng tổng thể, đồng bộ và đầu tư đủ, có trọng tâm.
- Ưu tiên sử dụng công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động sản xuất và vận hành.

02

Mục tiêu về xã hội và cộng đồng

- Phát triển các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu thiết yếu, giúp nâng cao sức khỏe và chất lượng sống của người dân. Đặc biệt chú trọng đến các lĩnh vực dược phẩm và thực phẩm an toàn, chất lượng cao.
- Đầu tư vào việc đào tạo và nâng cao kỹ năng cho đội ngũ nhân viên, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng và khuyến khích sáng tạo. Cam kết bảo vệ quyền lợi người lao động và đảm bảo điều kiện làm việc an toàn.
- Tích cực tham gia các chương trình từ thiện, hỗ trợ giáo dục, y tế, và cải thiện cơ sở hạ tầng tại các khu vực khó khăn. F.I.T cam kết góp phần xây dựng một xã hội phát triển và thịnh vượng.
  Hợp tác với các tổ chức, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp khác để thực hiện các dự án mang lại giá trị thiết thực cho cộng đồng nhằm lan tỏa giá trị bền vững và thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội.

5 ▸ CÁC **RỦI RO**

5.1 RỦI RO VỀ KINH TẾ

Dù đối mặt không ít thách thức, nền kinh tế toàn cầu giữ vững nhịp tăng trưởng trong năm 2024. Theo một báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tốc độ tăng trưởng GDP năm 2024 của thế giới ước đạt 3,2%, nhỉnh hơn so với mức tăng 3,1% đạt được vào năm 2023. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro đáng kể. Chính sách tài chính, tiền tệ nhìn chung vẫn thắt chặt ở nhiều quốc gia, tạo áp lực lên chi phí vay và tăng nguy cơ suy thoái kinh tế. Xung đột địa chính trị, đặc biệt là tình hình căng thẳng ở Trung Đông đe dọa, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và thị trường năng lượng toàn cầu. Đồng thời, xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt của Mỹ, làm suy yếu hợp tác quốc tế cũng như hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu. Những yếu tố này tạo ra một bức tranh kinh tế thế giới đầy thách thức, đòi hỏi các quốc gia phải có chiến lược linh hoạt và thích ứng để duy trì tăng trưởng bền vững trong bối cảnh mới.

Trước bối cảnh kinh tế toàn cầu, năm 2024 đặt ra nhiều thách thức đối với nền kinh tế - xã hội Việt Nam, khi phải đối mặt với hàng loạt biến động lớn từ bên ngoài và những khó khăn nội tại trong nước. Nền kinh tế Việt Nam đang phải gánh chịu áp lực từ tình trạng lạm phát gia tăng, thị trường lao động thiếu hụt, và sự chênh lệch ngày càng lớn trong việc phát triển kinh tế giữa các vùng miền. Đồng thời, sự thay đổi của các chuỗi cung ứng toàn cầu và những biến động từ thị trường quốc tế cũng đang tạo ra nhiều sức ép. Hoạt động sản xuất nông nghiệp gặp nhiều rủi ro do biến đổi khí hậu như lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn; dịch bệnh dẫn đến giảm sản lượng cây trồng, vật nuôi.

Sản xuất công nghiệp phụ thuộc nhiều vào nhu cầu thế giới, nhất là các ngành chế biến, chế tạo. Kinh tế thế giới hồi phục chậm, doanh nghiệp có nguy cơ thiếu đơn hàng, kéo theo sự sụt giảm sản xuất ngành công nghiệp, nhất là ảnh hưởng từ việc tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế Trung Quốc. Xung đột địa chính trị diễn biến phức tạp và kéo dài, ảnh hưởng tới giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như xuất, nhập khẩu các sản phẩm công nghiệp.

Cùng với đó, chi phí sản xuất đầu vào vẫn ở mức cao, sản phẩm công nghiệp phải cạnh tranh gay gắt với hàng hóa nhập khẩu; rủi ro về các rào cản thương mại mới. Ngoài ra, giá dịch vụ, cước vận tải, chi phí logistic... tăng cao làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh thách thức về chi phí đầu tư, kỹ năng cho nguồn nhân lực, các doanh nghiệp còn đối mặt với nhiều rủi ro về chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, những cam kết tuân thủ về tiêu chuẩn môi trường...

5.2 RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Là một doanh nghiệp sản xuất được niêm yết trên sàn HOSE, các hoạt động của Công ty chịu sự chi phối từ hệ thống pháp luật chuyên ngành như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bất động sản,.... cùng các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan.

Trong năm 2024, Nhà nước đã thực hiện sửa đổi Luật Chứng khoán cùng các văn bản hướng dẫn như nghị định và thông tư. Đây là bước tiến nhằm hoàn thiện khung pháp lý và đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường chứng khoán trong bối cảnh kinh tế ngày càng hội nhập. Tuy nhiên, các doanh nghiệp niêm yết nói chung và F.I.T nói riêng có thể phải đối mặt với không ít khó khăn trong việc nghiên cứu và thích nghi với các quy định mới.

Quá trình tìm hiểu và áp dụng các quy định sửa đổi không chỉ đòi hỏi sự đầu tư về thời gian và nguồn lực mà còn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt, với một hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện như tại Việt Nam, các quy định có thể tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp hơn với thực tế và sự phát triển của nền kinh tế. Điều này đặt ra thách thức lớn cho các doanh nghiệp trong việc nắm bắt kịp thời và đảm bảo tuân thủ một cách đầy đủ.

Những thay đổi pháp lý này không chỉ yêu cầu doanh nghiệp phải cập nhật liên tục mà còn phải xây dựng các giải pháp quản trị rủi ro phù hợp để duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh những thay đổi về pháp lý.

5.3 RỦI RO TRONG MẢNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Năm 2024 chứng kiến những biến động mạnh mẽ về bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế có cải thiện, nhưng sự phân hóa giữa các khu vực ngày càng rõ rệt. Trong khi các nền kinh tế phát triển thu hút dòng vốn mạnh mẽ, các nền kinh tế đang phát triển phải đối mặt với sự phục hồi chậm chạp và dòng vốn tháo chạy.

Để giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn trong mảng đầu tư tài chính, Tập đoàn F.I.T đã áp dụng chiến lược kinh doanh linh hoạt và thực hiện đa dạng hóa danh mục đầu tư một cách có hệ thống. Quá trình đầu tư được thực hiện thông qua một quy trình lập kế hoạch cụ thể. Mỗi quyết định đầu tư đều dựa trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng các yếu tố kinh tế vĩ mô, biến động thị trường tiền tệ và đánh giá chi tiết về những rủi ro tiềm năng. Điều này đảm bảo rằng các chiến lược đầu tư không chỉ phản ánh tình hình thị trường hiện tại mà còn đặt trong bối cảnh dài hạn nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

Bên cạnh đó, Tập đoàn F.I.T duy trì sự cân bằng giữa việc tìm kiếm cơ hội tăng trưởng và quản trị rủi ro. Mọi quyết định đầu tư được đưa ra sau khi xem xét toàn diện các yếu tố cơ hội, rủi ro và chiến lược bảo toàn trạng thái tài chính lành mạnh. Tập đoàn luôn đảm bảo sự sẵn sàng về nguồn vốn để tận dụng các cơ hội trên thị trường, đồng thời duy trì khả năng thích nghi nhanh chóng trước những biến động của thị trường kinh tế và tiền tệ. Thông qua cách tiếp cận này, F.I.T không chỉ tối ưu hóa danh mục đầu tư mà còn xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, giúp doanh nghiệp vận hành bền vững trong môi trường kinh doanh đầy thách thức.

5.4 RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN

Tập đoàn F.I.T hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn nên có thể phải đối mặt với rủi ro lớn khi thiếu thông tin chính xác về doanh nghiệp và thị trường, dẫn đến giải pháp không hiệu quả hoặc không phù hợp với chiến lược dài hạn. Điều này có thể gây lãng phí thời gian, nguồn lực và ảnh hưởng đến danh tiếng.

Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn tập trung phát triển đội ngũ nhân sự, nâng cao chất lượng dịch vụ và duy trì đối thoại liên tục với khách hàng, đảm bảo cung cấp giải pháp hiệu quả và phù hợp với môi trường kinh doanh.

5.5 RỦI RO VỀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Tập đoàn tiến hành hoạch định chiến lược kinh doanh và xem xét đầu tư các dự án. Các dự án đầu tư phải đáp ứng tiêu chí về giá trị tài chính, dựa trên mức chi phí vốn hoặc lợi nhuận và lỗ của từng ngành, hoặc mang ý nghĩa chiến lược quan trọng. Trước khi triển khai bất kỳ dự án nào,

Tập đoàn đặc biệt chú trọng đến việc đánh giá rủi ro tiềm ẩn, bao gồm các yếu tố như biến động thị trường, khung pháp lý, thủ tục giấy phép, quy định thuế và vận hành. Các biện pháp xử lý rủi ro sẽ được đề xuất và triển khai khi cần thiết.

Để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, Tập đoàn thường xuyên tham vấn ý kiến từ các cố vấn tài chính, pháp lý, và tư vấn thuế có uy tín. Đồng thời, mỗi dự án mua bán hoặc sáp nhập tiềm năng đều được thực hiện qua quy trình thẩm tra chi tiết và toàn diện.

5.6 RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, THỜI TIẾT, DỊCH BỆNH

Ô nhiễm môi trường đang trở thành một trong những thách thức lớn nhất mà Việt Nam phải đối mặt trong thời đại hiện nay. Tình trạng ô nhiễm không khí ngày càng báo động khi Việt Nam hiện đang nằm trong top 10 quốc gia có chỉ số ô nhiễm không khí cao nhất ở châu Á và xếp thứ 36 trong tổng số 177 quốc gia về mức độ ô nhiễm không khí; Bên cạnh đó, các vấn đề ô nhiễm nguồn nước, chất lượng đất đang bị suy giảm nghiêm trọng do chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt và nước thải nông nghiệp,... cũng ngày càng báo động.

Do vậy, Tập đoàn F.I.T cũng đặc biệt chú trọng đến những tác động về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh, ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường. Đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải trong các nhà máy sản xuất, đảm bảo rác thải được xử lý đúng cách trước khi thải ra môi trường; Ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng sạch để giảm lượng khí thải gây ô nhiễm; áp dụng các nội quy làm việc nghiêm ngặt hơn về bảo vệ môi trường tại văn phòng và các cơ sở sản xuất.

Ngoài ra, rủi ro thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tập đoàn. Đối với những rủi ro này, F.I.T theo dõi sâu sát diễn biến, đưa ra các biện pháp phòng chống kịp thời và hợp lý, đồng thời áp dụng các sáng kiến kinh doanh giúp giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của sự kiện đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

6 ▸ SỨ MỆNH - TẦM NHÌN GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

Nâng tầm chất lượng cuộc sống
bằng sản phẩm và dịch vụ vượt trội

TẦM NHÌN

Tập đoàn thịnh vượng, đa ngành với các
sản phẩm và dịch vụ khác biệt, đẳng cấp, dẫn đầu,
mang lại chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn.
Nơi hội tụ nhân tài, được xã hội tôn vinh.

7 DANH HIỆU & GIẢI THƯỞNG

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2014

Do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng

LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG 2014

Do Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương,
Ấn phẩm đối ngoại
Asia – Pacific Economic Review,...trao tặng.

GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2015

Do Trung ương Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam
phối hợp với Trung ương Hội các nhà
doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng.

TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM 2016

Do Báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report
khảo sát và công bố theo chuẩn mực quốc tế.

TOP 03
TRONG SỐ 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÁT TRIỂN NHANH NHẤT VIỆT NAM NĂM 2017

Do Báo VietnamNet và Công ty
Vietnam Report khảo sát và công bố
theo chuẩn mực quốc tế.

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM 2023.

Do Báo VietnamNet và Công ty
Vietnam Report khảo sát và công bố
theo chuẩn mực quốc tế.

LỌT TOP 500 NHÀ TUYỂN DỤNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VBE 500) NĂM 2022

TOP 500 NHÀ TUYỂN DỤNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM NĂM 2023.

Do Báo Đầu Tư thuộc Bộ Kế hoạch và
Đầu tư cùng Viet research phối hợp trang tặng.

TOP 10
DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU ASIA

Do Hội đồng thẩm định của Enterprise Asia trao tặng

TOP 10
THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM XUẤT SẮC 2024

Do Tạp chí Doanh nghiệp & Thương mại trao tặng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình hoạt động trong năm
2. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
3. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

1.1 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

• KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Trong năm 2024, các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung và Tập đoàn F.I.T nói riêng vẫn tiếp tục gặp khó khăn, thách thức. Trong đó, thị trường là khó khăn lớn nhất đối với doanh nghiệp khi sức cầu trong nước phục hồi chậm, tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (nếu loại trừ yếu tố giá) chưa có nhiều chuyển biến rõ nét. Thị trường bất động sản mặc dù đã có chuyển biến nhưng còn khó khăn, các vấn đề pháp lý tồn đọng, nguồn lực đầu tư chưa được khai thác hiệu quả. Bên cạnh đó còn tồn tại những khó khăn khác như: Xuất khẩu dự báo có thể khó khăn hơn trong thời gian tới do tình hình thế giới khó lường, nhiều rủi ro, đặc biệt là xung đột quân sự tại Trung Đông, Ukraina... và việc điều chỉnh chính sách của một số nước lớn, đối tác quan trọng của Việt Nam. Ngoài ra, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, tăng trưởng sức mua tại các thị trường Trung Quốc, Mỹ, EU... chậm lại, thậm chí có rủi ro suy giảm; Hàng rào bảo hộ thương mại, áp thuế chống bán phá giá của các nước lớn gia tăng; các quy định mới về phát thải các-bon, sử dụng năng lượng tái tạo, bảo vệ rừng... chuẩn bị có hiệu lực; Áp lực cạnh tranh đối với hàng hoá trên thị trường thế giới và trong nước gia tăng, đặc biệt là từ các nước có cơ cấu sản xuất, xuất khẩu tương đồng với Việt Nam.

Tập đoàn F.I.T cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung, nhưng với những chiến lược và kế hoạch kinh doanh phù hợp đã mang lại những kết quả tích cực hơn trong năm 2024. Theo đó doanh thu hợp nhất của Tập đoàn F.I.T năm 2024 đạt 1.985 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2023, lợi nhuận sau thuế đạt 176,5 tỷ đồng.

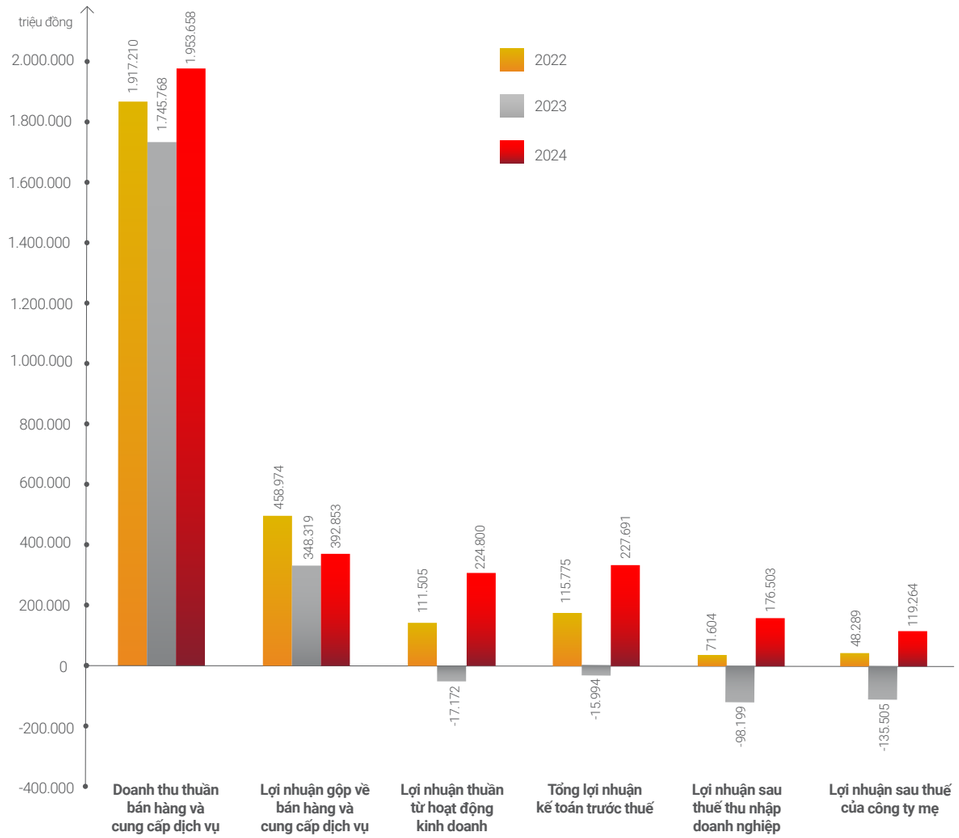

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 và năm 2023.

• TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Năm 2024 tuy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có phần khởi sắc nhưng không tránh khỏi những khó khăn và thách thức song hành. Với nhiều yếu tố khách quan và chủ quan tác động như nhu cầu thị trường trong nước thấp và tính cạnh tranh của hàng trong nước cao hay giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, chi phí vận tải kho bãi, chi phí các dịch vụ tăng cao vẫn là khó khăn lớn đối với Tập đoàn và các công ty thành viên. Vì vậy, Tập đoàn chưa đạt được các chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH (triệu đồng)	NĂM 2024 (triệu đồng)	TỶ LỆ THỰC HIỆN
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.210.385	1.984.757	89,79%
2	Lợi nhuận sau thuế	270.397	176.503	65,28%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,23%	8,89%	72,71%

1.2 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

- DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **NGUYỄN VĂN BẢN**
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Bản
Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/07/1978

Nơi sinh: Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hưng Yên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kế toán- Tài chính

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:
0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ 10/2000 – T9/2006
Trưởng phòng nghiệp vụ - Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Từ T10/2006 – T5/2007
Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Kiểm toán ASNAF

Từ T5/2007 – T3/2008
Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Kính nổi Chu Lai – KTV

Từ T3/2008 – T8/2015
Kế toán trưởng, Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành

Từ T9/2015 – T12/2022
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Huyền Anh.

Từ T3/2023 - Đến T11/2023
Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T

Từ T11/2023 - Đến nay
Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T

Từ T4/2023 - Đến nay
TV HĐQT - Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây

Từ T4/2023 - Đến nay
TV HĐQT - Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang

Từ T6/2023 - Đến nay
CT HĐQT - Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas

Từ T6/2023 - Đến nay
CT HĐQT - Công ty Cổ phần Hạt giống TSC

Từ T11/2023 - Đến nay
Phó Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu Tư JJK Holdings

Từ T8/2024 – Đến nay
Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Bà **VŨ THỊ MINH HOÀI**
Phó Tổng GĐ thường trực

Vũ Thị Minh Hoài
Phó Tổng giám đốc thường trực

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 12/09/1988

Nơi sinh: Hùng Thắng - Tiên Lãng - Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Phòng

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn:
Kế toán và Quản trị Kinh Doanh

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:
0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ 2010 – 2011:
Chuyên viên tại Công ty TNHH F.A.C

Từ 2011 – 2013:
Chuyên viên tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vietland

Từ 2014 – Đến nay:
Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings

Từ 2016 – Đến nay:
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T

Từ 2020 – Đến nay:
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Today Cosmetics

Từ 2020 – Đến nay:
Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn

Từ 2020 – Đến nay:
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FIT Cosmetics

Từ T7/2022 – Đến nay:
Chủ tịch Công ty TNHH Xuất khẩu và Thương mai F.I.T Việt Nam

Từ T12/2021 – Đến nay:
Phó Tổng giám đốc thường trực kiêm Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T

Ông **LÊ VIỆT CƯỜNG**
Kế toán trưởng

Lê Việt Cường
Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/03/1992

Nơi sinh: Mộc Châu, Sơn La

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Sơn La

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:
0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ 07/2015 - 06/2020:
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Từ 07/2020 - 06/2021:
Công ty Bảo hiểm Vietinbank Vĩnh Phúc

Từ 07/2021 - 06/2022:
Công ty Cổ phần Đầu tư VSD

Từ 09/2022 – Đến nay:
Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T

Từ 11/2022 – Đến nay:
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư
và Phát triển Bất động sản Charlotte

Từ 09/2023 – Đến nay:
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần
Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây

Từ 04/2024 – Đến nay:
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang

Từ 04/2024 – Đến nay:
Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có sự thay đổi

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đội ngũ nhân sự là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững và dài hạn của doanh nghiệp. Nhận thức rõ điều này, Tập đoàn F.I.T luôn đặt mục tiêu xây dựng và phát triển một đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên nghiệp, đạt tiêu chuẩn hàng đầu, làm nền tảng cho chiến lược phát triển vững mạnh trong tương lai.

a. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2024 là: **1.662** người.
- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2024 là **54** người.

Phân theo giới tính

20 Nam

34 Nữ

Phân theo trình độ học vấn

05 TRÌNH ĐỘ TRÊN ĐẠI HỌC

44 TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

05 ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ

54 LAO ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN

0 LAO ĐỘNG THỜI VỤ

b. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/ tuần (trong đó làm việc 2 buổi sáng thứ 7 cách tuần).

- Đảm bảo chi trả các khoản thu nhập đúng thời hạn, không xảy ra cắt giảm hay chậm lương. Trường hợp làm thêm giờ, F.I.T thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
- Tất cả nhân viên đều được nghỉ phép năm theo chế độ của Nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn hoặc có thành tích xuất sắc;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho nhân sự. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi

- Tất cả nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Chế độ thưởng Lễ đầy đủ, chu đáo; mức thưởng Tết xứng đáng với cống hiến của cán bộ nhân viên ("CBNV"). Cơ chế đánh giá và hệ thống lương thưởng rõ ràng, mức lương cạnh tranh, xứng đáng, ghi nhận kịp thời đóng góp và tinh thần làm việc của CBNV.
- Ngoài những phần thưởng cho CBNV vào những dịp lễ, Tết, Công ty có chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho CBNV dựa vào kết quả kinh doanh hàng năm nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, tạo động lực phấn đấu, khích lệ tinh thần sáng tạo của CBNV và đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh vượt trội. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả nhân viên Công ty. CBNV luôn được động viên, khích lệ kịp thời thông qua chính sách khen thưởng hàng tháng, quý, năm. Với những CBNV có năng lực tốt và mong muốn gắn bó lâu dài sẽ được Công ty vinh danh thâm niên hàng năm.
- Sức khỏe CBNV luôn là một trong những quan tâm hàng đầu của Ban Lãnh đạo Tập đoàn. Bởi vậy, CBNV được trang bị thêm 01 gói bảo hiểm sức khỏe của hãng bảo hiểm Bảo Việt với nhiều quyền lợi, được chấp thuận chi trả ở nhiều cơ sở khám chữa bệnh cũng như các bệnh viện lớn.
- Bên cạnh đó, Tập đoàn có các chính sách tặng quà vào những sự kiện quan trọng của mỗi cá nhân như sinh nhật, kết hôn, sinh con, thăm hỏi, tặng quà khi ốm đau, vào các dịp lễ; Tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tập thể hàng năm với quy mô công ty và quy mô toàn Tập đoàn.
- Để cân bằng công việc – cuộc sống và nhằm tăng cường sức khỏe cho CBNV, Công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các Câu lạc bộ thể dục thể thao như CLB Gym, CLB Yoga,….
- Công ty có bếp ăn riêng luôn đảm bảo chất lượng dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Cung cấp xe riêng, công cụ, dịch vụ hỗ trợ công việc.
- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động: Công ty không có quy chế chung về phát hành cổ phiếu cho người lao động. Tuy nhiên, với mỗi lần phát hành cổ phiếu cho người lao động, HĐQT Công ty sẽ phê duyệt và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động tùy từng thời điểm.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và định biên nhân sự, Trưởng các Phòng/Ban xác định chức danh, tiêu chuẩn, tiêu chí, số lượng nhân sự cần tuyển dụng để làm cơ sở thực hiện.
- Dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế, cũng như kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty để đáp ứng yêu cầu phát triển theo từng giai đoạn, Ban Hành chính – Nhân sự xây dựng một kế hoạch đào tạo được liên kết chặt chẽ với Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của Công ty. Kế hoạch này sau đó được xem xét, phê duyệt từ Ban Tổng giám đốc.
- Chính sách đào tạo nhân sự được áp dụng theo nguyên tắc: Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty; Đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất tốt; Tăng năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Đồng thời, Công ty cũng đào tạo và nhắc nhở nhân viên mới, định kỳ đào tạo lại tất cả nhân viên về các quy định về lao động của công ty và luật pháp.

- Kế hoạch đào tạo của Ban Hành chính – Nhân sự không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo hiện tại của cán bộ và nhân viên trong từng Ban, Bộ phận, mà còn được thiết kế với khả năng tiên liệu và dự báo nhu cầu đào tạo trong tương lai. Điều này giúp tạo ra một nguồn lực đào tạo chất lượng, hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu và hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Công ty đặc biệt chú trọng vào việc phát triển và đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, nhằm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện của cán bộ, nhân viên. Điều này không chỉ giúp nâng cao kỹ năng và năng lực của từng cá nhân mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giữ chân những tài năng xuất sắc, góp phần vào sự phát triển bền vững của tổ chức.

1.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

• 1.3.1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai các dự án thông qua các Công ty thành viên. Cụ thể như sau:

01 DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ Y TẾ BENOVAS THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVAS (CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG)

Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas có diện tích gần 11.000m2, tọa lạc tại khu vực xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã hoàn thành toàn bộ các công tác xây dựng cơ bản vào tháng 7/2024. Sáng ngày 11/03/2025, Nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas chính thức được khánh thành.

Dự án có tổng vốn đầu tư 26 triệu USD. Trong giai đoạn 1, nhà máy đầu tư 16 triệu USD để xây dựng xưởng sản xuất hiện đại với công suất thiết kế 21,5 triệu sản phẩm/tháng, đáp ứng cung cấp 258 triệu sản phẩm/năm. Giai đoạn 2 sẽ tiếp tục được triển khai ngay sau khi nhà máy vận hành với tổng vốn đầu tư dự kiến 10 triệu USD, tập trung vào công nghệ sản xuất và nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ cao nhằm cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế những sản phẩm chất lượng cao. Dự kiến giai đoạn 2 của nhà máy chính thức hoàn thiện vào tháng 6/2026 .

02 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM THEO TIÊU CHUẨN EU-GMP THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Dự án gồm 2 nhà máy: Nhà máy sản xuất thuốc ung thư và Nhà máy sản xuất dược phẩm Non-Betalactam do Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long ("DCL") làm chủ đầu tư.

Tháng 11/2024, DCL đã ra quyết định về việc điều chỉnh nội dung dự án đầu tư nhà máy sản xuất dược phẩm trong đó gồm: Điều chỉnh thông tin nhà đầu tư; Điều chỉnh mục tiêu đầu tư của dự án thành: sản xuất thuốc, dược phẩm và sản xuất mỹ phẩm; Điều chỉnh quy mô xây dựng dự án và tổng mức đầu tư thực hiện dự án là 1.396.240.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm chín mươi sáu tỷ, hai trăm bốn mươi triệu đồng); Và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án. Theo đó, sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư được điều chỉnh thành 2 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc ung thư theo tiêu chuẩn EU-GMP và các hạng mục phụ trợ đi kèm (nhà văn phòng, nhà ăn, các hạng mục phụ trợ như nhà xe, bể xử lý nước thải, Bể PCCC, nhà bảo vệ, trạm biến áp, phòng bơm,....):

- Tiến độ hoàn thành các thủ tục pháp lý cho dự án (đầu tư, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, giấy phép xây dựng,...): từ tháng 11/2024 đến tháng 05/2025.

- Tiến độ khởi công và xây dựng các hạng mục công trình: từ tháng 06/2025 đến tháng 10/2026.

- Hoàn thành nghiệm thu công trình phụ và lắp đặt máy móc thiết bị: Từ tháng 10/2026 đến tháng 10/2027.

- Vận hành thử và thực hiện thủ tục xin các giấy phép con cần thiết để sản xuất: từ tháng 10/2027 đến tháng 12/2027.

- Sản xuất chính thức: Từ tháng 01/2028 trở đi.

Giai đoạn 2: Xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm sinh học công nghệ cao, nhà máy sản xuất viên nang thực vật công nghệ cao, Tổng kho, nhà máy hóa mỹ phẩm.

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án: từ tháng 01/2029 đến tháng 06/2029.

- Khởi công và xây dựng các hạng mục công trình: từ tháng 07/2029 đến tháng 10/2030.

- Hoàn thành nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị: Từ tháng 11/2030 đến tháng 10/2031.

- Vận hành thử và thực hiện thủ tục xin các giấy phép con cần thiết để sản xuất: từ tháng 10/2031 đến tháng 12/2031.

- Sản xuất chính thức: Từ tháng 01/2032 trở đi.

Trong giai đoạn 1, xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc ung thư Oncology theo tiêu chuẩn EU-GMP, đến cuối năm 2024, DCL đã hoàn thành công tác khảo sát địa hình, địa chất và điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy mô, mục tiêu mới. Dự kiến đến tháng 4/2025 sẽ ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn EU-GMP và hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành triển khai xây dựng nhà máy vào tháng 9/2025.

03 DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM HẬU GIANG THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN WESTFOOD HẬU GIANG

Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang (MST: 6300265343) tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến Nông sản Thực phẩm Hậu Giang trên diện tích đất 7ha tại KCN Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Trong năm 2024, dự án đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đi vào thi công xây dựng từ tháng 06/2024. Dự kiến, Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang sẽ hoàn thành toàn bộ các công tác thi công giai đoạn 1 vào tháng 05/2025 và vận hành thử, đưa vào sử dụng line 1 vào tháng 06/2025.

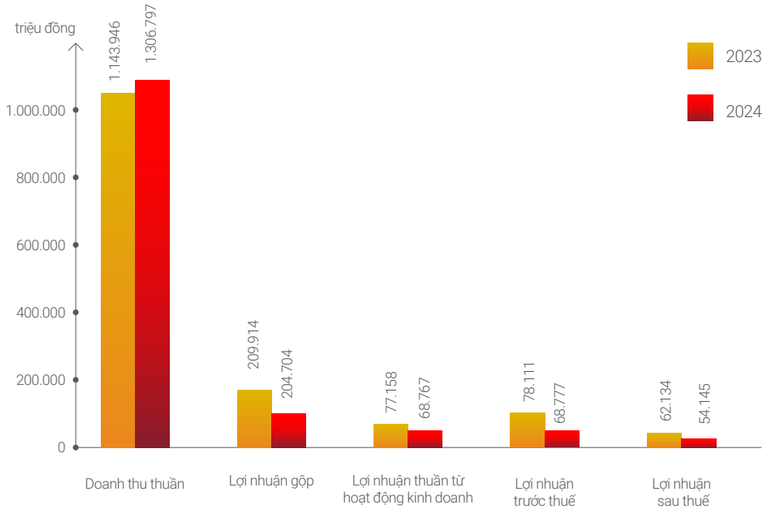

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
(công ty con cấp 1)
Tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giai đoạn năm 2023 – 2024

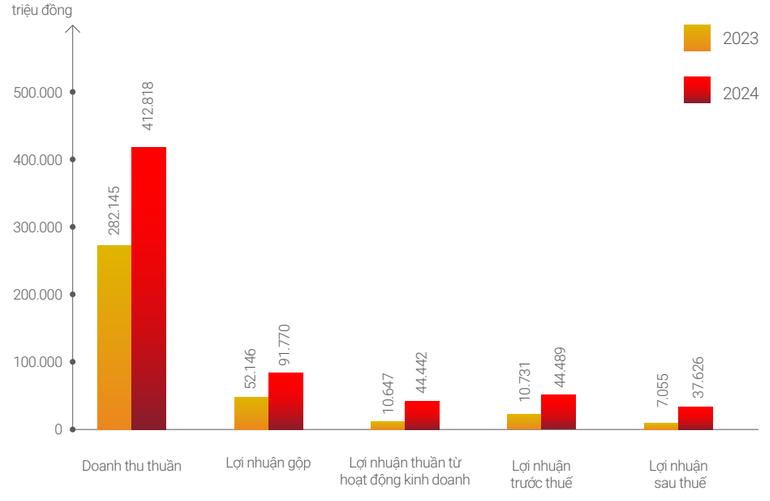

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY
(công ty con cấp 2)
Tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giai đoạn năm 2023– 2024

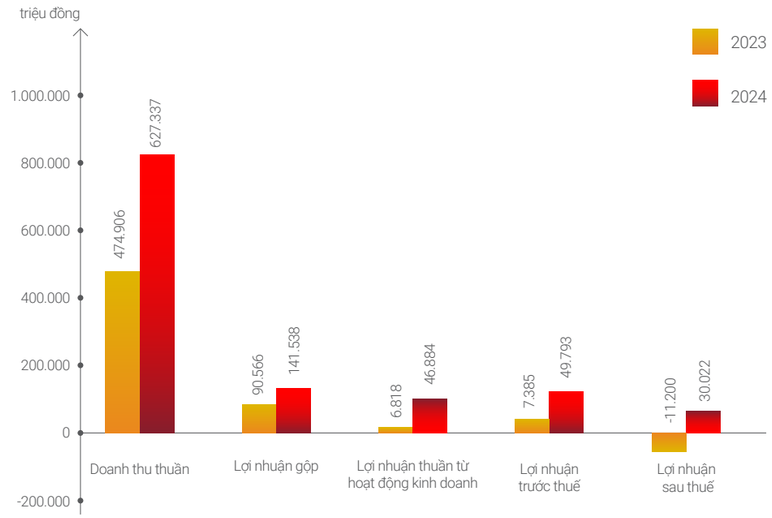

CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
(công ty con cấp 1)
Tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giai đoạn năm 2023 – 2024

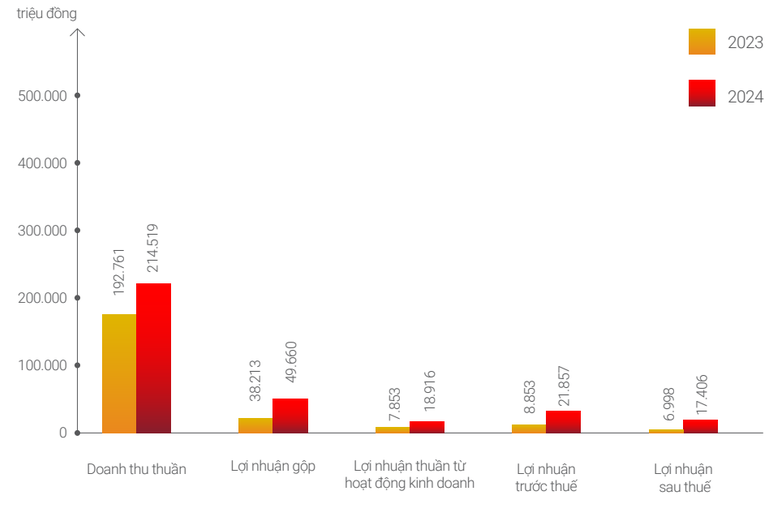

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HOÀ
(công ty con cấp 2)
Tình hình kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giai đoạn năm 2023 – 2024

1.4 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRONG GIAI ĐOẠN NĂM 2022 - 2024 CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT

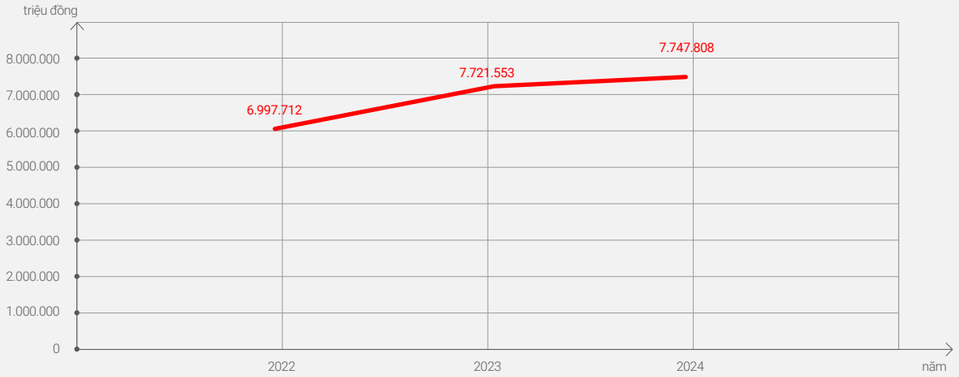

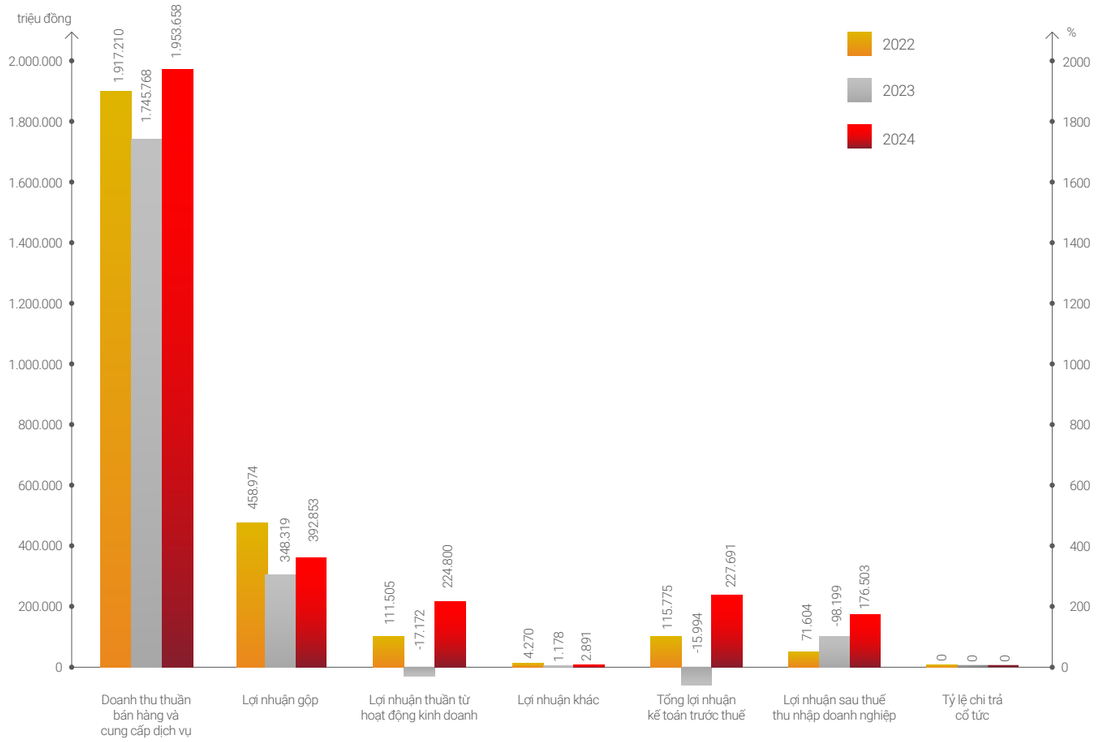

- MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRONG GIAI ĐOẠN NĂM 2022 - 2024 CỦA CÔNG TY MẸ

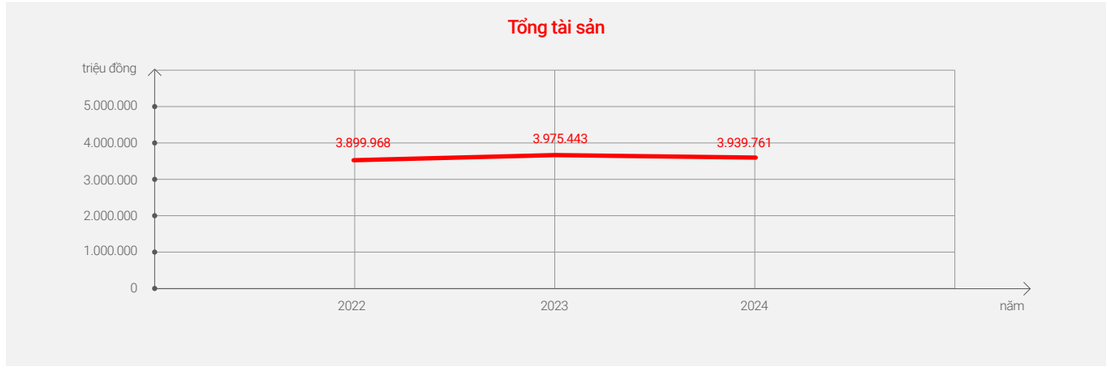

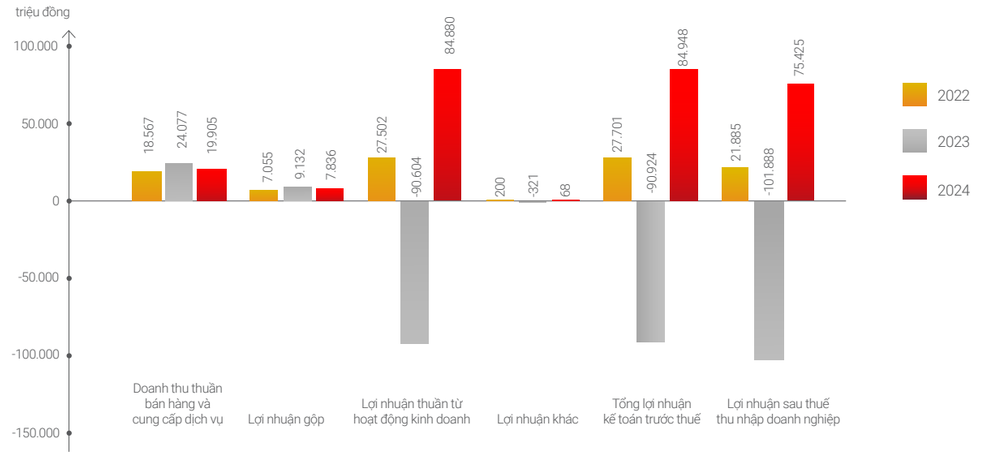

- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,34	3,92	17,34%
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,09	3,62	17,26%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,25	0,23	-7,96%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,34	0,30	-10,38%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,44	3,73	8,56%
Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,24	0,25	6,48%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,06	0,09	260,61%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,02	0,03	274,42%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,01	0,02	279,13%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,01	0,12	1269,77%

1.5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- CỔ PHẦN

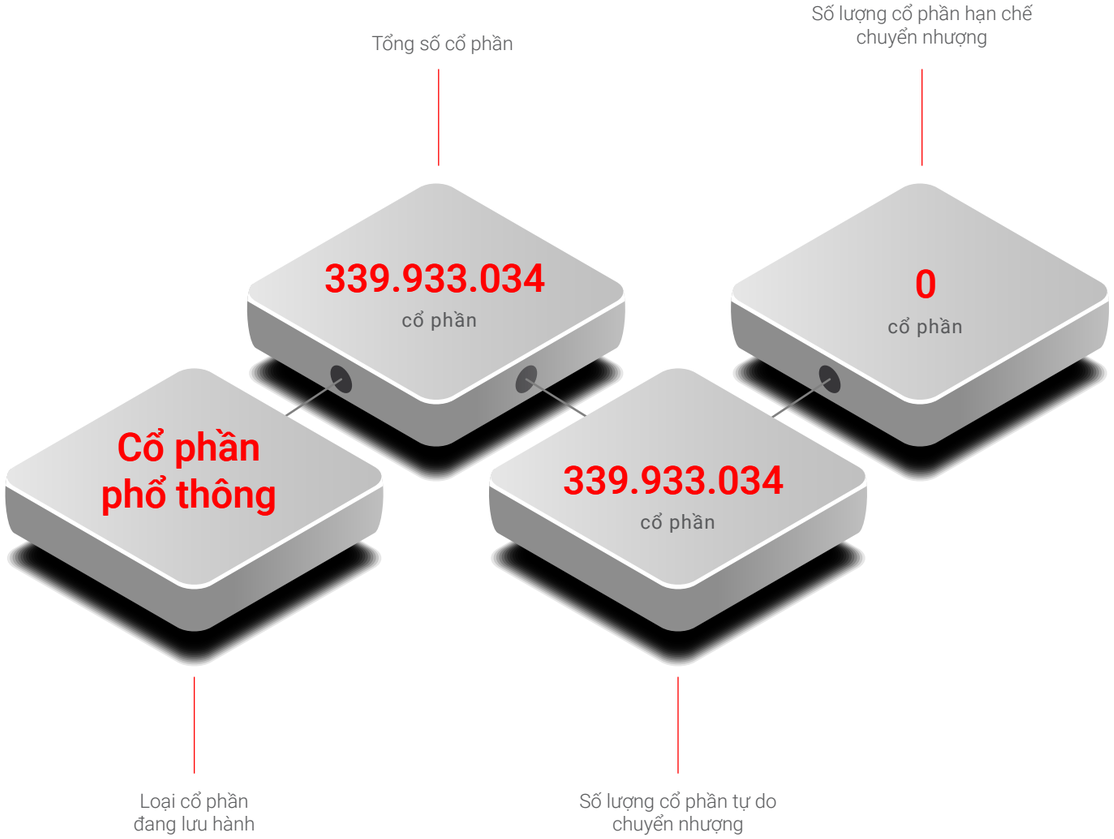

- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 11/03/2025

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	**Cổ đông Nhà nước**	0	0	0	0	0
2	**Cổ đông sáng lập:**	19.000	0,01%	1	0	1
	Trong nước	19.000	0,01%	1	0	1
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	**Cổ đông lớn:**	103.399.479	30,42%	1	1	0
	Trong nước	103.399.479	30,42%	1	1	0
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	**Công đoàn Công ty:**	0	0	0	0	0
	Trong nước	0	0	0	0	0
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	**Cổ phiếu quỹ**	0	0	0	0	0
6	**Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)**	0	0	0	0	0
7	**Cổ đông khác:**	236.514.555	69,58%	19.948	27	19.921
	Trong nước	236.418.003	69,55%	19.916	19	19.897
	Nước ngoài	96.552	0,03%	32	08	24
TỔNG CỘNG:		**339.933.034**	**100%**	**19.950**	**28**	**19.922**
Trong đó: Trong nước		339.836.482	99,97%	19.918	20	19.898
Nước ngoài		96.552	0,03%	32	08	24

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T được thành lập với hình thức Công ty cổ phần từ năm 2007 với vốn điều lệ ban đầu là 35 tỷ đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã có 14 lần tăng vốn và không có lần giảm vốn điều lệ nào. Cụ thể như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
1	22/03/2011	75.000	110.000	**Phát hành cho cổ đông hiện hữu:** - Số lượng cổ đông: 33 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 3.500.000 cổ phần **Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược:** - Số lượng đối tác chiến lược: 3 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/08/2010 - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 06 ngày 31/08/2011
2	10/02/2012	40.000	150.000	**Phát hành cho cổ đông hiện hữu:** - Số lượng cổ đông: 39 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 11:4 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/11/2011 - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 08 ngày 27/08/2012
3	20/12/2013	7.500	157.500	**Trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu:** - Số lượng cổ đông: 238 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 20:1 - Số lượng phát hành: 750.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 19/01/2013 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 12 ngày 23/01/2014
4	05/05/2014	157.500	346.499,96	**Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu:** - Số lượng cổ đông: 849 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1 - Số lượng phát hành: 3.149.999 cổ phần **Phát hành cho cổ đông hiện hữu:** - Số lượng cổ đông: 763 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:65 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 10.237.497 cổ phần **Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược:** - Số lượng đối tác chiến lược: 1 - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 4.725.000 cổ phần **Phát hành cho cán bộ công nhân viên:** - Số lượng CBCNV: 33 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 787.500 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2014 ngày 18/01/2014 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 14 ngày 18/06/2014
5	01/08/2014	121.274,98	467.774,94	**Phát hành cho cổ đông hiện hữu:** - Số lượng cổ đông: 1.382 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:35 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 12.127.498 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/01/2014 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 16 ngày 02/10/2014
6	06/11/2014	32.225	499.999,94	**Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược:** - Số lượng đối tác chiến lược: 2 - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 3.225.500 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 17 ngày 25/12/2014
7	07/2/2015	392.124,94	892.124,88	**Tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu:** Số lượng cổ đông: 2.370 Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:15 Số lượng phát hành: 7.499.999 cổ phần **Phát hành cho cổ đông hiện hữu:** Số lượng cổ đông: 2130 Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:60 Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần Số lượng phát hành: 29.999.996 cổ phần	-Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014; -Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; -Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 19 ngày 05/03/2015
8	20/05/2015	892.124,88	1.784.249,76	**Phát hành cho cổ đông hiện hữu:** - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 89.212.488 cổ phần - Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Nam	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 28/02/2015; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 21 ngày 20/06/2015
9	22/06/2015	7.875,01	1.792.124,77	**Phát hành cho cán bộ công nhân viên (đợt 2 năm 2015):** - Số lượng CBCNV: 16 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 787.501 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 22 ngày 20/07/2015
10	05/07/2016	143.364,85	1.935.489,62	**Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu:** - Số lượng cổ đông: 4579 - Tỷ lệ phân bổ quyền: (100:8) - Số lượng phát hành: 14.336.485 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 22/04/2016 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 24 ngày 01/08/2016
11	27/10/2016	300.000	2.235.489,62	**Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:** - Ngày đáo hạn trái phiếu: 26/10/2016 - Ngày chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: 27/10/2016 - Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu - Giá bán trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu - Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000 trái phiếu - Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành mười cổ phần) - Mệnh giá cổ phần đã được chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng cổ phần đã được chuyển đổi: 30.000.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/04/2014 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 26 ngày 20/12/2016
12	09/01/2017	311.812,85	2.547.302,47	**Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược:** - Số lượng đối tác chiến lược: 03 - Giá phát hành: 11.500 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 31.181.285 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/9/2016; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 27 ngày 13/02/2017
13	05/10/2021	80.000	2.627.302,47	**Phát hành cho cán bộ công nhân viên:** - Số lượng CBCNV: 70 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 8.000.000 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 22/04/2021; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 29 ngày 08/11/2021
14	26/04/2022	772.027,87	3.399.330,34	**Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu:** - Số lượng cổ đông: 27.018 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 10:1 - Số lượng phát hành:26.272.393 cổ phần **Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:** - Số lượng cổ đông: 734 - Tỷ lệ thực hiện: 100:19,39101 (cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền, 100 quyền mua được mua 19,39101 cổ phiếu mới) - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 50.930.394 cổ phần	- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 33 ngày 29/06/2022

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: KHÔNG CÓ

1.6 CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

• SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động: Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2024 là 54 người

Mức lương bình quân của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	**21.018.123**	**27.965.578**	**23.858.317**

• CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẰM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

- *Vinh danh thành công*: Tập đoàn F.I.T luôn tôn trọng và đánh giá cao giá trị con người, đặc biệt là những cá nhân phù hợp và có đóng góp xuất sắc. Việc trân trọng và tôn vinh những thành tựu đạt được không chỉ là nguyên tắc mà còn là kim chỉ nam trong văn hóa doanh nghiệp. Cùng với các hoạt động vinh danh, những phần thưởng xứng đáng trị giá lên đến hàng nghìn USD cũng được trao tặng. Không chỉ dừng lại ở việc nâng cao năng lực chuyên môn, Tập đoàn còn chú trọng chăm lo đến sức khỏe tinh thần và thể chất của cán bộ nhân viên ("CBNV") như mở các lớp học yoga, tập nhảy, tập gym tại văn phòng.

- *Chăm sóc sức khỏe toàn diện*: Sức khỏe của CBNV là một trong những ưu tiên hàng đầu của Ban Lãnh đạo Tập đoàn. CBNV được trang bị bảo hiểm sức khỏe Bảo Việt với nhiều quyền lợi hấp dẫn, áp dụng tại nhiều cơ sở khám chữa bệnh trên toàn quốc. Ngoài ra, bếp ăn công ty luôn đảm bảo cung cấp các bữa ăn giàu dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe toàn diện cho nhân viên.

- *Môi trường làm việc tự chủ cao*: Tinh thần tự chủ được Tập đoàn F.I.T khuyến khích và phát huy mạnh mẽ ở mọi cấp bậc, từ lãnh đạo cấp cao đến từng cá nhân trong đội ngũ CBNV. Sự tự chủ không chỉ giúp tối ưu hiệu suất làm việc mà còn góp phần xây dựng môi trường làm việc cởi mở, sáng tạo.

- *Đảm bảo các điều kiện vật chất tốt nhất cho CBNV*: Tập đoàn cam kết cung cấp các điều kiện vật chất và phúc lợi tốt nhất cho CBNV. Trang thiết bị làm việc được trang bị đầy đủ và hiện đại; phụ cấp điện thoại được chi trả cùng kỳ lương. Trong các chuyến công tác, nhân viên được hỗ trợ tốt nhất về chi phí đi lại, ăn ở, và công tác phí. Ngoài ra, Tập đoàn còn dành các khoản thưởng hấp dẫn dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hằng năm, cũng như các phần thưởng nhân dịp Lễ, Tết, thể hiện sự ghi nhận và động viên xứng đáng đối với những đóng góp của đội ngũ CBNV.

• HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 08 giờ/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Hàng năm, Công ty sẽ lên kế hoạch đào tạo nội bộ kết hợp với việc cử nhân sự tham gia các khóa học bên ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như phát triển các kỹ năng cần thiết. Theo đó, trong năm 2024, Ban Hành chính – Nhân sự đã kết hợp cùng các Ban/Bộ phận xây dựng lộ trình thăng tiến IDP cho từng CBNV, đồng thời lên kế hoạch xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa, từ đó mỗi CBNV sẽ nhận dạng được những năng lực cần bổ sung, bồi dưỡng để có thể phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu nghề nghiệp của bản thân tại F.I.T.

- Chú trọng đào tạo và gìn giữ nhân tài: Hệ thống E-Learning được đầu tư công phu, chương trình đào tạo thường xuyên được tổ chức, thư viện được thiết kế với nhiều đầu sách hấp dẫn phục vụ nhu cầu đọc, tìm hiểu và bổ sung kiến thức của CBNV. Công tác bồi dưỡng và gìn giữ nhân tài đặc biệt được chú trọng.

- Trong năm 2024, Tập đoàn cũng đã triển khai nhiều hoạt động đào tạo liên quan đến OGSM để toàn thể CBNV đều nắm và hiểu rõ định hướng, mục tiêu của Tập đoàn. Đặc biệt là chuỗi Podcast định kỳ hàng tháng với những chia sẻ từ các khách mời là lãnh đạo cấp cao và cấp trung của F.I.T và các công ty thành viên cũng góp phần giúp phát triển văn hóa doanh nghiệp trong Tập đoàn.

1.7 BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Trong năm qua, Công ty chưa tham gia vào thị trường vốn xanh.

2 ▸ BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2.1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

• TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Là một nền kinh tế có độ mở cao, Việt Nam không tránh khỏi ảnh hưởng của bên ngoài như tình trạng lạm phát cao kéo dài ở các nền kinh tế lớn, việc điều chỉnh chính sách của các nước lớn tiềm ẩn rủi ro đến ổn định thị trường tài chính,... Chính phủ tiếp tục có những chính sách, giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhờ đó, nền kinh tế nước ta năm 2024 có nhiều tiến triển tích cực. Với bức tranh kinh tế đã có nhiều biến chuyển, Tập đoàn F.I.T tiếp tục tận dụng, phát huy những thế mạnh vốn có của mình, tiếp tục lắng nghe diễn biến của thị trường để nắm bắt các cơ hội đầu tư tốt, tận dụng và sử dụng tối đa nguồn tài chính sẵn có. Đồng thời, Tập đoàn đã đẩy mạnh sản xuất và bán hàng để phát huy hết năng lực sản xuất, chiếm lĩnh thị trường mang những sản phẩm chất lượng đến với người tiêu dùng.

Theo số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 là 1.985 tỷ đồng, đạt 89,79% so với kế hoạch đã đề ra; Lợi nhuận sau thuế là 176,5 tỷ đồng. Mặc dù đã có những thay đổi tích cực trong năm 2024 nhưng điều đó vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng, vì vậy cần phải cố gắng rất nhiều mới có thể hoàn thành mục tiêu.

Bên cạnh đó, sự cạnh tranh trong cùng thị trường ngày càng gay gắt nên cũng có nhiều thách thức mà Công ty phải đối mặt. Nếu không tận dụng tốt cơ hội và phát huy tốt thế mạnh của mình thì chúng ta sẽ đánh mất lợi thế cạnh tranh và phát triển trong thời gian tới.

• NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Nắm bắt thời cơ, F.I.T Group đã tập trung bám sát các chiến lược hành động đề ra từ đầu năm, đồng thời cải tiến sản phẩm, đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở vật chất, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, quản trị của các cán bộ nhân viên.

Nhờ đó, Tập đoàn và các các công ty thành viên đã gặt hái được nhiều thành công, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, ổn định trong tương lai.

Về lĩnh vực dược phẩm
Năm 2024, DCL đầu tư vào việc mở rộng dây chuyền sản xuất và xây mới nhà máy. Các nhà máy duy trì tiêu chuẩn cao về an toàn, chất lượng, năng suất, tối ưu hóa chi phí và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định.

Đặc biệt, dự án trọng điểm – Nhà máy Capsule 5, với tổng vốn đầu tư 232,5 tỷ đồng, đã hoàn tất nghiệm thu và chính thức đi vào hoạt động trong Quý IV/2024, nâng sản lượng cung cấp ra thị trường đạt 11,6 tỷ nang/năm. Đối với mảng thiết bị y tế, nhà máy Benovas với diện tích 11000m2, tổng mức đầu tư 26 triệu USD đã hoàn tất những công đoạn lắp đặt cuối cùng và đi vào hoạt động.

Đối với mảng Dược phẩm, DCL đang đầu tư nhà máy dược phẩm đạt chuẩn EU – GMP với tổng vốn đầu tư 1.396 tỷ đồng, công suất sản xuất thuốc, dược phẩm của nhà máy ước đạt 1,6 tỷ sản phẩm/năm.

Về lĩnh vực kinh doanh nước uống
Năm 2024, Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("Vikoda") đã tái nhận diện thương hiệu Đảnh Thạnh. Bên cạnh đó, Vikoda đã trở thành nhà tài trợ kim cương cho chuỗi hội thảo dinh dưỡng do Hội Dinh dưỡng Việt Nam tổ chức, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về lợi ích của nước khoáng kiềm thiên nhiên.

Đồng thời, thỏa thuận hợp tác với Spa Sky đánh dấu bước tiến trong chuyển giao công nghệ sản xuất nước uống có ga và mở rộng thị trường nước giải khát tại Việt Nam. Đặc biệt, việc bắt tay với Công ty Nutrin Quảng Châu và tham gia Hội nghị Kết nối doanh nghiệp Khánh Hòa - Trung Quốc 2024 đã mở ra tiềm năng xuất khẩu những sản phẩm chất lượng cao của Công ty sang thị trường Trung Quốc và quốc tế.

Về lĩnh vực FMCG
Tổng kết năm 2024, Công ty Cổ phần FIT Cosmetics ghi nhận doanh thu thuần đạt gần 49 tỷ đồng, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là hơn 15 tỷ đồng, tổng tài sản vượt mức 85 tỷ đồng. Trong năm 2024, ngành hàng chăm sóc cá nhân tiếp tục dẫn đầu doanh thu với 54%, theo sau là chăm sóc nhà ở (40%) và chăm sóc răng miệng (8%).

Ba tháng cuối năm, các nhãn hàng đạt kết quả tích cực về doanh thu và truyền thông nhờ kênh thương mại điện tử (Shopee, TikTok) và Marketing Affiliate, đặc biệt qua các phiên livestream tự sản xuất hoặc hợp tác cùng KOL/KOC có sức ảnh hưởng lớn.

Về lĩnh vực nông nghiệp – Thực phẩm
Năm 2024, Công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ đạt doanh thu 628,7 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều có tín hiệu khởi sắc so với năm ngoái. Tại mảng thực phẩm, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây đã ra mắt thương hiệu rau củ quả tươi và chế biến FRUIT MOJI, đạt các tiêu chuẩn xuất khẩu quốc tế như: FDA, IFS, BSCI,.. đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, sẵn sàng phục vụ các thị trường nước ngoài khó tính.

2.2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Tính tới thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty là 7.748 tỷ đồng, tăng nhẹ so với thời điểm cuối năm 2023, trong đó nợ phải trả là gần 1.807 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đầu tư trang thiết bị tăng năng lực sản xuất kinh doanh.

• TÌNH HÌNH TÀI SẢN

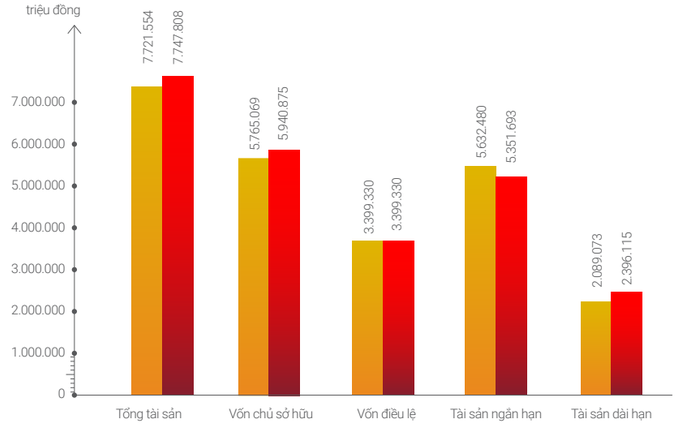

• TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

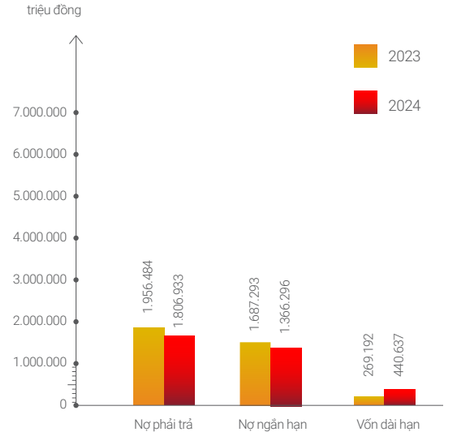

2.3 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, căn cứ trên tình hình thực tế của Tập đoàn, Ban Tổng Giám đốc đã rà soát và điều chỉnh cơ cấu tổ chức để phù hợp với chiến lược kinh doanh mới, giảm bớt các cấp bậc không cần thiết, nhằm tăng cường tính linh hoạt. Đánh giá và phân chia rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận để đảm bảo mọi người hiểu rõ vai trò của mình.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cũng thông qua các chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo trong toàn bộ tổ chức thông qua các chương trình, giải thưởng. Năm 2024, việc chuyển đổi số trong Tập đoàn được đặc biệt chú trọng, việc sử dụng công nghệ thông tin và tự động hóa giúp tối ưu hóa quy trình công việc, giảm thiểu thủ tục tốn thời gian.

Các thay đổi nêu trên giúp tăng cường sự linh hoạt của Tập đoàn. Qua đó, Tập đoàn đã thích ứng tốt hơn với những biến động của thị trường trong năm. Đồng thời, những cải tiến này sẽ giúp doanh nghiệp phát triển nhanh chóng, thích ứng tốt hơn với môi trường kinh doanh thay đổi và tạo ra giá trị cho xã hội, cộng đồng.

2.4 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Với phương châm nâng tầm chất lượng cuộc sống, Tập đoàn F.I.T đã, đang và sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thông minh ngày càng cao của thị trường.

Cùng với nguồn vốn và năng lực quản trị bài bản, sự tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính về doanh số, lợi nhuận sẽ là kết quả tất yếu. Tiến tới năm 2025, Tập đoàn F.I.T đặt mục tiêu:
Tối ưu nguồn lực tạo đột phá sản xuất kinh doanh.

Về lĩnh vực dược phẩm, năm 2025, DCL đặt mục tiêu vượt đỉnh doanh thu đạt 480 tỷ và tăng trưởng thêm 20% thị phần trong mảng Capsule với những chiến lược quan trọng như: Bảo vệ những khách hàng độc quyền mà DCL đang có; Đầu tư nguồn lực và tìm hiểu đối thủ, hiểu thị trường để kéo được khách hàng về phía mình; Tìm kiếm khách hàng mới và phát triển thị trường mới là xuất khẩu.

Về lĩnh vực kinh doanh nước uống, Vikoda tiếp tục tập trung nghiên cứu, hoàn thiện công thức và tung ra thị trường sản phẩm mới, mở rộng kênh phân phối và mạng lưới khách hàng, mang đến cho người tiêu dùng các giải pháp chăm sóc sức khỏe vượt trội, tinh túy nguyên bản từ thiên nhiên.

Tiến tới năm 2027, Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa đặt mục tiêu trở thành Công ty cung cấp nước khoáng kiềm thiên nhiên số 1 tại Việt Nam với doanh thu 1.000 tỷ, lợi nhuận trước thuế 15% doanh thu.

Về lĩnh vực hóa mỹ phẩm, trong năm 2025, Công ty Cổ phần FIT Cosmetics và Công ty Cổ phần Today Cosmetics tiếp tục chiến lược phát triển các thương hiệu sản phẩm Chăm sóc Cá nhân và Chăm sóc Gia đình theo xu hướng xanh, có tính bền vững, thân thiện với môi trường và an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, FIT Cosmetics cũng nghiên cứu phát triển mỹ phẩm, đáp ứng nhu cầu và tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường đối với dòng sản phẩm này.

3 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

3.1 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024, tiếp tục là một năm gây không ít thách thức đối với cả nền kinh tế Việt Nam. Doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với khó khăn về thị trường, dòng tiền và thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu, chi phí sản xuất tăng cao. Tuy nhiên, đây cũng chính là cơ hội để các tổ chức đang chuyển mình mạnh mẽ như F.I.T vừa củng cố nền tảng, tăng cường nội lực, vừa duy trì đà tăng trưởng theo hướng bền vững, hiệu quả nhằm tạo thế và lực cho giai đoạn tăng trưởng mới, khẳng định vị thế hàng đầu trên thị trường.

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã phát huy tốt vai trò và trách nhiệm trong việc xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ, nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt, kiểm soát vận hành hiệu quả và giám sát hoạt động của mô hình quản trị, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và hài hòa lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cổ đông.

Về việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, Ban lãnh đạo đã thực thi kế hoạch kinh doanh năm 2024 theo đúng định hướng, chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT yêu cầu Ban điều hành báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của Công ty và báo cáo đột xuất khi xảy ra vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời giải quyết.

Về công tác nhân sự, Tập đoàn đã tổ chức tốt các buổi đào tạo, không ngừng tuyển dụng, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa để đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh đồng thời phát triển nguồn nhân sự chất lượng cao. Tập đoàn cũng đã chú trọng đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ với mục tiêu để mỗi cán bộ công nhân viên hiểu rõ bức tranh toàn cảnh, hiểu kỹ mục tiêu chính và chiến lược của công ty mình.

Tập đoàn đã tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết. Tiếp xúc và cung cấp các thông tin về Công ty cho các cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. F.I.T đã và đang thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan.

Về phát triển thương hiệu, giải thưởng "Top 10 Thương hiệu Việt Nam xuất sắc 2024" một lần nữa khẳng định sự tín nhiệm của khách hàng, đối tác và nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, góp phần khẳng định vị thế và thương hiệu của Tập đoàn F.I.T tại Việt Nam. Với 17 năm xây dựng và phát triển, F.I.T giờ đây được xem là hình mẫu của một Tập đoàn kinh tế Việt Nam đa ngành, thịnh vượng với năng lực sản xuất và kinh doanh vượt trội, theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững, đóng góp sôi nổi trong các hoạt động vì cộng đồng. Các sản phẩm, dịch vụ của Tập đoàn được phân phối và đón nhận bởi người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, Tập đoàn F.I.T thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường, xã hội và cộng đồng, luôn tích cực thực hiện trách nhiệm cộng đồng với hàng loạt các chương trình an sinh xã hội thiết thực và ý nghĩa thông qua các các công ty thành viên như: tham gia các ngày hội việc làm để mang đến nhiều cơ hội hấp dẫn cho các bạn sinh viên và những người trẻ đam mê ngành Dược phẩm; ủng hộ hơn 44.000 chai nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda, 850 combo bàn chải và kem đánh răng Dr. Kool Kid và hơn 2.000 chai sản phẩm dung dịch nước rửa tay khô và 24 thùng hàng gồm các loại thuốc thiết yếu như thuốc giảm đau, hạ sốt, thuốc điều trị các bệnh về hô hấp và kháng khuẩn,... cho những hoàn cảnh chịu nhiều thiệt hại của siêu bão Yagi,...

3.2 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban lãnh đạo Tập đoàn F.I.T luôn sẵn sàng đáp ứng các nhiệm vụ mang tính thách thức, đòi hỏi tốc độ nhanh và phù hợp với những biến động của thị trường. Trong bối cảnh ngày càng khó khăn của doanh nghiệp, Ban Tổng giám đốc đã nắm rõ chiến lược của HĐQT, quản lý, điều hành và phối hợp hành động hiệu quả để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT.

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc cũng giữ vững tinh thần tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với người lao động và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo công ăn việc làm, đảm bảo an toàn sức khỏe nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan.

HĐQT cũng đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Lãnh đạo Tập đoàn và Ban Tổng giám đốc các công ty thành viên trong việc triển khai và đẩy mạnh các kế hoạch, chiến lược kinh doanh, tập trung vào các ngành sản xuất mũi nhọn gồm: Dược phẩm, nước giải khát, chế biến xuất khẩu nông sản, tiêu dùng nhanh, bất động sản.

HĐQT giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tham dự các cuộc họp thường kỳ của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm kịp thời hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.

3.3 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025 tăng trưởng kinh tế toàn cầu được nhận định có xu hướng cải thiện nhẹ so với 2024, điều này đòi hỏi sự nhanh nhạy trong việc nắm bắt các cơ hội, trí tuệ, bản lĩnh, đồng lòng trong các quyết sách chiến lược và khát khao chiến thắng của từng cá nhân Ban lãnh đạo và toàn thể CBNV.

Trong thời gian tới, sẽ có rất nhiều cơ hội, đặc biệt là có thể tiếp tục sở hữu những ngành hàng có thương hiệu, giá trị; xem xét đầu tư mở rộng lĩnh vực mới ngoài Dược phẩm, FMCG, Nước uống đóng chai, Nông nghiệp, Bất động sản.

Ngoài ra, Công ty cũng cần chuẩn bị sẵn sàng mọi nguồn lực: Tài chính, con người, công nghệ, máy móc thiết bị,...; tập trung vào những lĩnh vực đầu tư mũi nhọn, không dàn trải, không hướng tới mục đích lấy sản lượng, quy mô mà hướng đến chất lượng và sự ổn định bền vững,... Bên cạnh đó, Tập đoàn không ngừng tuyển dụng, đào tạo để phát triển nguồn nhân sự chất lượng cao sẵn sàng đáp ứng cho sự phát triển, đi đôi với đó là sự đầu tư phát triển.

Với sự chung sức, đồng lòng của Tập đoàn và các CTTV, 2025 sẽ là năm F.I.T Group vượt sóng, cất cánh vươn xa, là tiền đề cho sự phát triển bền vững, hiện thực hóa tầm nhìn trở thành Tập đoàn thịnh vượng, đa ngành có các sản phẩm và dịch vụ khác biệt, đẳng cấp, dẫn đầu, mang lại chất lượng cuộc sống tốt đẹp hơn.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

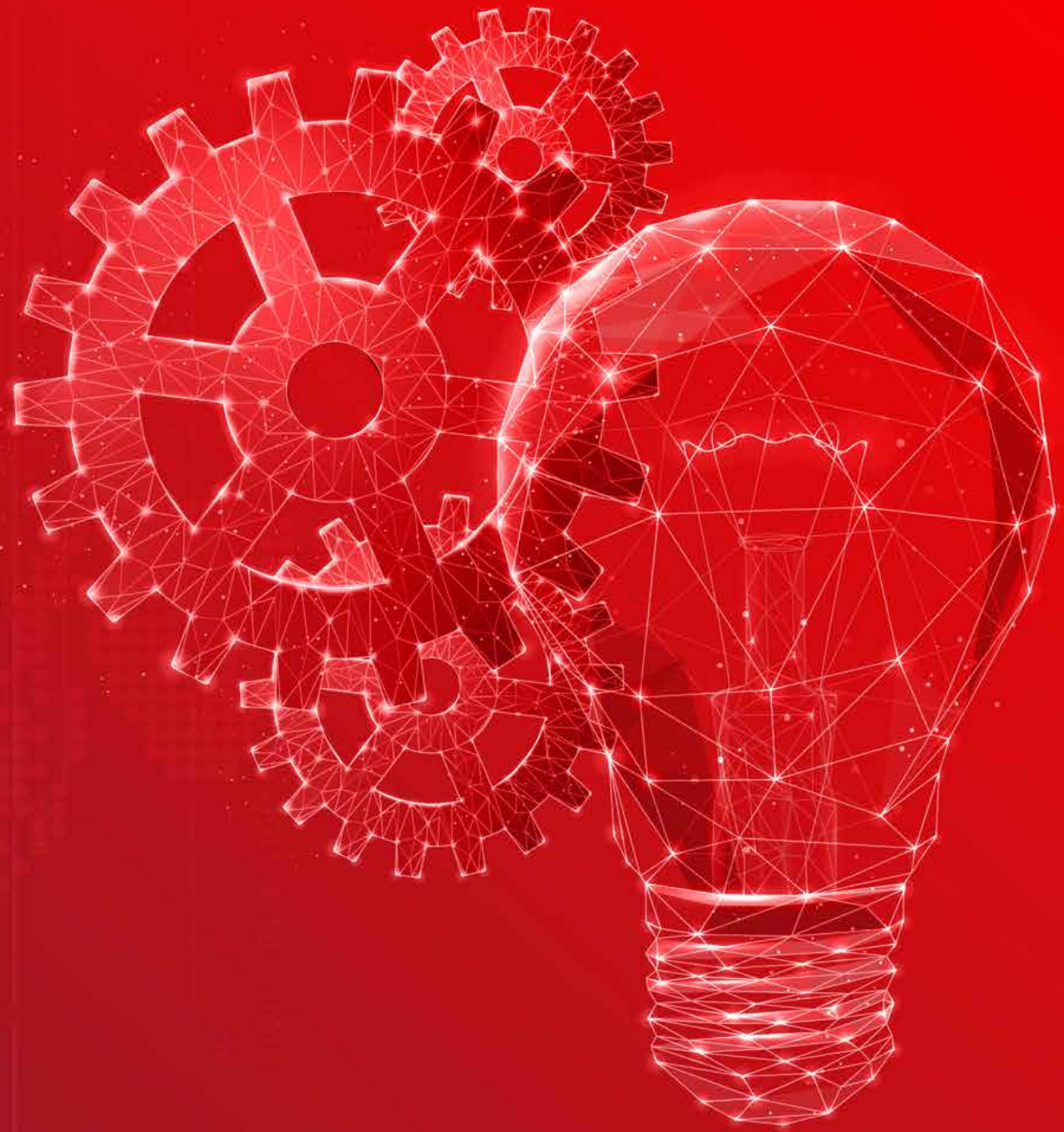

1 ▸ HỘI ĐỒNG **QUẢN TRỊ**

1.1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông NGUYỄN VĂN SANG

Chủ tịch HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT:
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings
Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas

Chủ tịch Công ty:
Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm VPC - Sài Gòn

Bà NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

Phó Chủ tịch HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,01%

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT
- Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây
- Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang

Thành viên HĐQT
- Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Bà VŨ THỊ MINH HOÀI

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT
- Công ty Cổ phần FIT Cosmetics
- Công ty Cổ phần Today Cosmetics

Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T

Chủ tịch
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và thương mại F.I.T Việt Nam

Giám đốc
- Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn

Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings

Ông NGUYỄN NINH DŨNG

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings

Ông ĐINH QUỐC HÙNG

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT công ty HHM
Công ty Cổ phần HHM Việt Nam

Ông VŨ ANH TRỌNG

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Bà NGUYỄN NGỌC MAI

TV HĐQT - Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

1.2 CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để phù hợp với tình hình thực tế và cơ cấu tổ chức hoạt động của Công Ty, chức năng, nhiệm vụ của các Phòng/Ban, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Đại hội đã thông qua việc chấm dứt hoạt động của Tiểu ban đầu tư trực thuộc HĐQT Công Ty kể từ ngày 26/04/2024.

1.3 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **CÁC CUỘC HỌP HĐQT**

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Sang	20/20	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	20/20	100%	
3	Ông Phạm Tuấn Sơn	6/20	30%	Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024
4	Bà Vũ Thị Minh Hoài	20/20	100%	
5	Ông Nguyễn Ninh Dũng	20/20	100%	
6	Ông Vũ Anh Trọng	20/20	100%	
7	Ông Đinh Quốc Hùng	20/20	100%	
8	Bà Nguyễn Ngọc Mai	14/20	70%	Bầu bổ sung theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024

- **1.3.2. CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (BÁO CÁO NĂM 2024)**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định (*)	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
1	01/2024/NQ-HĐQT	11/1/2024	Thông qua Người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản của các tài khoản Công Ty mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	Các nội dung trong cuộc họp được biểu quyết tán thành 100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	20/2/2024	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	
3	03/2024/NQ-HĐQT	7/3/2024	Thông qua cá nhân điều hành, đứng tên làm chủ tài khoản của Công Ty mở tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	
4	04/2024/NQ-HĐQT	19/3/2024	Thông qua việc thay đổi Người đứng đầu chi nhánh Công ty	
5	05/2024/NQ-HĐQT	9/4/2024	Thông qua việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định các giao dịch mua, bán trái phiếu	
6	06/2024/NQ-HĐQT	19/4/2024	Thông qua việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Thanh Xuân	
7	07/2024/NQ-HĐQT	15/5/2024	Thông qua các giao dịch, hợp đồng phát sinh doanh thu, chi phí giữa Công Ty với các bên có liên quan	
8	08.1/2024/NQ-HĐQT	19/6/2024	Thông qua việc giao kết hợp đồng tiền gửi với Ngân hàng	
9	08.2/2024/NQ-HĐQT	19/6/2024	Thông qua việc giao kết hợp đồng tiền gửi với Ngân hàng	
10	08.3/2024/NQ-HĐQT	19/6/2024	Thông qua việc giao kết hợp đồng tiền gửi với Ngân hàng	
11	09/2024/NQ-HĐQT	19/6/2024	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	
12	10/2024/NQ-HĐQT	21/6/2024	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	
13	11/2024/NQ-HĐQT	9/7/2024	Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức Công ty	
14	12/2024/NQ-HĐQT	7/8/2024	Thông qua giao dịch Hợp tác đầu tư với tổ chức/ cá nhân khác	
15	13/2024/NQ-HĐQT	21/8/2024	Thông qua giao dịch giữa Công ty và Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	
16	14/2024/NQ-HĐQT	26/9/2024	Thông qua việc mua và bán Trái phiếu doanh nghiệp	
17	15/2024/NQ-HĐQT	27/9/2024	Thông qua việc mua và bán Trái phiếu doanh nghiệp	
18	16/2024/NQ-HĐQT	25/10/2024	Thông qua giao dịch Hợp tác đầu tư với tổ chức/ cá nhân khác	
19	17/2024/NQ-HĐQT	6/11/2024	Thông qua giao dịch Hợp tác đầu tư với tổ chức/ cá nhân khác	
20	18/2024/NQ-HĐQT	8/11/2024	Thông qua việc mua và bán Trái phiếu doanh nghiệp	
21	19.1/2024/NQ-HĐQT	17/12/2024	Thông qua việc giao kết hợp đồng tiền gửi với Ngân hàng	
22	19.2/2024/NQ-HĐQT	17/12/2024	Thông qua việc giao kết hợp đồng tiền gửi với Ngân hàng	
23	19.3/2024/NQ-HĐQT	17/12/2024	Thông qua việc giao kết hợp đồng tiền gửi với Ngân hàng	
24	20/2024/NQ-HĐQT	18/12/2024	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	

• HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện hiệu quả vai trò giám sát, đảm bảo các hoạt động quản trị và điều hành của công ty tuân thủ theo các quy định pháp luật và điều lệ công ty; thường xuyên giám sát hoạt động điều hành của Ban Điều hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược; đề xuất ý kiến đóng góp giá trị trong việc đảm bảo các quyết định quản trị công ty hướng đến lợi ích tối đa cho cổ đông. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của thành viên HĐQT Công ty trong năm 2024 cụ thể như sau:

01

Tuân thủ quy định về quản trị công ty: Hoạt động của HĐQT hoàn toàn tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác.

02

Bảo đảm điều kiện thực hiện vai trò độc lập: HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc các quy định quản trị công ty niêm yết, tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT độc lập thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

03

Giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh: HĐQT đã thực hiện tốt vai trò kiểm tra và giám sát các hoạt động điều hành của Ban Điều hành. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên và nghiêm ngặt, đảm bảo Công ty tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

04

Cập nhật và rà soát mục tiêu chiến lược: HĐQT thường xuyên rà soát và điều chỉnh các mục tiêu kế hoạch để đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững.

05

Phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận lãnh đạo: HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (BKS) đã phối hợp chặt chẽ trong xử lý công việc, đưa ra các quyết định kịp thời và đúng đắn, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra suôn sẻ và đạt hiệu quả cao nhất.

2 ▸ BAN KIỂM SOÁT

2.1 THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Bà **NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG**
Trưởng BKS

Bà Nguyễn Thị Thu Hường
Trưởng BKS

Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Ngày bắt đầu là thành viên BKS 26/04/2024

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kế toán

Bà Ngô Thu Trang
Trưởng BKS cũ

Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Ngày không còn là thành viên BKS 26/04/2024

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kế toán

Bà **NGÔ THU TRANG**
Trưởng BKS cũ

Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG ANH**
Thành viên BKS

Bà Nguyễn Thị Hồng Anh
Thành viên BKS

Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Ngày bắt đầu là thành viên BKS 24/05/2023

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Tài Chính

Ông Võ Đình Bảo
Thành viên BKS

Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS
Ngày bắt đầu là thành viên BKS 17/06/2022

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kế toán

Ông **VÕ ĐÌNH BẢO**
Thành viên BKS

2.2 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- **CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Ngô Thu Trang	1/3	33%	100%	Miễn nhiệm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024
2	Ông Võ Đình Bảo	3/3	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	3/3	100%	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	2/3	67%	100%	Bầu bổ sung theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024

- **CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ Tập đoàn nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Tập đoàn, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT Tập đoàn. Các công việc chính đã thực hiện bao gồm:

- Giám sát việc tuân thủ chính sách pháp luật của Nhà nước; Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Giám sát công tác chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị. Chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, thẩm định báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập Báo cáo tài chính định kỳ.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024;
- Giám sát các giao dịch với các bên có liên quan và công tác công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán.
- BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đặc biệt là việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.
- Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại Tập đoàn;
- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy chế quản lý nội bộ và vì lợi ích chung của Tập đoàn. Năm 2024, sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc được đảm bảo tính độc lập và thường xuyên liên tục, cụ thể trên các hoạt động như: BKS được cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phục vụ cho việc kiểm soát của BKS theo đúng quy định; BKS thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành các vấn đề liên quan đến quản trị, điều hành.
- Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã kịp thời nắm bắt các thông tin và đưa ra các đề xuất, kiến nghị, các biện pháp khắc phục, nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh với HĐQT, Ban điều hành.

3 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1 LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập cả năm
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	48.000.000
3	Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	48.000.000
4	Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên HĐQT	48.000.000
5	Vũ Anh Trọng	Thành viên độc lập HĐQT	48.000.000
6	Đinh Quốc Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	48.000.000
7	Phạm Tuấn Sơn	Thành viên HĐQT	15.333.333
8	Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT	32.666.667
II	BAN KIỂM SOÁT		
1	Ngô Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	11.500.000
2	Nguyễn Thị Thu Hường	Trưởng Ban Kiểm soát	24.500.000
3	Võ Đình Bảo	TV Ban Kiểm soát	18.000.000
4	Nguyễn Thị Hồng Anh	TV Ban Kiểm soát	18.000.000
III	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
1	Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám Đốc	1.580.954.380
2	Vũ Thị Minh Hoài	Phó Tổng Giám đốc thường trực	266.086.080

3.2 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm không có phát sinh giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

3.3 HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Chi tiết trong Phụ lục 01 đính kèm theo Báo cáo thường niên này

3.4 ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các bộ phận quản lý trong Công ty đã thực hiện việc quản trị Công ty theo đúng quy định pháp luật.

CHIẾN LƯỢC VỀ CON NGƯỜI

> Con người luôn là chìa khóa thành công tại F.I.T Group

“Con người chìa khóa thành công tại F.I.T Group”

Phỏng vấn: Bà Vũ Thị Minh Hoài
TV HĐQT kiêm PTGĐ thường trực

Tại F.I.T Group, con người luôn là yếu tố cốt lõi quyết định thành công. Để hiểu được chiến lược phát triển nhân sự của Tập đoàn, cần nắm rõ phương pháp quản trị OGSM - công cụ hoạch định mục tiêu, triển khai và kiểm soát chiến lược, đã được áp dụng tại F.I.T Group từ năm 2010 và các CTTV từ năm 2016.

OGSM bao gồm bốn thành tố: Objectives (Mục tiêu chính), Goals (Đích cần đạt), Strategies (Chiến lược) và Measurements (Đo lường). Phương pháp này giúp kết nối mục tiêu ngắn hạn với những mục tiêu trung và dài hạn, từ đó giúp doanh nghiệp tạo ra những bước phát triển đột phá.

Một trong những yếu tố quan trọng trong OGSM là xác định "sân chơi" – lĩnh vực trọng tâm mà doanh nghiệp sẽ tập trung để đạt mục tiêu. Tại Tập đoàn và các CTTV, bốn sân chơi chiến lược chính là: Sản phẩm (Product), Sản xuất (Production), Thị trường (Go to Market) và Con người (People).

Trong đó, Tập đoàn đặc biệt chú trọng đến yếu tố con người. Sân chơi Con người đề cập đến chiến lược về nguồn nhân lực nhằm phát triển con người (tài năng, kỹ năng), xây dựng môi trường làm việc đáng mơ ước (môi trường đầy cam kết và động lực) và đảm bảo thực hiện được mục tiêu đã đề ra. Với tinh thần nhiệt huyết, sáng tạo và đoàn kết, con người chính là chìa khóa giúp doanh nghiệp vượt qua thách thức, thúc đẩy sự phát triển và chinh phục những tầm cao mới.

Bài phỏng vấn với Bà Vũ Thị Minh Hoài - TV HĐQT kiêm PTGĐ thường trực Công ty Cổ phần F.I.T Group sẽ làm sáng tỏ hơn lý do khiến Con người trở thành trung tâm, chìa khóa thành công tại Tập đoàn và chiến lược mà Tập đoàn đang áp dụng để chiến thắng được sân chơi này.

Tại F.I.T Group, Con người được coi là yếu tố quan trọng nhất. Vậy bà có thể chia sẻ tại sao Con người lại trở thành sân chơi chiếm trọng số cao nhất tại Tập đoàn?

Tại F.I.T Group, chúng tôi xác định Con người là yếu tố cốt lõi tạo nên sự thịnh vượng và bền vững. Nếu các công ty thành viên tập trung vào sản phẩm, sản xuất và thị trường, thì Tập đoàn – với vai trò là nhà đầu tư đa ngành – đặt trọng tâm vào trí tuệ tập thể, xem đây là động lực quan trọng để định hướng chiến lược, tối ưu hoạt động kinh doanh vốn, kết nối và quản trị hệ sinh thái doanh nghiệp, đồng thời tìm kiếm những cơ hội đầu tư tiềm năng.

Bên cạnh đó, F.I.T Group không ngừng nâng cao năng lực nhân sự thông qua các chương trình đào tạo và phát triển văn hóa doanh nghiệp. Điều này giúp đảm bảo mọi định hướng từ Ban lãnh đạo được truyền tải hiệu quả đến từng cán bộ, nhân viên, tạo sự đồng lòng trong việc thực thi các mục tiêu chung và thúc đẩy sự phát triển vượt bậc.

Con người không chỉ là lực lượng thực thi mà còn là nền tảng cho mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, là yếu tố nòng cốt đảm bảo cho doanh nghiệp phát triển bền vững. Khi chúng ta có đội ngũ vững mạnh, vận hành trơn tru, F.I.T Group hoàn toàn có thể chinh phục những đỉnh cao mới trong mọi lĩnh vực.

Vậy trong năm 2025, Tập đoàn có những chiến lược cụ thể gì về Con người, thưa bà?

Năm 2025, F.I.T Group đặt mục tiêu tối ưu nguồn lực để tạo đột phá trong sản xuất – kinh doanh, trong đó, Con người là trọng tâm chiến lược. Chúng tôi hướng đến nâng cao năng lực cốt lõi cho đội ngũ quản lý thông qua việc phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng bền vững.

Cụ thể, Tập đoàn sẽ xây dựng Bộ quy tắc ứng xử dựa trên giá trị cốt lõi, đồng thời triển khai chiến dịch truyền thông rộng rãi đến toàn thể CBNV. Những cá nhân xuất sắc trong việc lan tỏa và thực hành văn hóa doanh nghiệp sẽ được vinh danh, trở thành Đại sứ văn hóa của Tập đoàn. Đây là những bước đi quan trọng giúp F.I.T Group xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết và hướng tới mục tiêu chung.

Bên cạnh đó, đào tạo và phát triển con người là một trong những hoạt động quan trọng được FIT quan tâm và chú trọng đầu tư. Các khóa đào tạo sẽ giúp cho các cán bộ quản lý nâng cao hiểu biết và kỹ năng cá nhân, cung cấp cái nhìn tổng quan về quản trị doanh nghiệp.

Trong năm nay, chúng tôi cũng cam kết 100% cán bộ quản lý sẽ đạt trên 90% chuẩn năng lực cốt lõi, trở thành lực lượng lãnh đạo tài năng và kế cận của Tập đoàn. Với hệ thống quản trị khoa học, nền tảng văn hóa vững chắc và chiến lược phát triển nhân sự bài bản, tôi tin rằng mục tiêu trong lĩnh vực Con người không chỉ hoàn thành 100% mà còn có thể vượt xa kỳ vọng.

Trong chiến lược về Con người, F.I.T Group chú trọng vào việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp. Bà có thể chia sẻ tại sao văn hóa doanh nghiệp lại quan trọng đến như vậy?

Trước hết, chúng ta cần hiểu rõ văn hóa doanh nghiệp là gì. Đây không chỉ là một khái niệm mang tính lý thuyết, mà là hệ thống các giá trị, niềm tin, chuẩn mực, hành vi và cách thức vận hành đặc trưng của một doanh nghiệp, được hình thành và duy trì qua thời gian. Văn hóa doanh nghiệp chính là nền tảng tạo nên bản sắc riêng, định hướng cách làm việc, giao tiếp và ra quyết định trong tổ chức.

Văn hóa doanh nghiệp bao gồm nhiều yếu tố quan trọng như: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp; các quy tắc, quy trình, chuẩn mực ứng xử trong nội bộ; các hoạt động, nghi thức và truyền thống đặc trưng; phong cách lãnh đạo, phương thức quản trị con người; và môi trường làm việc, cách thức tương tác giữa các thành viên.

Một nền văn hóa doanh nghiệp vững mạnh không chỉ gắn kết đội ngũ mà còn là động lực thúc đẩy hiệu suất, thu hút và giữ chân nhân tài, đồng thời nâng cao giá trị thương hiệu trên thị trường. Đây cũng là lý do tại sao không chỉ F.I.T Group, mà cả các tập đoàn lớn cũng như doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam đều xác định văn hóa doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi trong chiến lược về Con người, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

Bà có thể cho biết điều khó khăn nhất khi thực hiện chiến lược về Con người là gì?

Thách thức lớn nhất trong việc thực thi chiến lược về Con người chính là làm sao để toàn bộ nhân sự cùng thấu hiểu và đồng lòng hướng đến mục tiêu chung của Tập đoàn. Với hơn 3.000 nhân sự trải dài khắp các tỉnh thành, mỗi cá nhân lại có cá tính, chuyên môn, nhận thức và thái độ khác nhau, việc tạo ra một định hướng thống nhất không hề đơn giản.

Tuy nhiên, F.I.T Group có lợi thế ở một hệ thống quản trị khoa học, đồng bộ từ Tập đoàn đến các công ty thành viên, nhờ vào số hóa quản trị, nền tảng giá trị cốt lõi vững chắc và ngôn ngữ chung của OGSM. Bên cạnh đó, chúng tôi sở hữu đội ngũ quản lý xuất sắc, cùng các chương trình đào tạo, truyền thông chuyên sâu và thống nhất. Những yếu tố này tạo nên sự gắn kết chặt chẽ, đảm bảo chiến lược về Con người được triển khai hiệu quả.

Chúng tôi cũng không ngừng nghiên cứu, hoàn thiện các kế hoạch và chiến lược nhân sự để nâng tầm sân chơi Con người, hướng tới xây dựng F.I.T Group trở thành “nơi hội tụ nhân tài, được xã hội tôn vinh” – một môi trường làm việc mà mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển và cống hiến.

Theo bà, đâu là tiêu chí cần có của một Cán bộ nhân viên tại F.I.T Group?

Tại F.I.T Group, mỗi cán bộ nhân viên không chỉ là một phần của tổ chức mà còn là người góp phần xây dựng và phát huy bản sắc văn hóa Tập đoàn. Điều này được thể hiện qua 5 giá trị cốt lõi: Thành tâm – Khát khao chiến thắng – Thực thi hoàn hảo – Cải tiến liên tục – Tuân thủ. Đây không chỉ là những nguyên tắc làm việc mà còn là kim chỉ nam giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực, cùng tạo nên những thành tựu chung của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, OGSM – ngôn ngữ quản trị xuyên suốt của F.I.T Group – đã được áp dụng từ năm 2010 và liên tục cải tiến để phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Việc thấm nhuần OGSM là yêu cầu quan trọng, giúp toàn hệ thống vận hành trơn tru, đồng bộ và hướng đến mục tiêu chung.

Để đảm bảo điều này, F.I.T Group không ngừng đầu tư vào đào tạo và truyền thông. Các khóa đào tạo được tổ chức hàng tháng, thậm chí hàng tuần, cùng với hệ thống tài liệu chuyên sâu, các cuộc thi và sự kiện nội bộ nhằm lan tỏa giá trị cốt lõi và OGSM đến từng nhân sự. Khi hiểu và thực hành những nguyên tắc này một cách tự nhiên, mỗi cá nhân sẽ không còn coi đó là nhiệm vụ bắt buộc, mà sẽ tự hào và yêu chính văn hóa và hệ thống quản trị của Tập đoàn, áp dụng chúng một cách thuần thục không chỉ trong công việc mà cả trong cuộc sống hàng ngày.

Vậy Tập đoàn đã tạo ra môi trường làm việc như thế nào để thu hút và giữ chân các nhân tài?

Tại F.I.T Group, chúng tôi luôn mong muốn mang đến cho CBNV một môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực. Không chỉ đảm bảo cơ sở vật chất

hiện đại với hệ thống phòng họp đầy đủ thiết bị trình chiếu, âm thanh tiên tiến, chúng tôi còn chú trọng đến đời sống tinh thần của anh chị em. Điều đó thể hiện qua việc đầu tư vào những không gian tiện ích như bếp ăn rộng rãi, phục vụ hơn 100 người, hay phòng gym với trang thiết bị hiện đại, giúp mọi người có nơi thư giãn sau giờ làm việc.

Ngoài ra, F.I.T Group cũng đặc biệt quan tâm đến việc thu hút và giữ chân nhân tài bằng những chính sách phúc lợi hấp dẫn. Anh chị em được hưởng bảo hiểm sức khỏe bổ sung, bảo hiểm tai nạn 24/24, cùng nhiều hoạt động nội bộ ý nghĩa giúp gắn kết đội ngũ. Chúng tôi cũng thường xuyên tổ chức các chương trình tri ân, vinh danh CBNV có thâm niên và thành tích xuất sắc, đồng thời tạo điều kiện để nhân sự tham gia các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn, giúp họ xây dựng lộ trình phát triển bền vững.

Quan trọng nhất, tinh thần và giá trị cốt lõi của F.I.T Group luôn được anh chị em duy trì và phát huy. Đó là sự thành tâm, tinh thần tuân thủ, trách nhiệm trong công việc, cùng khát khao chinh phục những thử thách mới. Với sự đoàn kết và không ngừng đổi mới, chúng tôi tin rằng mỗi cá nhân tại F.I.T Group sẽ góp phần tạo nên thành công chung của Tập đoàn và đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội.

Ngoài người lao động, khái niệm Con người trong doanh nghiệp còn được mở rộng, bao gồm cả quý cổ đông, đối tác và khách hàng, những nhân tố góp phần tạo nên thành công của toàn Tập đoàn. Vậy Tập đoàn có phương thức gì để gắn kết và phát triển mối quan hệ với họ, thưa Bà?

F.I.T Group luôn hướng đến việc tạo ra giá trị bền vững và lợi ích tối đa cho cổ đông và đối tác. Tập đoàn cam kết quản lý minh bạch, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về báo cáo tài chính, đồng thời duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định nhằm đảm bảo lợi nhuận tăng trưởng bền vững.

Trong quan hệ hợp tác, F.I.T Group đặt nền tảng trên sự tôn trọng, công bằng và cùng phát triển. Chúng tôi không ngừng mở rộng mạng lưới, đồng hành chặt chẽ với các đối tác chiến lược để cùng nhau tạo ra giá trị lâu dài. Bên cạnh đó, Tập đoàn luôn tuân thủ các tiêu chuẩn về đạo đức kinh doanh và phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy sự hợp tác hiệu quả và mang lại lợi ích cho tất cả các bên. Chúng tôi cũng không ngừng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ mang chất lượng vượt trội hơn nữa để phục vụ nhu cầu ngày càng khắt khe và đa dạng trên thị trường.

Những nguyên tắc luôn được giữ vững suốt bao năm qua cũng là lý do chính để các cổ đông, đối tác và khách hàng vẫn luôn tin tưởng và đồng hành cùng toàn Tập đoàn trong mọi dự án, cũng như thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ do các CTTV trực thuộc F.I.T Group sản xuất.

Theo Bà, việc số hóa quản trị toàn Tập đoàn đã hỗ trợ người lao động thế nào trong việc hoàn thành các KPI trong công việc? Và Bà nghĩ sao về việc công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) lên ngôi có thay thế công việc của con người không?

Việc đưa vào vận hành các phần mềm số hóa Base, FIT Business (phần mềm báo cáo công việc) và VnResource HRM (phần mềm quản lý nhân sự), thành lập tiểu ban chuyển đổi số thực sự đã đem tới một bước tiến mới cho Tập đoàn, giúp công việc quản trị trở nên dễ dàng, nhanh gọn, rút ngắn thời gian và thông suốt từ trên xuống dưới.

Đặc biệt, ban lãnh đạo và các cấp quản lý có thể xem các báo cáo tổng hợp để đánh giá, đo lường hiệu quả công việc đến từng phần trăm nhỏ của từng phòng ban, cá nhân, từ đó xây dựng và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch hoạt động sao cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tại, tối ưu hóa việc đạt mục tiêu.

Không những thế, số hóa quản trị còn là công cụ đắc lực trong công việc của mỗi CBNV, giúp mọi KPI đặt ra đều rất cụ thể, khả thi và đạt được trong thời hạn cho phép. Công nghệ thật sự đang giúp chúng ta hình thành nên thói quen quản trị công việc và nhân sự khoa học, tiện lợi, góp phần khiến con đường thực thi mục tiêu trở nên sáng rõ, nhanh gọn. Công nghệ khi được áp dụng vào hoạt động sản xuất cũng giúp tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, tinh gọn quy trình để đạt được hiệu quả cao hơn, chuẩn xác hơn.

Vì thế, không có gì là khó hiểu khi F.I.T Group đang theo xu hướng của thời đại là ứng dụng một cách thông minh khoa học công nghệ, số hóa quản trị vào mọi hoạt động. Trong giai đoạn tiếp theo, Tập đoàn sẽ tiếp tục kết hợp với các đối tác uy tín trong lĩnh vực công nghệ và chuyển đổi số để cho ra mắt những phần mềm

hữu ích, thật sự hỗ trợ đắc lực cho công tác quản trị ngày càng chuyên nghiệp và đa dạng tại toàn Tập đoàn.

Nhưng bên cạnh đó, sẽ có nhiều ý kiến quan ngại rằng công nghệ đang dần thay thế công việc của con người. Nhưng tại Tập đoàn, với việc đặt con người là trọng tâm, chúng tôi vẫn đang thực thi song song việc phát triển con người và tận dụng công nghệ. Số hóa quản trị chỉ là công cụ, phương thức để đạt được mọi mục tiêu một cách nhanh chóng, có hệ thống, đem đến kết quả theo đúng kế hoạch và còn vượt xa hơn thế, nhưng con người vẫn là nhân tố đưa ra quyết định và điều khiển chính công nghệ để đạt những thành tựu đó.

Đồng thời, con người với vốn hiểu biết tích lũy, cùng những cảm nhận sâu sắc trong công việc cũng sẽ là người hiểu và thấu rõ nhất những vấn đề của doanh nghiệp để điều chỉnh và phát triển các hệ thống công nghệ sao cho phù hợp nhất và tối ưu nhất với doanh nghiệp của mình.

Vì thế, với F.I.T Group, công nghệ chưa thể thay thế được con người. Và mỗi nhân sự tại Tập đoàn cũng được yêu cầu là phải nắm rõ các phần mềm số hóa quản trị tại Tập đoàn thông qua các khóa đào tạo và việc thực hành hằng ngày để biến những công nghệ đó trở thành công cụ đắc lực trong công việc. Chúng tôi kiểm soát công nghệ để chinh phục các mục tiêu lớn lao, chứ không phải để công nghệ kiểm soát và thay thế mình.

Không chỉ chiếm trọng số cao tại Tập đoàn, Con người cũng là yếu tố rất được chú trọng tại các CTTV. Vậy BÀ có thể cho biết tại các CTTV chiến lược về Con người hiện đang được triển khai như thế nào?

Cũng như tại Tập đoàn, các CTTV luôn xác định Con người là trọng tâm trong mọi hoạt động. Chính con người là nhân tố quyết định, định hình chiến lược và đảm bảo mọi mục tiêu được triển khai đúng hướng, đạt được kết quả cao nhất. Tuy nhiên, để phù hợp với đặc thù kinh doanh và tình hình thực tế, mỗi CTTV sẽ có những điều chỉnh linh hoạt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

Tôi đặc biệt ấn tượng với chiến lược về Con người tại Vikoda, nơi áp dụng mô hình từ cuốn sách "Từ Tốt đến Vĩ Đại" – một trong những tác phẩm tâm đắc của Chủ tịch Nguyễn Văn Sang. Chiến lược này xoay quanh ba yếu tố cốt lõi: Con người Kỷ luật – Tư tưởng Kỷ luật – Hành động Kỷ luật, tạo nên nền tảng vững chắc cho văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp. Với việc lấy kỷ luật làm trọng tâm, Vikoda đảm bảo rằng toàn bộ đội ngũ nhân sự không chỉ tuân thủ mà còn thực thi một cách xuất sắc những định hướng từ Ban Lãnh đạo. Ngay từ quá trình tuyển dụng, Công ty đã chắt lọc kỹ lưỡng những nhân sự có năng lực, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi.

Khi gia nhập đội ngũ, họ tiếp tục được đào tạo bài bản, thấm nhuần tư tưởng, mục tiêu kinh doanh – sản xuất và bản sắc văn hóa của Công ty, từ đó xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, hành vi ứng xử phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành chung.

Tại Dược phẩm Cửu Long, chiến lược phát triển nguồn nhân lực tập trung vào việc thiết lập kỷ cương làm việc thông qua hệ thống KPI chi tiết đến từng bộ phận, từng cá nhân. Công ty không ngừng hoàn thiện các quy chế, nội quy về người lao động để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ, đồng thời đẩy mạnh đào tạo năng lực chuyên môn. Đặc biệt, hệ thống data analyst được xây dựng và phát triển mạnh mẽ nhằm tối ưu hóa quy trình báo cáo, cung cấp thông tin chính xác phục vụ công tác quản trị và ra quyết định chiến lược.

Trong khi đó, FIT Cosmetics và Today Cosmetics cũng chú trọng nâng cao hiệu suất lao động bằng việc chuẩn hóa hệ thống KPI, từ đó thiết lập các mục tiêu cụ thể, rõ ràng cho từng bộ phận và cá nhân. Nhờ chiến lược này, mỗi thành viên đều hiểu rõ vai trò của mình, chủ động thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời góp phần hiện thực hóa các mục tiêu đầy thách thức mà tổ chức đề ra.

Có thể thấy, dù mỗi CTTV có đặc thù và cách tiếp cận riêng, nhưng tất cả đều kiên định với một nguyên tắc cốt lõi: Lấy Con người làm trung tâm, xây dựng đội ngũ tinh nhuệ, nâng cao kỷ luật và hiệu suất, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của toàn hệ thống.

Như có đề cập ở phía trên, F.I.T Group là một Tập đoàn đa ngành thịnh vượng với đội ngũ hơn 3.000 CBNV trải dài ở các tỉnh thành trong cả nước. Vậy cụ thể, Tập đoàn đã phải làm gì để nhân sự tại mỗi CTTV dù mang bản sắc riêng nhưng vẫn hòa hợp với hệ thống Con người của Tập đoàn?

Để đảm bảo nhân sự tại mỗi CTTV vẫn giữ được bản sắc riêng nhưng đồng thời hòa hợp với hệ thống Con người chung của Tập đoàn, F.I.T Group đã xây dựng một chiến lược nhân sự bài bản, linh hoạt nhưng có tính định hướng rõ ràng.

Trước hết, chúng tôi xác định văn hóa doanh nghiệp là nền tảng giúp kết nối và định hình hệ thống Con người trong toàn Tập đoàn. Mỗi CTTV có đặc thù kinh doanh khác nhau, vì vậy văn hóa doanh nghiệp tại từng đơn vị cần có sự khác biệt để phù hợp với môi trường làm việc và ngành nghề của mình. Tuy nhiên, tất cả đều được xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi chung của F.I.T Group, đảm bảo sự thống nhất trong tư duy, cách thức quản trị và vận hành.

Bên cạnh đó, hệ thống quản trị nhân sự tại F.I.T Group được thiết lập đồng bộ nhưng vẫn linh hoạt. Chúng tôi áp dụng những nguyên tắc chung về tuyển dụng, đào tạo, đánh giá hiệu suất và chế độ đãi ngộ để đảm bảo chất lượng nhân sự trên toàn hệ thống. Đồng thời, mỗi CTTV có quyền điều chỉnh các chính sách này sao cho phù hợp với đặc thù hoạt động, giúp nhân sự tại mỗi đơn vị vừa phát huy được thế mạnh riêng vừa hòa nhịp với định hướng chung của Tập đoàn.

Đặc biệt, chúng tôi thúc đẩy sự kết nối và giao thoa giữa các CTTV thông qua nhiều hoạt động chung như đào tạo nội bộ, chương trình trao đổi nhân sự, hội thảo chiến lược và các sự kiện văn hóa doanh nghiệp. Điều này giúp nhân sự tại từng công ty không chỉ hiểu về tổ chức mình đang làm việc mà còn có cái nhìn toàn diện hơn về hệ thống chung của F.I.T Group.

Tóm lại, bí quyết của F.I.T Group nằm ở việc kết hợp chặt chẽ giữa tính thống nhất và sự linh hoạt, tạo nên một hệ thống nhân sự vừa mang bản sắc riêng của từng CTTV, vừa đồng lòng hướng đến những mục tiêu chung, góp phần xây dựng một Tập đoàn đa ngành phát triển bền vững.

Cảm ơn Bà vì đã tham gia cuộc trò chuyện này!

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tầm nhìn bền vững
2. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
3. Các hoạt động tiêu biểu và giải thưởng bền vững
4. Báo cáo đánh giá của ban tổng giám đốc liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
5. Đánh giá của hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
6. Chiến lược phát triển bền vững

1 ▶ TẦM NHÌN BỀN VỮNG

1.1 TẦM NHÌN BỀN VỮNG

F.I.T Group cam kết phát triển bền vững dựa trên nền tảng hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp, xã hội, người lao động, quý cổ đông, đối tác và môi trường. Tập đoàn luôn mong muốn tạo ra giá trị lâu dài cho cộng đồng, xã hội, tạo đà cho sự phát triển của đất nước.

• ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Là một Tập đoàn sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực dược phẩm, tiêu dùng nhanh, thực phẩm, nông nghiệp và bất động sản, F.I.T Group luôn hướng đến việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng, thân thiện, phù hợp với xu hướng của thời đại, phục vụ tối đa cho lợi ích của người tiêu dùng Việt.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng rất chú trọng vào các động thể hiện trách nhiệm xã hội (CSR), hướng tới nâng tầm chất lượng cuộc sống, đầu tư vào các chương trình vì sức khỏe cộng đồng, tiêu dùng xanh và các dự án hỗ trợ phát triển bền vững, đặc biệt là ở những vùng gặp thiên tai, khó khăn.

• ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đối với F.I.T Group, yếu tố con người (People) là cốt lõi của mọi sự thành công. Tập đoàn cung cấp một môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, phù hợp với tính chất của mỗi lĩnh vực hoạt động. Không chỉ đảm bảo điều kiện làm việc với cơ sở vật chất hiện đại cùng hệ thống phòng họp có đầy đủ thiết bị trình chiếu, âm thanh mới nhất, Tập đoàn còn rất quan tâm đến đời sống tinh thần của mỗi CBNV, được thể hiện qua như việc đầu tư vào các phòng chức năng như bếp ăn có sức chứa hơn 100 người, phòng tập gym gồm máy móc thiết bị tiên tiến.

Chú trọng đến việc đào tạo và giữ chân các nhân tài, tập đoàn F.I.T có những chế độ phúc lợi tốt dành cho người lao động bằng các gói Bảo hiểm sức khỏe bổ sung và bảo hiểm tai nạn 24/24, các hoạt động gắn kết nội bộ thiết thực, các chương trình tri ân và vinh danh CBNV có thâm niên và có thành tích xuất sắc. Ngoài ra, các nhân sự còn được tham gia đều đặn vào các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên môn, góp phần xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp vững vàng.

Mỗi CBNV tại F.I.T Group đều thấm nhuần các Giá trị cốt lõi của Tập đoàn, giữ vững thái độ thành tâm, tuân thủ, cùng tinh thần thực thi hoàn hảo, khát khao chiến thắng và cải tiến liên tục để hoàn thành xuất sắc mọi mục tiêu đề ra, qua đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

• ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC

F.I.T Group cam kết mang lại lợi ích tối ưu và giá trị lâu dài cho cổ đông cũng như đối tác. Tập đoàn đảm bảo thực hiện minh bạch trong quản lý và báo cáo tài chính, duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định và gia tăng lợi nhuận bền vững.
Mối quan hệ hợp tác với đối tác được F.I.T Group xây dựng dựa trên các nguyên tắc tôn trọng, công bằng và phát triển cùng có lợi. Tập đoàn không ngừng mở rộng mạng lưới hợp tác, đồng hành cùng các đối tác chiến lược để tạo ra những giá trị chung, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn về đạo đức kinh doanh và phát triển bền vững.

• ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

F.I.T Group coi việc bảo vệ môi trường là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn. Tập đoàn chú trọng đầu tư vào các công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, giảm thiểu khí thải, sử dụng nguyên liệu tái chế và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.
Các sáng kiến bảo vệ môi trường của F.I.T Group không chỉ dừng lại ở hoạt động sản xuất mà còn bao gồm các chương trình cộng đồng như trồng cây xanh, bảo vệ nguồn nước và nâng cao nhận thức xã hội về bảo vệ hệ sinh thái. Tập đoàn đặt mục tiêu trở thành hình mẫu trong việc cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và gìn giữ môi trường, hướng đến một tương lai bền vững cho thế hệ mai sau.

• ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

F.I.T Group xem công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Tập đoàn không ngừng đầu tư vào nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.
Việc xây dựng hệ thống quản lý thông minh và tích hợp các công nghệ số hóa không chỉ giúp F.I.T Group nâng cao hiệu quả vận hành mà còn mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng và đối tác. Tập đoàn cũng khuyến khích văn hóa đổi mới trong nội bộ, tạo điều kiện để cán bộ nhân viên tham gia các chương trình sáng kiến, nghiên cứu nhằm liên tục cải tiến và mang lại giá trị mới.
Với tầm nhìn dài hạn, F.I.T Group cam kết tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo để đáp ứng xu hướng thị trường, đồng thời góp phần định hình tương lai bền vững của ngành và cộng đồng.

2 ▸ **BÁO CÁO** TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

2.1 TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:
Gián tiếp khoảng 6.978 tCO_2e/năm

2.2 CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH: TẠI CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẬP ĐOÀN ĐÃ THỰC HIỆN

- Trồng cây tạo rừng trên khuôn viên Công ty:

- Năm 2024: Đã trồng 3.500 cây (900 cây Thiên Ngân, 2.600 cây keo lá tràm) trên 5,6 ha đất khu vực phía bắc của nhà máy tại Khánh Hòa.

- Năm 2025-2026: Trồng cây tạo cảnh quan khu vực mỏ khoáng phía nam nhà máy, diện tích 22 ha tại Khánh Hòa.

2.3 QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 545.130.939 kg

2.4 TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 28.192.155 Kw

2.5 TIÊU THỤ NƯỚC

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp nước, mỏ nước khoáng thiên nhiên

- Lượng nước sử dụng: 515.875 m3

2.6 TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

3 ▸ **CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU** VÀ GIẢI THƯỞNG BỀN VỮNG

3.1 BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU VÀ GIẢI THƯỞNG BỀN VỮNG

• DƯỢC CỬU LONG CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chiều ngày 21/9/2024, Chi Đoàn thanh niên Dược Cửu Long phối hợp cùng lực lượng Công an và UBND Phường 5, TP. Vĩnh Long tổ chức chuỗi hoạt động thường niên mang tên "Chủ nhật Xanh 2024" nhằm hưởng ứng phong trào bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan đô thị. Đây là chuỗi hoạt động ý nghĩa do địa phương khởi xướng, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc giữ gìn môi trường sống xanh, sạch, đẹp.

Trong khuôn khổ chương trình, Đoàn thanh niên Dược Cửu Long cùng các ban ngành đoàn thể đã tổ chức tháo gỡ các biển quảng cáo vi phạm, dọn dẹp những điểm đặt rác không đúng nơi quy định, gây mất mỹ quan đô thị. Những hoạt động này không chỉ giúp trả lại sự gọn gàng, sạch đẹp cho khu vực công cộng mà còn góp phần vào công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức cho cộng đồng về tầm quan trọng của việc tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.

Chương trình diễn ra thành công với sự hưởng ứng nhiệt tình từ các đoàn viên thanh niên và lực lượng chức năng địa phương cho thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết, chung tay vì lợi ích chung, đóng góp thiết thực cho sự phát triển bền vững, giàu mạnh của tỉnh Vĩnh Long.

• DƯỢC CỬU LONG CHUNG TAY HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO BỊ THIỆT HẠI DO BÃO YAGI

Trước những thiệt hại nặng nề về người và tài sản do cơn bão số 3 (Yagi) cùng mưa lũ kéo dài gây ra tại một số tỉnh thành phía Bắc, Dược Cửu Long với tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, đã nhanh chóng phối hợp cùng Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long triển khai hoạt động cứu trợ.

Công ty đã trao tặng 24 thùng hàng gồm các loại thuốc thiết yếu như thuốc giảm đau, hạ sốt, thuốc điều trị các bệnh về hô hấp và kháng khuẩn,...

Những loại thuốc này đã có mặt kịp thời và được phân phát cho gần 1.000 bà con xã Ngũ Chỉ Sơn, xã Tả Van thuộc thị xã Sa Pa và xã Mường Hum, xã Dền Sáng thuộc huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Chương trình không chỉ giúp bà con nhanh chóng phục hồi sức khỏe mà còn góp phần ổn định đời sống sau những thiệt hại do thiên tai.

FIT COSMETICS CHUNG TAY HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SIÊU BÃO YAGI

Sau thiên tai, những sản phẩm vệ sinh cá nhân đã trở thành nhu yếu phẩm giúp cho người dân miền lũ bảo vệ sức khỏe, tăng cường đề kháng, góp phần tái thiết lại cuộc sống. Thấu hiểu điều này, FIT Cosmetics đã gửi tặng hơn 850 combo bàn chải và kem đánh răng Dr. Kool Kid và hơn 2.000 chai sản phẩm dung dịch nước rửa tay khô cho những hoàn cảnh chịu nhiều thiệt hại của siêu bão.

Việc sử dụng các sản phẩm từ FIT Cosmetics có nguồn gốc rõ ràng, được nghiên cứu bài bản, chứa những thành phần thân thiện với môi trường và người sử dụng sẽ giúp duy trì sức khỏe, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống trong cộng đồng, kể cả trong hoàn cảnh thiên tai, khó khăn. Đặc biệt, sản phẩm combo bàn chải đánh răng – kem đánh răng Dr.Kool Kid và dung dịch nước rửa tay Dr. Clean còn có thiết kế an toàn, dễ sử dụng, tiện lợi mang theo mình, phù hợp với mọi tình huống.

Đây là sản phẩm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cả trẻ em và gia đình, phòng ngừa hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có thể bùng phát sau thiên tai.

DƯỢC CỬU LONG CHUNG TAY VÌ SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

Từ ngày 29/11-2/12/2024, Dược Cửu Long đã tổ chức thành công chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho hơn 800 cán bộ công nhân viên. Công tác này nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động, giúp phát hiện sớm các bệnh nghề nghiệp, từ đó có những biện pháp can thiệp kịp thời.

Một trong những điểm nhấn nổi bật của chương trình năm nay là việc tăng cường khám bệnh nghề nghiệp, nhờ đó, nhân viên đã được đánh giá chi tiết về điều kiện làm việc và tình trạng sức khỏe liên quan đến đặc thù lao động trong ngành Dược. Các danh mục khám bệnh nghề nghiệp bao gồm: Kiểm tra sức khỏe hô hấp do tiếp xúc với hóa chất; Đánh giá tình trạng cơ xương khớp do tính chất lao động lâu dài; Kiểm tra thị lực và thính lực, đặc biệt đối với nhóm lao động trong các khu vực sáng tác hoá dược.

Ngoài ra, nhằm tăng cường sự quan tâm đến sức khỏe nữ giới trong doanh nghiệp, chương trình năm nay đã bổ sung thêm các hạng mục khám chuyên biệt như: Tầm soát sớm ung thư vú và ung thư cổ tử cung; Kiểm tra sức khỏe sinh sản và tư vấn chăm sóc sức khỏe phụ nữ.

Những hạng mục khám trong chương trình không chỉ giúp phát hiện sớm các vấn đề sức khỏe mà còn tạo cơ hội cho CBCNV nữ hiểu rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của mình, từ đó có những biện pháp phòng ngừa hiệu quả.

DƯỢC CỬU LONG TIẾP TỤC ĐỒNG HÀNH CÙNG HỘI NGHỊ KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Ngày 19/12/2024, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL) tiếp tục tham gia tài trợ và hợp tác tổ chức Hội nghị Khoa học thường niên năm 2024 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình hiện thực hóa cam kết đồng hành cùng các hoạt động vì cộng đồng của công ty.

Với sứ mệnh kết nối và cải thiện cuộc sống cộng đồng thông qua những giải pháp sức khỏe tối ưu, DCL luôn chú trọng và quan tâm đến các hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật ứng dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Trong những năm qua, DCL đã không ngừng cải tiến chất lượng, đưa ra thị trường nhiều dòng sản phẩm hỗ trợ và bảo vệ sức khỏe, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của người tiêu dùng và đối tác.

Bằng sự nỗ lực không ngừng, DCL cam kết mang đến những giải pháp sức khỏe hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

VIKODA GÓP PHẦN QUẢNG BÁ DU LỊCH, ẨM THỰC TỈNH NINH THUẬN

Từ ngày 26/12/2023 đến ngày 31/12/2023, thương hiệu nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda của Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa đã đồng hành cùng UBND tỉnh Ninh Thuận tổ chức thành công Lễ hội Ẩm thực Ninh Thuận – Chào đón năm mới 2024.

Lễ hội này là sự kiện đặc biệt quan trọng của tỉnh Ninh Thuận nhằm tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho người dân và du khách tận hưởng không gian vui chơi, thưởng thức ẩm thực trong khoảnh khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới.

Sự góp sức của thương hiệu nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda đã góp phần tạo sức lan tỏa mạnh mẽ để quảng bá du lịch, ẩm thực Ninh Thuận, xây dựng thương hiệu ẩm thực Ninh Thuận độc đáo, giàu bản sắc văn hóa.

Trong thời gian tới, nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda sẽ tiếp tục gắn bó và tạo ra những giá trị bền vững cho cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế – văn hóa – xã hội đất nước, hướng tới sứ mệnh truyền cảm hứng tận hưởng cuộc sống với những sản phẩm và dịch vụ chăm sóc sức khỏe vượt trội.

44.000 CHAI NƯỚC KHOÁNG KIỀM THIÊN NHIÊN VIKODA TIẾP SỨC BÀ CON VÙNG LŨ

Là doanh nghiệp đặc biệt quan tâm các vấn đề xã hội, Vikoda luôn tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ, cứu trợ cho những địa phương khó khăn, những mảnh đời bất hạnh do thiên tai, dịch bệnh... Những đóng góp của Công ty đã tạo ra hiệu ứng tích cực, góp phần cải thiện đời sống cho nhiều cá nhân và gia đình, tạo tiền đề để bảo vệ và phát triển chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Đứng trước tình hình đồng bào miền Bắc đang phải chịu nhiều hậu quả nặng nề do siêu bão Yagi để lại, Vikoda đã thể hiện trách nhiệm xã hội cùng tinh thần "Lá lành đùm lá rách" bằng cách chung tay hỗ trợ về cả vật chất và tinh thần cho những người dân còn gặp nhiều khó khăn, mất mát. Lựa chọn đồng hành cùng các đơn vị, tổ chức có uy tín và sức lan tỏa, Vikoda đã trao tổng cộng 1.780 thùng nước, tương ứng gần 44.000 chai nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda, trị giá hơn 250 triệu đồng đến tận những điểm tập kết cứu trợ tại những tỉnh, thành phố trọng điểm trong bão lũ, kịp thời đáp ứng nhu cầu cần nước sạch duy trì sự sống của người dân.

Vikoda cam kết sẽ tiếp tục thực hiện sứ mệnh hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn sau thiên tai, đồng thời tích cực tham gia các chương trình cứu trợ uy tín tại các địa phương, góp phần giúp người dân miền Bắc nhanh chóng vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống sau bão lũ.

VIKODA PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO TRỒNG CÂY BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC QUÝ

Phong trào "VIKODA 35 NĂM, XANH ĐẤT – SẠCH NƯỚC – BỀN TƯƠNG LAI" đã khơi dậy tinh thần yêu thiên nhiên, lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường sống đến toàn thể nhân viên, đối tác và cộng đồng. Các hoạt động như lễ trồng cây, chương trình giáo dục ý thức bảo vệ nguồn nước, và trồng cây xanh tại khu vực mỏ khai thác nước Đảnh Thạnh được triển khai một cách bài bản.

Kết quả, hàng trăm cây xanh đã được đội ngũ Vikoda vun trồng, tạo nên thảm thực vật đa dạng, không chỉ góp phần bảo tồn môi trường mà còn làm đẹp cảnh quan.

Vikoda kỳ vọng phong trào này sẽ tạo nên làn sóng hành động mạnh mẽ, không chỉ trong phạm vi công ty mà còn lan rộng ra cộng đồng, góp phần xây dựng một tương lai bền vững cho các thế hệ kế tiếp.

Qua đó, thương hiệu nước khoáng Vikoda tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu, gắn liền với sứ mệnh vì sức khỏe người tiêu dùng và sự phát triển bền vững của môi trường.

VIKODA KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ NHÀ TÀI TRỢ KIM CƯƠNG TẠI HỘI NGHỊ KHOA HỌC DINH DƯỠNG TOÀN QUỐC NĂM 2024

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa, với thương hiệu nước khoáng kiềm thiên nhiên Vikoda, đã khẳng định vị thế nhà tài trợ kim cương, đối tác chiến lược của Hội nghị Khoa học Dinh dưỡng Toàn quốc – sự kiện uy tín trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng. Với cam kết nâng cao nhận thức về dinh dưỡng lành mạnh, Vikoda ghi dấu ấn mạnh mẽ tại các hội nghị từ Bắc vào Nam.

Các Hội nghị Dinh dưỡng quy tụ hàng trăm đại biểu từ các cơ sở y tế, trường đại học chuyên ngành sức khỏe, viện nghiên cứu và các bệnh viện hàng đầu, tạo nên một diễn đàn khoa học chất lượng cao.

Sự góp mặt của Vikoda trong chuỗi Hội nghị khoa học uy tín về dinh dưỡng đã góp phần lan tỏa thông điệp về lợi ích của nước khoáng kiềm thiên nhiên đối với việc hỗ trợ sức khỏe, được giới chuyên môn đánh giá cao và tin tưởng.

Với sự công nhận từ các chuyên gia, người nổi tiếng và đông đảo người tiêu dùng, Vikoda sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào chuỗi Hội nghị khoa học dinh dưỡng diễn ra trên toàn quốc trong kế hoạch năm 2024 – 2025, mang lại kiến thức quý báu và chính xác về nước khoáng kiềm, cũng như xây dựng thói quen uống nước lành mạnh cho cộng đồng.

WESTFOOD TRAO TẶNG MÁI ẤM CÔNG ĐOÀN CHO ĐOÀN VIÊN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất khẩu trái cây đóng lon, Westfood có số lượng công nhân đông đảo, trong đó tỷ lệ người lao động nghèo và thiếu nơi ở ổn định chiếm phần lớn. Ban lãnh đạo của Westfood luôn nỗ lực tìm cách cải thiện đời sống của các công nhân, đặc biệt là trong việc cung cấp mái ấm ổn định và yên bình cho họ.

Nối tiếp chương trình "Mái ấm công đoàn" – chương trình được phát động từ năm 2017 hướng đến những công nhân có hoàn cảnh khó khăn, nhà ở xuống cấp nghiêm trọng, năm nay, Westfood và Liên đoàn Lao động Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ cùng Ban Dân vận quận ủy Quận Ninh Kiều đã hoàn tất việc bàn giao mái ấm công đoàn cho anh Võ Tấn Lực, công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở, gia đình gồm vợ và em trai đều làm tại Westfood từ năm 2011, có nhiều đóng góp cho Công ty.

Chương trình đã không ngừng tạo động lực, thực hiện những ước mơ về một cuộc sống ổn định cho các đoàn viên, những cán bộ công nhân viên gặp khó khăn. Đồng thời, cũng lan tỏa đi niềm tin và sự ấm áp đến từng người lao động tại Westfood, tạo nên một không khí đoàn kết và lòng tin vững chắc trong công ty.

3.2 BÁO CÁO VỀ CÁC GIẢI THƯỞNG BỀN VỮNG

• F.I.T GROUP XUẤT SẮC ĐÓN NHẬN GIẢI THƯỞNG "TOP 10 THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM XUẤT SẮC 2024"

Ngày 22/12/2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T vinh dự đón nhận giải thưởng "TOP 10 Thương hiệu Việt Nam xuất sắc 2024". Chương trình là sự kiện thường niên lớn nhất của Tạp chí Doanh nghiệp & Thương mại, được khởi xướng và duy trì liên tục trong hơn một thập kỷ.

Chương trình nhằm tôn vinh những thương hiệu bền vững với những đóng góp tích cực cho nền kinh tế – xã hội, hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần củng cố niềm tin và khẳng định giá trị thương hiệu Việt với người tiêu dùng trên cả nước.

Đồng thời khẳng định vị thế thương hiệu Việt sẵn sàng hội nhập thị trường Quốc tế.

Tự hào là một trong những Tập đoàn kinh tế đa ngành hàng đầu Việt Nam, F.I.T Group đã xuất sắc vượt qua hàng ngàn đề cử, trải qua vòng xét duyệt và đánh giá minh bạch từ Ban tổ chức để ghi danh mình trên bảng vàng "TOP 10 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2024".

• DƯỢC CỬU LONG NHẬN GIẢI THƯỞNG "TOP 50 THƯƠNG HIỆU MẠNH ASEAN 2024"

Ngày 20/04/2024, tại Marina Bay Sands, Singapore, Dược Cửu Long đã vinh dự nhận giải thưởng Top 50 thương hiệu mạnh ASEAN 2024. Đây là dấu ấn mạnh mẽ, ghi nhận những bước tiến vượt trội của DCL trong năm qua.

Lễ công bố Thương hiệu mạnh ASEAN 2024 được tổ chức tại Singapore với mục đích công nhận và vinh danh những nỗ lực đóng góp của các doanh nghiệp, khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp hướng tới các giá trị sáng tạo, không ngừng đổi mới và phát triển thương hiệu bền vững; đồng thời thúc đẩy mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam, Singapore và khu vực ASEAN, nhằm tăng cường sự tín nhiệm của đối tác với khách hàng trong khu vực.

Vượt qua các tiêu chí đánh giá khắt khe, DCL đã xuất sắc được vinh danh Top 50 thương hiệu mạnh ASEAN. Giải thưởng đã ghi nhận bước tiến lớn trong quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước tham gia tiến trình hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế, góp phần khẳng định sự tin tưởng với các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao mà DCL mang lại cho khách hàng và đối tác.

• DƯỢC CỬU LONG ĐÓN NHẬN DANH HIỆU TOP 10 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN VỮNG MẠNH NĂM 2024

Ngày 14/04/2024, tại Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam, Dược Cửu Long đã vinh dự đón nhận danh hiệu Top 10 Doanh nghiệp phát triển vững mạnh năm 2024.

Chương trình do Viện Kinh tế và Văn hóa phối hợp với Trung tâm bảo vệ người tiêu dùng bình chọn và công bố, nhằm ghi nhận, tôn vinh những doanh nghiệp phát triển vững mạnh, có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước.

Theo đó, trải qua các vòng đánh giá và bình chọn công tâm từ hội đồng thẩm định, DCL đã xuất sắc đón nhận danh hiệu Top 10 Doanh nghiệp phát triển vững mạnh năm 2024.

Đây là dấu ấn vô cùng tự hào khi ngay trong lần đầu góp mặt, DCL đã chiến thắng ở hạng mục danh giá nhất dành cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

4 ▶ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

4.1 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

• TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình vận hành, Tập đoàn F.I.T luôn đặt ưu tiên cao vào việc nâng cao nhận thức của CBNV về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các chương trình đào tạo và chiến dịch truyền thông nội bộ được triển khai nhằm giúp CBNV hiểu rõ hơn về trách nhiệm cá nhân và tổ chức trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Đồng thời, Tập đoàn đã xây dựng và thực hiện các quy trình nghiêm ngặt để kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các nhà máy và cơ sở sản xuất, góp phần tích cực vào nỗ lực chung của xã hội trong việc bảo vệ môi trường.

Trong năm vừa qua, Tập đoàn không ghi nhận bất kỳ trường hợp nào bị cơ quan quản lý nhà nước xử phạt liên quan đến vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều này này không chỉ phản ánh sự tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật mà còn khẳng định cam kết mạnh mẽ của Tập đoàn trong việc phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

• QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong nhiều năm qua, Tập đoàn F.I.T đã không ngừng đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở sản xuất, áp dụng các công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất. Việc tối ưu hóa dây chuyền sản xuất luôn được đặt lên hàng đầu nhằm tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu tiêu hao năng lượng và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

Song song đó, các cải tiến trong quy trình sản xuất được thực hiện thường xuyên để nâng cao hiệu quả, cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm thiểu lãng phí nguyên vật liệu, góp phần thúc đẩy sản xuất bền vững.
Để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu, Tập đoàn ưu tiên lắp đặt các dây chuyền có mức độ tự động hóa cao, tối ưu hóa quá trình sản xuất nhằm giảm hao phí và các khâu trung gian phát sinh chất thải. Các giải pháp tái chế nguyên vật liệu được áp dụng triệt để, cùng với việc hạn chế sử dụng bao bì dùng một lần tại các nhà máy, góp phần giảm thiểu rác thải nhựa và bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Tập đoàn luôn chú trọng vào việc đào tạo và nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên về tầm quan trọng của việc quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu.

Thông qua các chương trình đào tạo, F.I.T đã xây dựng được một văn hóa doanh nghiệp tích cực, nơi mọi nhân viên đều ý thức và cam kết thực hiện các hành động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

• TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiêu thụ năng lượng được xác định là nguyên nhân chính dẫn đến phát thải khí nhà kính – yếu tố gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu cùng nhiều hệ lụy nghiêm trọng, vì vậy việc kiểm soát mức tiêu thụ năng lượng luôn được đề cao trong mọi hoạt động của Tập đoàn.

Tại khu vực văn phòng, CBNV được phổ biến và thực hiện nghiêm túc các quy định tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là những thiết bị tiêu tốn nhiều như điều hòa nhiệt độ, màn chiếu, máy photocopy...

Bên cạnh tận dụng ánh sáng tự nhiên, thiết bị chiếu sáng cũng được chuyển sang dùng các loại đèn led với tuổi thọ dài và tiết kiệm điện. Việc di chuyển, đi công tác cũng được sắp xếp hợp lý nhằm giảm tiêu thụ năng lượng từ thiết bị giao thông.

• TIÊU THỤ NƯỚC

Việc tiêu thụ nước một cách hiệu quả không chỉ giúp giảm chi phí mà còn là một cách tích cực đối với bảo vệ môi trường.

Tại văn phòng Tập đoàn, luôn thực hiện kiểm tra định kỳ để phát hiện và sửa chữa rò rỉ nước trên vòi sen, ống nước và thiết bị khác; hạn chế thời gian để đảm bảo rằng không có rò rỉ nước nào xảy ra trong thời gian không sử dụng;

Tổ chức các buổi đào tạo cho nhân viên về cách sử dụng nước hiệu quả và tác động của việc tiết kiệm nước đến môi trường; Đặt biển báo hoặc nhãn nhắc nhở ở các khu vực sử dụng nước, chẳng hạn như nhà vệ sinh hoặc bếp ăn,...

4.2 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Các chính sách phúc lợi chính: Tập đoàn F.I.T đảm bảo người lao động được trả lương xứng đáng với năng lực và cạnh tranh so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực trên thị trường tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cung cấp các chính sách lương, thưởng, đãi ngộ cho người lao động. Xem xét các khoản thưởng theo hiệu suất, lễ Tết, hoặc các chính sách tăng lương định kỳ. Các chính sách hỗ trợ học phí hoặc tài trợ chứng chỉ chuyên ngành, tạo cơ hội học tập, nâng cao kỹ năng và chuyên môn cho nhân viên. Tập đoàn là nơi làm việc của hơn 3000 cán bộ nhân viên trên khắp cả nước, đóng góp vào sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.
Điều kiện làm việc: Môi trường làm việc cũng được Tập đoàn chú trọng với cam kết công bằng, tạo cơ hội đào tạo và thu nhập cho mọi người lao động, chống lại các vấn đề như lao động bất hợp pháp, bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất.

Tập đoàn luôn kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn tại nơi làm việc, bao gồm đào tạo về phòng cháy chữa cháy, trang bị bảo hộ lao động và bảo trì thiết bị. Không gian làm việc hiện đại, tiện nghi với đầy đủ các trang thiết bị và ứng dụng công nghệ để phục vụ cho công việc và nhu cầu thể dục thể thao, thư giãn của CBNV sau giờ làm việc.

Bởi vậy, tâm lý người lao động luôn lạc quan, tin tưởng vào sự phát triển của công ty, yên tâm lao động và đóng góp.

4.3 ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Tập đoàn F.I.T lấy sứ mệnh nâng tầm chất lượng cuộc sống bằng các sản phẩm và dịch vụ vượt trội làm kim chỉ nam trong hoạt động kinh doanh. Các sản phẩm luôn được cải tiến theo hướng thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn duy trì đối thoại thường xuyên với cộng đồng địa phương, các nhà máy lân cận, và Ban Quản lý Khu Công nghiệp để chia sẻ thông tin và phối hợp giải quyết các vấn đề như nguồn nước, môi trường, chất thải, và an ninh trật tự.

Theo đó, trong năm 2024, không ghi nhận bất kỳ sự cố nào liên quan đến các vấn đề trên, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa doanh nghiệp và cộng đồng. Tập đoàn cùng với sự đồng hành của các công ty thành viên, đã thực hiện nhiều chương trình ý nghĩa như:

- Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda) đã khởi động phong trào "VIKODA 35 NĂM, XANH ĐẤT – SẠCH NƯỚC – BỀN TƯƠNG LAI". Đây không chỉ là sự kiện đánh dấu cột mốc 35 năm thành lập công ty mà còn là lời khẳng định mạnh mẽ về cam kết bảo vệ môi trường và phát triển bền vững mà Vikoda luôn theo đuổi.

- Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long tiếp tục tham gia tài trợ và hợp tác tổ chức Hội nghị Khoa học thường niên năm 2024 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình hiện thực hóa cam kết đồng hành cùng các hoạt động vì cộng đồng của công ty.

- Chi Đoàn thanh niên Dược Cửu Long phối hợp cùng lực lượng Công an và UBND Phường 5, Thành phố Vĩnh Long tổ chức chuỗi hoạt động thường niên mang tên "Chủ nhật Xanh 2024" nhằm hưởng ứng phong trào bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan đô thị.

5 ▸ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm 2024, Tập đoàn F.I.T đã tích cực thực hiện chiến lược thúc đẩy sản xuất bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường, thể hiện qua nhiều hành động cụ thể.

Tập đoàn không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và khai thác tài nguyên mà còn chủ động triển khai nhiều giải pháp sáng tạo. Các giải pháp này bao gồm đầu tư vào công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu tác động môi trường, cải tiến quy trình sản xuất để tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu đầu vào, và xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ nhân lực.

Những nỗ lực này không chỉ giúp tận dụng hiệu quả nguồn lực mà còn khẳng định cam kết của Tập đoàn đối với sự phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội.

6 ▸ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

"Sẵn sàng nguồn lực - Tạo đà đột phá", F.I.T cam kết tạo nền tảng vững chắc để không ngừng phát triển, đồng thời thực hiện trách nhiệm với nhân viên, khách hàng, đối tác và cộng đồng.

6.1 TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

• PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM VÌ CỘNG ĐỒNG

Tập đoàn F.I.T cam kết xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm hướng tới lợi ích cộng đồng, tập trung vào việc tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng cao và thân thiện với môi trường. Thông qua việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến, Tập đoàn không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đồng thời, F.I.T chủ động tích hợp các yếu tố bền vững vào toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm, từ nguồn cung ứng nguyên liệu đến sản xuất và phân phối, nhằm giảm thiểu tác động môi trường và gia tăng giá trị xã hội.

Các sáng kiến vì cộng đồng được lồng ghép chặt chẽ vào chiến lược phát triển, thể hiện tinh thần trách nhiệm và mong muốn đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.

• THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI ĐỐI TÁC, CỔ ĐÔNG

Luôn đặt trách nhiệm với đối tác và cổ đông lên hàng đầu, Tập đoàn F.I.T coi đây là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững. F.I.T cam kết minh bạch trong quản trị, đảm bảo thông tin tài chính và hoạt động kinh doanh được công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Với các đối tác, F.I.T xây dựng mối quan hệ hợp tác dựa trên sự tin cậy, cùng phát triển thông qua việc thực hiện các cam kết kinh doanh và chia sẻ lợi ích công bằng.

Đối với cổ đông, Tập đoàn không ngừng nỗ lực tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, gia tăng giá trị đầu tư, đồng thời đảm bảo thực hiện các chiến lược dài hạn nhằm mang lại lợi ích bền vững và ổn định.

6.2 PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG

• ĐẦU TƯ VÀO CON NGƯỜI

Tập trung xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, phát triển kỹ năng và nâng cao tư duy đổi mới sáng tạo. Hệ thống E-Learning được đầu tư nâng cấp, chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn cũng như kỹ năng mềm của CBNV; Tăng cường việc tổ chức các chương trình đào tạo trực tiếp. Nhân sự kế cận được trang bị kiến thức quản trị, tư duy chiến lược và khả năng thích nghi để đảm bảo tính liên tục và ổn định trong hoạt động của công ty.

Định hướng và xây dựng lộ trình phát triển rõ ràng cho từng cá nhân, giúp nhân viên xác định mục tiêu nghề nghiệp cụ thể và cơ hội thăng tiến trong tổ chức.

• THÚC ĐẨY VĂN HÓA ĐỔI MỚI VÀ GẮN KẾT

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp linh hoạt, đổi mới, thúc đẩy sự hợp tác và sáng tạo giữa các phòng ban. Tạo môi trường làm việc minh bạch, công bằng và khuyến khích sự gắn kết lâu dài của nhân viên.

Các hoạt động truyền thông nội bộ được duy trì nhằm tạo môi trường gắn kết, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, tăng cường đoàn kết tập thể, xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp.

• ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Áp dụng các nền tảng số hóa để quản lý nhân sự hiệu quả hơn, từ tuyển dụng, đào tạo đến đánh giá hiệu suất.

Công nghệ giúp tối ưu hóa quy trình, giảm thiểu lãng phí nguồn lực và tăng tính minh bạch trong các chính sách nhân sự.

6.3 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- **Quản lý và giảm thiểu rác thải:** Giảm sử dụng các vật liệu khó phân hủy, tái sử dụng đồ cũ và tái chế chất thải. Tái sử dụng tài nguyên trong quá trình sản xuất và hạn chế tạo ra chất thải. Sử dụng các phương pháp hiện đại để xử lý nước thải và đảm bảo rằng nước thải đưa ra từ hoạt động sản xuất là an toàn và không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

- **Tiết kiệm năng lượng:** Áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, thiết kế công trình xanh và sử dụng thiết bị tiết kiệm điện. Giảm lãng phí nước, tái sử dụng nước trong sản xuất và hạn chế ô nhiễm nguồn nước.

- **Tăng cường giáo dục và nhận thức**: Tổ chức các chương trình tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường. Khuyến khích các hành vi thân thiện với môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024)

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1 ▸ BÁO CÁO CỦA **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 36 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, ... trong đó thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 36 ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc cập nhật thông tin cá nhân của người đại diện pháp luật của doanh nghiệp.

II. TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG

Tầng 5 tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

024.7309 4688 - 024.7309 4686

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ cho thuê văn phòng
- Các dịch vụ: tư vấn đầu tư, tư vấn mua doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; Bãi đỗ xe và các công trình công cộng.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Anh Trọng	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Tuấn Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Đinh Quốc Hùng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
BAN KIỂM SOÁT		
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Ngô Thu Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Võ Đình Bảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG		
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 11 năm 2023
Bà Vũ Thị Minh Hoài	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Ngày 24 tháng 12 năm 2021
Ông Lê Việt Cường	Kế toán trưởng	Ngày 05 tháng 09 năm 2022
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT		
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Sang – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Văn Bản – Tổng Giám đốc.		

IV. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

VI. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
FIT GROUP
MSDN: 0102182140

Nguyễn Văn Bản
Ngày 25 tháng 3 năm 2025

2 ▸ BÁO CÁO **KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Số: 2.0276/25/TC-AC

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

I. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

III. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

Vũ Minh Khôi - Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:4028-2022-008-1

3 ▶ BẢNG CÂN ĐỐI **KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - Tài sản ngắn hạn	**100**		**5.351.692.520.963**	**5.632.480.189.826**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	101.436.456.286	43.305.574.290
1. Tiền	111		98.436.456.286	43.305.574.290
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**887.299.541.667**	**1.501.601.291.666**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	193.020.000.000	183.020.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(5.020.458.333)	(5.347.708.334)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	699.300.000.000	1.323.929.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**3.861.942.225.341**	**3.599.188.814.645**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	428.564.441.476	369.134.649.119
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	122.138.612.325	97.704.005.925
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	80.524.595.050	49.336.798.592
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	3.298.809.973.909	3.151.952.140.140
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(68.095.397.419)	(68.938.779.131)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.8**	**409.152.086.811**	**427.044.678.929**
1. Hàng tồn kho	141		420.372.965.652	437.703.536.426
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.220.878.841)	(10.658.857.497)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**91.862.210.858**	**(61.339.830.296)**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.518.412.693	4.147.369.634
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		85.095.067.945	56.787.551.911
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19a	1.248.730.220	404.908.751
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - Tài sản dài hạn	**200**		**2.396.115.491.927**	**2.089.073.339.476**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**4.796.500.000**	**4.525.200.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.796.500.000	4.525.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**663.653.481.221**	**621.439.971.578**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	549.974.790.254	501.852.694.508
Nguyên giá	***222***		***1.364.795.811.647***	***1.273.110.972.113***
Giá trị hao mòn lũy kế	***223***		***(814.821.021.393)***	***(771.258.277.605)***
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	13.513.539.364	18.082.442.189
Nguyên giá	***225***		***22.876.854.258***	***22.876.854.258***
Giá trị hao mòn lũy kế	***226***		***(9.363.314.894)***	***(4.794.412.069)***
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	100.165.151.603	101.504.834.881
Nguyên giá	228		118.268.616.087	***116.841.653.647***
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.103.464.484)	***(15.336.818.766)***
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.13**	**106.788.696.185**	**107.862.169.205**
Nguyên giá	231		122.172.433.422	122.172.433.422
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.383.737.237)	(14.310.264.217)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**794.862.764.019**	**438.277.035.121**
1. Chi phí sản xuất. kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.14	4.627.105.857	9.803.484.484
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.15	790.235.658.162	428.473.550.637
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**359.934.009.742**	**367.784.269.248**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh. liên kết	252	V.2c	290.401.798.492	299.452.057.998
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		69.532.211.250	68.332.211.250
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**466.080.040.760**	**549.184.694.324**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	50.457.361.563	52.228.889.995
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.24a	5.213.703.667	5.145.010.093
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	410.408.975.530	**491.810.794.236**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			**7.747.808.012.890**	**7.721.553.529.302**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - Nợ phải trả	**300**		**1.806.932.964.486**	**1.956.484.819.495**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.366.296.163.491**	**1.687.293.011.175**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	108.239.994.256	88.644.880.168
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	23.793.973.340	6.774.197.491
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19b	79.683.392.947	51.870.415.758
4. Phải trả người lao động	314		37.438.812.333	30.472.437.942
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	35.324.155.679	28.154.616.385
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		116.562.537	105.965.942
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	79.643.680.908	78.664.818.031
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	990.095.796.598	1.388.515.152.095
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng. phúc lợi	322	V.23	11.959.794.893	14.090.527.363
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**440.636.800.995**	**269.191.808.320**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	8.906.974.601	10.405.310.430
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	403.148.637.153	220.819.293.280
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24b	28.581.189.241	37.967.204.610
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - Nguồn vốn chủ sở hữu	**400**		**5.940.875.048.404**	**5.765.068.709.807**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.25	**5.940.875.048.404**	**5.765.068.709.807**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.399.330.340.000	3.399.330.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*3.399.330.340.000*	*3.399.330.340.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.895.139.513	74.895.160.642
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		80.481.887.391	80.481.887.391
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.160.957.903	646.388.781
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		278.532.985.676	154.861.723.057
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*159.269.404.327*	*290.366.440.414*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*119.263.581.349*	*(135.504.717.357)*
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.106.473.737.921	2.054.853.209.936
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**7.747.808.012.890**	**7.721.553.529.302**

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thương	Lê Việt Cường	Nguyễn Văn Bản

4 ▸ BÁO CÁO **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**1.984.757.327.393**	**1.774.922.351.603**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**VI.2**	**31.099.252.252**	**29.154.717.054**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**1.953.658.075.141**	**1.745.767.634.549**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.3**	**1.560.804.580.933**	**1.397.449.110.731**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**392.853.494.208**	**348.318.523.818**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**249.647.745.886**	**224.570.492.615**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.4**	**55.098.285.958**	**256.828.269.033**
Trong đó: chi phí lãi vay	23	VI.5	50.280.915.507	68.807.184.388
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	**24**		**(9.050.259.506)**	**(12.267.114.557)**
9. Chi phí bán hàng	**25**	**VI.6**	**144.779.686.091**	**128.329.960.235**
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26**	**VI.7**	**208.773.148.649**	**192.636.130.792**
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**224.799.859.890**	**(17.172.458.184)**
12. Thu nhập khác	**31**		**4.084.038.973**	**3.909.778.546**
13. Chi phí khác	**32**		**1.192.775.811**	**2.731.660.239**
14. Lợi nhuận khác	**40**		**2.891.263.162**	**1.178.118.307**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**227.691.123.052**	**(15.994.339.877)**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**		**60.642.529.043**	**51.056.288.267**
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**52**		**(9.454.708.944)**	**31.148.741.960**
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**176.503.302.953**	**(98.199.370.104)**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	**61**		**119.263.581.349**	**(135.504.717.357)**
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	**62**		**57.239.721.604**	**37.305.347.253**
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.8**	**351**	**(399)**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.8**	**351**	**(399)**

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thương	Lê Việt Cường	Nguyễn Văn Bản

5 ▸ BÁO CÁO **LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		227.691.123.052	***(15.994.339.877)***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		141.768.253.706	146.583.463.163
Các khoản dự phòng	03		(608.610.369)	(10.516.626.339)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại			-	
Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		195.322.557	142.309.703
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(40.330.295.581)	125.011.896.293
Chi phí lãi vay	06		50.280.915.507	68.807.184.388
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***378.996.708.872***	***314.033.887.331***
Tăng, giảm các khoản phải thu	**09**		**(253.586.676.826)**	**(164.657.303.944)**
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.590.849.151	(44.294.096.585)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		87.229.380.437	31.601.315.078
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.648.077.492)	(1.549.710.029)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(10.000.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(50.683.522.971)	(68.377.762.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(32.830.336.716)	(26.103.670.913)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.483.467.477)	(2.272.824.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***124.584.856.978***	***38.379.834.781***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(467.154.030.629)	(271.109.551.273)
2. Tiền thu từ thanh lý,nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		603.272.728	1.082.454.547
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(714.250.000.000)	(1.707.796.603.225)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.313.529.000.000	797.984.893.145
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(55.200.000.000)	(207.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	352.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		72.075.148.856	166.489.989.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***149.603.390.955***	***(868.348.817.163)***
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	3.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	2.361.490.599.291	3.262.348.691.685
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(2.554.217.213.650)	(2.508.817.240.174)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(23.363.397.265)	(12.320.695.760)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(216.090.011.624)***	***744.210.755.751***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**58.098.236.309**	**(85.758.226.631)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	V.1	**43.305.574.290**	**129.067.828.987**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	**61**		**32.645.687**	**(4.028.066)**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	V.1	**101.436.456.286**	**43.305.574.290**

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thương	Lê Việt Cường	Nguyễn Văn Bản

6 ▸ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là Đầu tư tài chính, tư vấn tài chính và dịch vụ cho thuê bất động sản.

3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Các dịch vụ: Tư vấn đầu tư, tư vấn mua doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; Bãi đỗ xe và các công trình công cộng.

4. CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn thông thường là trong vòng 12 tháng.

5. CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin tái cấu trúc Công ty con

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, Công ty mẹ đã chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần FIT Consumer ("FC") - Công ty con cấp 2, cho Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ ("TSC") - Công ty con cấp 1. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tại FC giảm từ 48,77% xuống 46,35%. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của FC (không bao gồm lợi thế thương mại) tại ngày mua là 1.384.801.064.614 VND. Chênh lệch giữa giá mua với giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (xem thuyết minh V.25).

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (i) (viết tắt "TSC")	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh các sản phẩm từ nông nghiệp	41,07%	41,07%	41,07%	41,07%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (viết tắt "DCL")	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế	58,05%	58,05%	58,05%	58,05%
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam (viết tắt "FXK")	Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T (viết tắt "FLD")	Tầng 5 - Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông của TSC chỉ đạt 41,07% tuy nhiên, Công ty vẫn là Công ty mẹ do có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Các công ty con của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ						
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (viết tắt WFC)(*)	KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Chế biến, xuất nhập khẩu nông sản	18,48%	45,00%	18,48%	45,00%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hạt giống	23,67%	57,63%	23,67%	57,63%
Công ty Cổ phần FIT Consumer (**) (viết tắt "FC")	1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Kinh doanh hàng hóa tiêu dùng	46,35%	100,00%	48,77%	100,00%
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng	31,90%	77,67%	31,90%	77,67%
Các công ty con của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long						
Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	29,61%	51,00%	29,61%	51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC-Sài Gòn(**)	Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế	58,05%	100,00%	58,05%	100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	58,04%	99,98%	58,04%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas (TBYT Benovas) (**)	Số 68Đ Tổ 05 Ấp Thanh Mỹ 1, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị, y tế	58,05%	100,00%	58,05%	100,00%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Tầng 5, tòa nhà HACC1 Complex tại lô 2.6, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	48,76%	84,00%	48,76%	84,00%
Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte (viết tắt " Charlotte")	Tầng 5, tòa nhà HACC1 Complex tại lô 2.6, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	98,61%	98,71%	98,61%	98,71%

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TSC tại Đại hội đồng cổ đông của WFC chỉ đạt 45,00%, tuy nhiên, TSC vẫn là công ty mẹ do có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.
(**) Công ty Cổ phần FIT Consumer, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas, Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC – Sài Gòn: Toàn bộ cổ đông của các công ty này là các đơn vị thành viên của Tập đoàn. Do đó, Tập đoàn chiếm 100% quyền biểu quyết trong các công ty này.

Công ty con cấp 3

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây			18,38%	99,47%	18,11%	98,00%
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	KCN Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Chế biến nông sản				
Công ty con của Công ty Cổ phần FIT Consumer						
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("Vikoda")	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng, kinh doanh dịch vụ	44,27%	95,53%	46,59%	95,53%

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đã tạm ngưng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn, Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas, Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte, Công ty Cổ phần Hạt giống TSC, Công ty Cổ phần FIT Consumer, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín có hoạt động chính trong năm là đầu tư tài chính, bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ có 01 Công ty liên kết, là công ty liên kết của Công ty Cổ phần FIT Consumer (Công ty con cấp 2).

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối ngành hóa mỹ phẩm	22,71%	23,9%	49,00%	49,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 1.662 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.695 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay
Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết
Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư.

Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác
Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.
Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tập đoàn tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.
Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Đối với hàng tồn kho phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long, giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Đối với các loại hàng tồn kho khác, giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ
Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước
- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh với thời gian 20 năm được chia thành 10 lần nộp kể từ ngày cấp phép, chi phí trả trước mỗi lần nộp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng tương ứng thời gian khai thác.
- Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu chưa được phân bổ do chưa bắt đầu khai thác.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm .

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Máy móc thiết bị	03 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 10
Tài sản cố định khác	10 – 20

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao là 5 năm.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong theo thời gian giao đất (từ 36 đến 38 năm). Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính
Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Các bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao trong vòng 25-47 năm.

Các bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài và bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thì không được trích khấu hao.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.
Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15.VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu
Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần
Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
  Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia
Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. CÁC KHOẢN CHI PHÍ

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành
Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:
• Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
• Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài

sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	374.389.306	491.312.304
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	98.062.066.980	42.814.261.986
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	3.000.000.000	-
Cộng	**101.436.456.286**	**43.305.574.290**

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu sàn UPCOM	6.125.000.000	(5.020.458.333)	6.125.000.000	(5.347.708.334)
Cổ phiếu không niêm yết	186.895.000.000	-	176.895.000.000	-
Cộng	**193.020.000.000**	**(5.020.458.333)**	**183.020.000.000**	**(5.347.708.334)**

Các cổ phiếu UPCOM có giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.104.541.667 VND (Số đầu năm: 777.291.666 VND).

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản cổ phiếu không niêm yết, do chưa có đủ các thông tin cần thiết cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản cổ phiếu này.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.347.708.334	5.418.875.000
Hoàn nhập dự phòng	(327.250.001)	(71.166.666)
Số cuối năm	**5.020.458.333**	**5.347.708.334**

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	699.300.000.000	1.323.929.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, lãi suất tại thời điểm kết thúc năm tài chính là từ 2,9% - 5,0%/năm (lãi suất tại thời điểm đầu năm: 4,3% - 9%/năm). Trong đó, tổng giá trị các khoản tiền gửi đang cầm cố thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty mẹ và các công ty con tại các ngân hàng là 699,1 tỷ VND.

2c. Đầu tư vào công ty liên kết (Công ty Cổ phần FIT Cosmetics)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	383.137.080.000	383.137.080.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(92.735.281.508)	(83.685.022.002)
Cộng	**290.401.798.492**	**299.452.057.998**

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay
Giá trị phần sở hữu đầu năm	299.452.057.998
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	(9.050.259.506)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	**290.401.798.492**

Tình hình hoạt động của công ty liên kết
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics có hoạt động chính trong năm là phân phối độc quyền các mặt hàng hóa, mỹ phẩm của Công ty Cổ phần Today Cosmetics. Công ty bị lỗ trong năm và có lỗ lũy kế.
Giao dịch với công ty liên kết:
Xem Thuyết minh VIII.1

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	67.260.031.250	-	66.060.031.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngô Việt Nam	2.272.180.000	-	2.272.180.000	-
Cộng	**69.532.211.250**	-	**68.332.211.250**	-

Là các khoản đầu tư của TSC và các công ty con ("Nhóm Công ty"), cụ thể:

- Trong năm, Nhóm Công ty đầu tư thêm 120.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt, với giá mua 1.200.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 3.065.000 cổ phiếu, tương đương 10,22% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt (số đầu năm là 2.945.000 cổ phiếu, tương đương 19,63% vốn điều lệ).
- Nhóm Công ty sở hữu 220.600 cổ phiếu, chiếm 4,42% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngô Việt Nam.

(*) Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết, do chưa có đủ các thông tin cần thiết cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan *(Xem thuyết minh VIII.1)*	***551.350.800***	***967.122***
Phải thu các khách hàng khác	***428.013.090.676***	***369.133.681.997***
Phải thu khách hàng liên quan đến hoạt động kinh doanh dược phẩm	326.764.738.221	293.213.041.302
Các khách hàng khác	101.248.352.455	75.920.640.695
Cộng	**428.564.441.476**	**369.134.649.119**

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	6.454.448.000	-
Trenwell Services LLC	16.339.862.500	5.885.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	-	9.982.165.208
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lê Gia Phúc	11.937.945.260	-
Công ty TNHH Thiết bị lạnh và Cách nhiệt TST	5.735.746.872	12.875.280.000
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	34.714.524.982	27.202.110.644
Công ty Cổ phần Confitech Cửu Long	7.250.000.000	7.250.000.000
Các nhà cung cấp khác	39.706.084.711	34.509.450.073
Cộng	**122.138.612.325**	**97.704.005.925**

5.PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn (*)	45.174.595.050	39.336.798.592
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (**)	35.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mùa xuân Hậu Giang	350.000.000	-
Cộng	**80.524.595.050**	**49.336.798.592**

(*) Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng ngày 24/08/2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn, lãi suất 14,8%/năm, thời hạn vay là 36 tháng. Hai bên thống nhất tiếp tục chuyển tiếp toàn bộ gốc vay và lãi phát sinh của hợp đồng cũ sang khoản cho vay mới kỳ hạn 12 tháng tính từ ngày 24/08/2024, lãi suất 14,8%/năm.
Tại ngày 31/12/2024, tổng số tiền phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn là 45.174.595.050 VND (trong đó, lãi nhập gốc là 5.837.796.458 VND). Ngoài ra, ông Cao Trọng Hoan là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn.

(**) Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng khung năm 2023 và hợp đồng vay vốn năm 2024, các khoản cho vay có kỳ hạn 6 – 12 tháng, lãi suất từ 7,2% - 8,5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁC

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu gốc hợp tác đầu tư, ủy thác đầu tư, hợp tác kinh doanh	3.147.651.776.177	-	2.992.172.155.269	-
- Bên liên quan (xem thuyết minh VIII.1)	*43.610.000.000*	-	*55.610.000.000*	
- Các tổ chức và cá nhân khác (i)	*3.104.041.776.177*	-	*2.936.562.155.269*	-
Phải thu lãi từ hợp tác đầu tư, cho vay, ủy thác đầu tư	73.542.922.508	-	58.117.925.824	-
- Bên liên quan (xem thuyết minh VIII.1)	*7.049.692.326*	-	*2.573.315.483*	-
- Các tổ chức và cá nhân khác (ii)	*66.493.230.182*	-	*55.544.610.341*	-
Các khoản thu khác với bên liên quan *(xem thuyết minh VIII.1)*	253.400.844	- -	243.880.844	- -
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	9.099.663.689	-	38.163.205.101	-
Ký cược, ký quỹ	2.670.823.705	-	1.253.606.266	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	41.328.929.507		42.829.417.361	(689.833.740)
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	7.531.505.244	-	6.368.458.176	-
Tạm ứng Dự án Nhà máy sắn Bình Định	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.230.952.235	(5.993.224.609)	9.303.491.299	(5.275.639.958)
Cộng	**3.298.809.973.909**	**(9.493.224.609)**	**3.151.952.140.140**	**(9.465.473.698)**

(i) Phải thu gốc hợp tác đầu tư, ủy thác đầu tư, hợp tác kinh doanh các tổ chức và cá nhân khác bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về hợp tác đầu tư	***2.958.575.412.135***	***2.767.178.618.319***
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam (a)	589.267.000.000	607.080.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam (a)	786.620.000.000	617.620.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt (a)	376.285.000.000	302.985.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng (a)	305.625.000.000	361.840.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam (a)	136.520.000.000	48.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (a)	38.811.780.821	65.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam (a)	25.000.000.000	-
Ông Cao Trọng Hoan (b)	237.540.895.370	228.228.158.375
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mùa Xuân Hậu Giang	196.776.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển kinh doanh Tân An (c)	233.883.500.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Việt Hoàng (c)	70.000.000.000	-
Bà Lê Minh Anh (c)	-	200.000.000.000
Ông Ngạc Văn Lượng (c)	-	200.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Đạt (c)	22.900.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Bích (d)	135.925.459.944	135.925.459.944
Phải thu hợp tác kinh doanh	**-**	**23.086.692.908**
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	-	23.086.692.908
Phải thu về ủy thác đầu tư	***145.466.364.042***	***146.296.844.042***
Bà Lê Hồng Phượng (e)	141.161.410.142	141.161.410.142
Ông Nguyễn Thiện Ân (f)	4.304.953.900	4.304.953.900
Ông Nguyễn Duy Thanh	-	474.560.000
Ông Chu Thanh Quân	-	355.920.000
Cộng	**3.104.041.776.177**	**2.936.562.155.269**

(a) Các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và tổ chức không phải bên liên quan bao gồm:

- Các hợp đồng có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, Tập đoàn được hưởng lợi nhuận tại thời điểm cuối kỳ là từ 4,4% - 10,5%/năm (Đầu năm: 5,7% - 9,2%/năm), được đảm bảo bằng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bất động sản mà bên đối tác đầu tư.
- Các hợp đồng hợp tác đầu tư không có thời hạn, mục đích đầu tư bất động sản, lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn từ 94,52% đến 95%. Hồ sơ liên quan đến các bất động sản hợp tác đầu tư như Hợp đồng chuyển nhượng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... do Tập đoàn nắm giữ.

(b) Hợp đồng hợp tác giữa Ông Cao Trọng Hoan với các đơn vị trong Tập đoàn, mục đích đầu tư vào bất động sản tại thị trường thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đảm bảo là các dự án hợp tác theo quy định của hợp đồng và mọi tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Cao Trọng Hoan. Lợi nhuận được phân chia cuối kỳ khi phát sinh doanh thu, hoặc hưởng theo lãi suất là 10%/năm, tùy theo từng hợp đồng.

(c) Các hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty mẹ và các đối tác để đầu tư chứng khoán niêm yết trên sàn HOSE, tỷ lệ góp vốn giữa hai bên là 50:50. Thời hạn hợp tác là 6 tháng kể từ ngày chuyển tiền hợp tác. Lợi nhuận hợp tác được thanh toán 3 tháng/lần, và gốc được thanh toán một lần khi hết thời hạn hợp tác. Hợp đồng được bảo đảm bằng toàn bộ số cổ phiếu mà 02 bên hợp tác mua, được quản lý trên tài khoản giao dịch chứng khoán của đối tác, và được Công ty chứng khoán phong tỏa. Đối tác không được giao dịch số chứng khoán này dưới mọi hình thức khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty. Công ty được hưởng lợi nhuận tính trên số vốn góp và số ngày góp vốn thực tế, với tỷ lệ lợi nhuận 9,5%-11,5%/năm.

(d) Hợp đồng hợp tác giữa Ông Nguyễn Ngọc Bích với FLD, mục đích đầu tư vào bất động sản tại thị trường thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bên đảm bảo và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai. Lợi nhuận được phân chia theo tỉ lệ vốn góp khi phát sinh doanh thu.

(e) Hợp đồng ủy thác của các đơn vị trong Tập đoàn với bà Lê Hồng Phượng, cụ thể:

- Khoản uỷ thác đầu tư của FLD cho Bà Phượng theo các hợp đồng ủy thác năm 2021 và các phụ lục hợp đồng để đặt cọc mua bất động sản ủy thác, với thời gian ủy thác là từ thời điểm ký hợp đồng đến thời điểm FLD ra quyết định về việc chấm dứt quản lý ủy thác. hợp đồng này không có phí ủy thác. Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Bà Phượng và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- Ủy thác của WFC cho bà Lê Hồng Phượng theo Hợp đồng ủy thác năm 2022 để Bên nhận ủy thác thay mặt WFC thực hiện giao dịch, quản lý và phối hợp chuyển nhượng/chuyển giao cổ phiếu ủy thác (là 665.938 cổ phiếu CTCP Nông nghiệp Mùa Xuân Hậu Giang) và các khoản lợi nhuận từ cổ phiếu này theo yêu cầu của WFC. WFC có toàn quyền sở hữu đối với cổ phiếu ủy thác và toàn bộ lợi nhuận thực tế phát sinh từ cổ phiếu ủy thác, được hưởng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ cổ phiếu ủy thác trong thời gian thực hiện hợp đồng. Hợp đồng này không có phí ủy thác.

(f) Ủy thác của WFC cho Ông Nguyễn Thiện Ân theo các hợp đồng năm 2019 và 2020 để Bên nhận ủy thác thực hiện nhận chuyển nhượng và đứng tên người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04 lô đất tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, tỉnh Cần Thơ.

Bên nhận ủy thác có nghĩa vụ thực hiện quản lý tài sản ủy thác theo yêu cầu của WFC. WFC được hưởng toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ tài sản ủy thác trong thời gian thực hiện hợp đồng. Lợi tức ủy thác sẽ theo thỏa thuận vào ngày kết thúc hợp đồng.

(ii) Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư, ủy thác đầu tư, hợp tác kinh doanh các tổ chức và cá nhân khác bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lợi nhuận từ hợp tác đầu tư, cho vay, ủy thác đầu tư	**66.493.230.182**	**55.544.610.341**
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	18.777.418.730	13.958.881.257
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	24.779.557.110	17.668.894.090
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	6.255.301.085	4.416.092.871
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	5.526.901.678	5.000.100.554
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư KVN Việt Nam	852.164.378	1.218.246.574
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn	2.381.258.145	2.073.534.288
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	1.823.717.096	5.089.315.070
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển kinh doanh Tân An	4.139.417.562	-
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Việt Hoàng	1.020.273.973	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	41.095.890	
Ông Nguyễn Văn Đạt	396.828.767	-
Ông Cao Trọng Hoan	499.295.768	453.792.212
Lê Minh Anh	-	4.641.095.891
Ngạc Văn Lượng	-	1.024.657.534
Cộng	**66.493.230.182**	**55.544.610.341**

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.796.500.000	4.525.200.000

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng	***61.012.622.391***	***(51.649.702.774)***	***56.088.403.581***	***(52.520.835.397)***
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	(3.520.000.000)	3.520.000.000	(3.520.000.000)
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	(3.508.884.959)	3.508.884.959	(3.508.884.959)
Các khách hàng khác	53.983.737.432	(44.620.817.815)	49.059.518.622	(45.491.950.438)
Phải thu khác	***9.493.224.609***	***(9.493.224.609)***	***9.465.473.698***	***(9.465.473.698)***
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu tiền tạm ứng	-	-	689.833.740	(689.833.740)
Phải thu các khoản chi hộ	3.659.656.462	(3.659.656.462)	4.349.490.202	(4.349.490.202)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.333.568.147	(2.333.568.147)	926.149.756	(926.149.756)
Trả trước cho người bán	***6.952.470.036***	***(6.952.470.036)***	***6.952.470.036***	***(6.952.470.036)***
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	(2.640.025.020)	2.640.025.020	(2.640.025.020)
Các đối tượng khác	4.312.445.016	(4.312.445.016)	4.312.445.016	(4.312.445.016)
Cộng	**77.458.317.036**	**(68.095.397.419)**	**72.506.347.315**	**(68.938.779.131)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	68.938.779.131	112.602.033.639
Trích lập/(hoàn nhập dự phòng) trong năm	111.720.207	(11.808.809.665)
Sử dụng dự phòng để xóa nợ	(955.101.919)	(31.854.444.843)
Số cuối năm	**68.095.397.419**	**68.938.779.131**

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	29.242.530.353	-	15.964.044.637	-
Nguyên liệu, vật liệu	171.846.870.761	(4.049.497.422)	173.779.103.700	(2.232.934.713)
Công cụ, dụng cụ	13.608.349.604	-	11.611.817.329	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.641.711.260	-	1.647.633.621	-
Thành phẩm	143.703.058.889	(5.247.680.995)	163.215.934.205	(3.880.309.519)
Bán thành phẩm	34.301.943.913	(640.938.898)	25.756.960.927	(3.107.705.153)
Hàng hóa	26.028.500.872	(1.282.761.526)	45.728.042.007	(1.437.908.112)
Cộng	**420.372.965.652**	**(11.220.878.841)**	**437.703.536.426**	**(10.658.857.497)**

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho, có giá trị ghi sổ là 245.481.306.612 VND, đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng. (xem thuyết minh V.22)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.658.857.497	9.888.034.750
Trích lập dự phòng bổ sung	4.728.507.611	6.041.956.141
Sử dụng dự phòng	(4.166.486.267)	(5.271.133.394)
Số cuối năm	**11.220.878.841**	**10.658.857.497**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.012.769.870	1.897.070.943
Chi phí tư vấn, quản lý và xây dựng chiến lược thương hiệu nhãn hàng Vikoda	-	437.530.126
Chi phí bảo hiểm	694.432.422	603.971.200
Chi phí phần mềm	895.061.277	313.640.831
Các chi phí khác	1.916.149.124	895.156.534
Cộng	**5.518.412.693**	**4.147.369.634**

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án Westfood Hậu Giang chưa hoạt động	-	13.819.374.832
Chi phí công cụ, dụng cụ	24.117.837.826	13.418.531.607
Tiền thuê đất trả trước	2.582.402.568	
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước	13.047.856.750	12.076.956.250
Chi phí tư vấn, quản lý và xây dựng chiến lược thương hiệu nhãn hàng Vikoda	2.133.474.325	5.074.681.061
Các chi phí khác	8.575.790.094	7.839.346.245
Cộng	**50.457.361.563**	**52.228.889.995**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	317.139.309.372	864.327.073.753	71.594.783.223	19.952.396.119	97.409.646	1.273.110.972.113
Mua trong năm	-	18.471.776.968	-	93.971.909	-	18.565.748.877
Đầu tư XDCB hoàn thành	54.202.971.037	18.679.988.223	7.884.998.396	2.325.374.786	-	83.093.332.442
Thanh lý, nhượng bán	(1.113.761.512)	(7.633.578.454)	(890.000.000)	(336.901.819)	-	(9.974.241.785)
Số cuối năm	**370.228.518.897**	**893.845.260.490**	**78.589.781.619**	**22.034.840.995**	**97.409.646**	**1.364.795.811.647**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	89.962.774.674	339.798.793.810	22.809.862.676	8.890.911.766	97.409.646	461.559.752.572
Chờ thanh lý	-	39.698.088.041	-	197.427.000	-	39.895.515.041
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	165.011.842.115	551.095.832.693	42.123.126.500	12.930.066.651	97.409.646	771.258.277.605
Khấu hao trong năm	12.160.043.455	34.044.075.035	5.654.224.193	1.678.642.890	-	53.536.985.573
Thanh lý, nhượng bán	(1.113.761.512)	(7.633.578.454)	(890.000.000)	(336.901.819)	-	(9.974.241.785)
Số cuối năm	**176.058.124.058**	**577.506.329.274**	**46.887.350.693**	**14.271.807.722**	**97.409.646**	**814.821.021.393**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	152.127.467.257	313.231.241.060	29.471.656.723	7.022.329.468	-	501.852.694.508
Số cuối năm	**194.170.394.839**	**316.338.931.216**	**31.702.430.926**	**7.763.033.273**	**-**	**549.974.790.254**

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 314.545.037.577 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	22.876.854.258	(4.794.412.069)	18.082.442.189
Khấu hao trong năm	-	(4.568.902.825)	(4.568.902.825)
Số cuối năm	**22.876.854.258**	**(9.363.314.894)**	**13.513.539.364**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản sắc thương hiệu (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	107.185.506.364	988.680.000	8.667.467.283	116.841.653.647
Mua trong năm	-	-	1.426.962.440	1.426.962.440
Số cuối năm	**107.185.506.364**	**988.680.000**	**10.094.429.723**	**118.268.616.087**
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	689.916.700	689.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	12.226.371.688	376.248.210	2.734.198.868	15.336.818.766
Khấu hao trong năm	1.651.416.865	49.434.000	1.065.794.853	2.766.645.718
Số cuối năm	**13.877.788.553**	**425.682.210**	**3.799.993.721**	**18.103.464.484**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	94.959.134.676	612.431.790	5.933.268.415	101.504.834.881
Số cuối năm	**93.307.717.811**	**562.997.790**	**6.294.436.002**	**100.165.151.603**
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long hình thành từ 10/01/2016, thời gian khấu hao 20 năm
Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 57.478.772.526 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	71.280.104.730	50.892.328.692	122.172.433.422
Số cuối năm	**71.280.104.730**	**50.892.328.692**	**122.172.433.422**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	14.310.264.217	14.310.264.217
Khấu hao trong năm	-	1.073.473.020	1.073.473.020
Số cuối năm	-	**15.383.737.237**	**15.383.737.237**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	71.280.104.730	36.582.064.475	107.862.169.205
Số cuối năm	**71.280.104.730**	**35.508.591.455**	**106.788.696.185**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có thông tin về giá thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số cuối năm			
Tầng 5 tòa HACC1	31.826.085.906	(5.938.686.409)	25.887.399.497
Tầng 1 tòa nhà CT1 - Mễ Trì	12.878.700.000	(3.257.508.042)	9.621.191.958
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng	6.187.542.786	(6.187.542.786)	-
Đất Cái Sơn Hàng Bàng - Phường An Bình	1.389.654.116	-	1.389.654.116
Đất nông nghiệp - Phường An Bình	5.863.335.957	-	5.863.335.957
Đất trồng lúa tại Hậu Giang - 11 miếng	2.478.114.657	-	2.478.114.657
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	36.919.000.000	-	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	24.630.000.000	-	24.630.000.000
Cộng	**122.172.433.422**	**(15.383.737.237)**	**106.788.696.185**

14. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Khảo sát nghiệm giống khóm MD2 tại tỉnh Hậu Giang và tỉnh Kiên Giang (i)	219.600.330	657.064.380
Dự án Vườn Ươm chồi khóm MD2 (i)	4.407.505.527	9.146.420.104
Cộng	**4.627.105.857**	**9.803.484.484**

(i) Dự án vườn ươm chồi khóm MD2 để phát triển vùng nguyên liệu khóm MD2 với giá trị đầu tư sẽ được thu hồi tương ứng với giá trị số lượng khóm bán ra cho người nông dân từ chính dự án này.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	***1.832.243.585***	***18.179.658.508***	***(16.903.630.317)***	***(1.088.504.119)***	***2.019.767.657***
Xây dựng cơ bản dở dang	***426.641.307.052***	***431.365.129.970***	***(66.683.246.517)***	***(3.107.300.000)***	***788.215.890.505***
Dự án Đầu tư Nhà máy tại Hậu Giang (i)	10.115.656.375	262.759.806.962	-	-	272.875.463.337
Dự án Công trình Nhà máy Vikimco (ii)	83.478.730.364	86.245.571.974	-	-	169.724.302.338
Dự án Công trình Nhà máy tại Long An (iii)	176.931.494.667	9.135.419.386	-	-	186.066.914.053
Dự án dây chuyền Capsule 5 (iv)	133.711.474.969	18.680.697.399	-	-	152.392.172.368
Dự án xây dựng Tổng kho và tòa nhà RD	16.777.663.812	40.840.862.739	(54.511.226.551)	(3.107.300.000)	-
Các dự án khác	5.626.286.865	13.702.771.510	(12.172.019.966)	-	7.157.038.409
Cộng	**428.473.550.637**	**449.544.788.478**	**(83.586.876.834)**	**(4.195.804.119)**	**790.235.658.162**

(i) Dự án Tổ hợp Nhà máy Chế biến Nông sản Thực phẩm Hậu Giang tại địa chỉ Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, diện tích đất 7ha, mục đích xây dựng để sản xuất Nông sản chế biến các loại. Tổng mức đầu tư dự án là 666.000.000.000 VND, trong đó vốn góp của Tập đoàn là 218.234.000.000 VND chiếm 32,8%, vốn vay 447.766.000.000 VND chiếm 67,2%. Thời gian hoạt động của dự án 41 năm kể từ ngày 21/10/2015. Hiện dự án đang trong quá trình xây dựng.

(ii) Công trình nhà máy Vikimco theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2651067820 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long ngày 12 tháng 8 năm 2020 mục đích để sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế với tổng vốn đầu tư 373,9 tỷ VND. Dự kiến thời hạn hoàn thành quý 01/2025.

(iii) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND.
Trong đó, quyền sử dụng đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An, với giá trị 161,7 tỷ VND, đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (xem Thuyết minh V.22)

(iv) Dự án dây chuyền Capsule giai đoạn 5 với mục đích đầu tư mở rộng sản xuất viên nang rỗng, làm tăng công suất sản xuất cho nhà máy với tổng vốn đầu tư là 232,4 tỷ đồng. Tháng 01/2025, dự án đã được đưa vào sử dụng.
Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 23.942.766.633 VND (năm trước: 15.094.476.009 VND).

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.387.565.874	163.255.255.818	12.864.385.324	620.990.283.326	4.723.270.846	808.220.761.188
Số cuối năm	**6.387.565.874**	**163.255.255.818**	**12.864.385.324**	**620.990.283.326**	**4.723.270.846**	**808.220.761.188**
Số đã phân bổ						
Số đầu năm	4.696.739.614	140.807.658.137	10.934.727.524	155.247.570.831	4.723.270.846	316.409.966.952
Phân bổ trong năm	1.690.826.260	16.325.525.580	1.286.438.532	62.099.028.334	-	81.401.818.706
Số cuối năm	**6.387.565.874**	**157.133.183.717**	**12.221.166.056**	**217.346.599.165**	**4.723.270.846**	**397.811.785.658**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.690.826.260	22.447.597.681	1.929.657.800	465.742.712.495	-	491.810.794.236
Số cuối năm		**6.122.072.101**	**643.219.268**	**403.643.684.161**	**-**	**410.408.975.530**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan *(Xem thuyết minh VIII.1)*		***6.614.005***
Phải trả các nhà cung cấp khác	***108.239.994.256***	***88.638.266.163***
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam	-	18.882.804.845
Tổng Công ty IDICO-CTCP	-	8.893.500.000
Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	7.252.651.350	6.928.778.500
Công ty TNHH Xử lý Chất thải Công nghiệp và Tư vấn Môi trường Văn Lang	9.871.959.411	-
Công ty Cổ phần Đầu tư WW	14.870.635.468	-
Công ty Nectar Lifesciences - Ấn Độ	9.790.632.180	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	5.470.745.553	-
Pharmascience INC	4.429.061.442	-
Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	3.285.858.600	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Bạch Đằng Hải Phòng	3.328.001.511	-
Các nhà cung cấp khác	49.940.448.741	53.933.182.818
Cộng	**108.239.994.256**	**88.644.880.168**

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Imazu Co., Ltd	-	409.455.001
IC FOOD Co., Ltd	2.628.478.800	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm GOLDENLIFE	-	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm SAGOPHAR	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VKD	10.762.027.121	
Các khách hàng khác	8.903.467.419	3.764.742.490
Cộng	**23.793.973.340**	**6.774.197.491**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

19a. Phải thu

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số bù trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa và nhập khẩu	254.810.131	1.027.656.488	(248.641.062)	1.033.825.557
Thuế xuất, nhập khẩu	48.748.228	994.162.872	(918.675.201)	124.235.899
Thuế thu nhập cá nhân	82.875.119	-	(8.800.000)	74.075.119
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.475.273	-	(1.881.628)	16.593.645
Cộng	**404.908.751**	**2.021.819.360**	**(1.177.997.891)**	**1.248.730.220**

19b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa và nhập khẩu	1.896.361.831	30.064.343.172	(30.479.260.650)	1.481.444.353
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.136.254	(2.136.254)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.193.204.078	60.642.529.043	(32.830.336.716)	77.005.396.405
Thuế thu nhập cá nhân	608.364.149	7.075.228.349	(6.721.708.909)	961.883.589
Thuế tài nguyên	157.968.700	2.667.697.000	(2.610.731.100)	214.934.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.299.351.576	(5.299.351.576)	-
Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.517.000	1.937.385.135	(1.932.168.135)	19.734.000
Cộng	**51.870.415.758**	**107.688.670.529**	**(79.875.693.340)**	**79.683.392.947**

Thuế giá trị gia tăng
Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho các hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản.

Các khoản thu nhập khác của Công ty mẹ và các công ty con trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác
Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi tiền vay	1.163.778.259	1.637.641.613
Chi phí hợp đồng hợp tác đầu tư	348.925.442	305.810.657
Chi phí nhận diện thương hiệu Vikoda	3.782.278.240	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi, chiết khấu, thuê cửa hàng	21.763.677.031	16.832.033.856
Chi phí vận chuyển	967.760.831	316.117.304
Chi phí khác	7.297.735.876	9.063.012.955
Cộng	**35.324.155.679**	**28.154.616.385**

21. PHẢI TRẢ KHÁC

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.621.248.602	2.261.655.350
Phải trả Bộ Y tế (i)	-	58.431.883.500
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thương mại Minh Tâm - Lãi vay phải trả	71.255.890	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	286.489.736	390.613.316
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	83.802.660
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	72.275.791.859	14.938.544.888
Ông Nguyễn Duy Thanh (ii)	*6.775.791.859*	*5.938.544.888*
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam (iii)	*9.000.000.000*	*9.000.000.000*
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Thịnh Vượng (iv)	*51.700.000.000*	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thương mại Minh Tâm (iv)	*4.800.000.000*	-
Phải trả lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư	*1.908.150.000*	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Thịnh Vượng	*1.847.130.822*	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thương mại Minh Tâm	*61.019.178*	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	*2.224.202.305*	*2.385.578.461*
Cộng	**79.643.680.908**	**78.664.818.031**

(i) Theo Bản án sơ thẩm số 482/2022/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, do hành vi phạm tội của các cá nhân (là các cựu Lãnh đạo Công ty trong giai đoạn 2006-2008) làm thiệt hại cho Bộ Y tế 3.848.000 USD tương đương với 61.692.238.500 VND, trong đó, các cá nhân đã nộp tiền khắc phục 3.260.355.000 VND, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long phải bồi thường cho Bộ Y tế số tiền 58.431.883.500 VND. Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long đã thanh toán toàn bộ số tiền phải bồi thường

(ii) Khoản hợp tác đầu tư với Ông Nguyễn Duy Thanh theo hợp đồng ngày 24 tháng 8 năm 2020, thời gian hợp tác đầu tư là 36 tháng từ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và phụ lục gia hạn bổ sung 12 tháng kể từ ngày 24 tháng 08 năm 2023. Công ty sẽ phải trả lợi nhuận tối thiểu 14,8%/năm mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của đối tác.

(iii) Theo hợp đồng Hợp tác đầu tư ngày 09/5/2018, Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("VKD") và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam hợp tác đầu tư thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Xem thuyết minh VIII.3).

(iv) Các hợp đồng nhận hợp tác đầu tư tại Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (Công ty con) có thời hạn hợp tác 6 - 12 tháng, Công ty con phải trả lợi nhuận cố định 6% - 6,5%/năm.

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	8.906.974.601	10.405.310.430

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

22a. Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng(i)	***882.510.088.454***	***1.312.474.784.451***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	77.041.198.112	184.839.090.666
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	94.972.435.420	150.400.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	222.328.747.867	189.928.038.876
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	21.058.263.472	6.673.209.460
Ngân hàng TMCP Quân đội	70.835.140.456	99.071.998.935
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	396.274.303.127	681.562.446.514
Vay ngắn hạn các tổ chức khác - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thương mại Minh Tâm (ii)	***5.140.000.000***	-
Vay dài hạn đến hạn trả *(xem thuyết minh V.22b)*	***77.901.624.004***	***55.282.084.004***
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	39.425.000.004	30.425.000.004
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.840.624.000	3.221.084.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	27.636.000.000	21.636.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.22b)	***24.544.084.140***	***20.758.283.640***
Cộng	**990.095.796.598**	**1.388.515.152.095**

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Số cuối năm
Số đầu năm	1.312.474.784.451	-	55.282.084.004	20.758.283.640	1.388.515.152.095
Số tiền vay phát sinh trong năm	3.109.115.511.127	5.140.000.000	-	-	3.114.255.511.127
Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	79.556.166.004	24.669.784.140	104.225.950.144
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.539.080.207.124)	-	(56.936.626.004)	(20.883.983.640)	(3.616.900.816.768)
Số cuối năm	**882.510.088.454**	**5.140.000.000**	**77.901.624.004**	**24.544.084.140**	**990.095.796.598**

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng (iii)	***306.275.814.318***	***121.963.392.680***
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	112.309.717.642	44.588.259.324
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	151.117.861.455	12.884.335.764
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	40.527.932.592	64.490.797.592
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.320.302.629	-
Nợ thuê tài chính - Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	***96.872.822.835***	***98.855.900.600***
Cộng	**403.148.637.153**	**220.819.293.280**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng cộng	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay ngân hàng	384.177.438.322	77.901.624.004	243.977.817.166	62.297.997.152
Nợ thuê tài chính	121.416.906.975	24.544.084.140	90.437.418.960	6.435.403.875
Cộng	**505.594.345.297**	**102.445.708.144**	**334.415.236.126**	**68.733.401.027**
Số đầu năm				
Vay ngân hàng	177.245.476.684	55.282.084.004	121.963.392.680	-
Nợ thuê tài chính	119.614.184.240	20.758.283.640	98.855.900.600	-
Cộng	**296.859.660.924**	**76.040.367.644**	**220.819.293.280**	**-**

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	24.544.084.140	90.437.418.960	6.435.403.875	**121.416.906.975**
Lãi thuê phải trả	10.479.546.246	19.262.617.901	221.730.399	29.963.894.546
Nợ thuê tài chính phải trả	**35.023.630.386**	**109.700.036.861**	**6.657.134.274**	**151.380.801.521**
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	20.758.283.640	98.855.900.600	-	119.614.184.240
Lãi thuê phải trả	10.967.457.576	24.356.977.567	-	35.324.435.143
Nợ thuê tài chính phải trả	**31.725.741.216**	**123.212.878.167**	-	**154.938.619.383**

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	121.963.392.680	98.855.900.600	220.819.293.280
Số tiền vay phát sinh	267.108.587.642	25.166.120.000	292.274.707.642
Số tiền vay đã trả	(3.240.000.000)	(2.479.413.625)	(5.719.413.625)
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(79.556.166.004)	(24.669.784.140)	(104.225.950.144)
Số cuối năm	**306.275.814.318**	**96.872.822.835**	**403.148.637.153**

22c. Thông tin về các khoản vay và thuê tài chính của Tập đoàn

(i) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, bao gồm:

Ngân hàng	*Hạn mức*	*Thời hạn*	*Lãi suất/năm*	*Tài sản đảm bảo*
I. Các khoản vay tại Công ty mẹ				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	Tổng hạn mức 300 tỷ VND	Không quá 06 tháng	4,6%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính là 302 tỷ VND.
II. Các khoản vay của Nhóm Công ty TSC				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ (tại WFC)	50 tỷ VND	03 - 06 tháng	4,7-5%	Tài sản cố định
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (tại VKD)	30 tỷ VND	Không quá 04 tháng	4,4%	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, quyền khai thác khoáng sản, tài sản cố định
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh (tại VKD)	25 tỷ VND	Không quá 05 tháng	4%	Tài sản cố định
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (tại WFC)	35 tỷ VND	06 tháng	5,7%	Tài sản cố định
III. Các khoản vay của Nhóm Công ty DCL				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	100 tỷ VND	Không quá 12 tháng	4,7%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	150 tỷ	Không quá 12 tháng	4,6%	Toàn bộ công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3, tiền gửi có kỳ hạn, toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng Nhà máy Capsule giai đoạn 4, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30 tỷ đồng.
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	100 tỷ	Không quá 12 tháng	5,1% - 5,56%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	200 tỷ	Không quá 12 tháng	4,8%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa và tài sản.

(ii) Vay tín chấp Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Minh Tâm (tại WFC) để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh theo hợp đồng ngày 01/10/2024, số tiền 5.140.000.000 VND, thời hạn 12 tháng, lãi suất 5,5%.

(iii) Các khoản vay dài hạn tại thời điểm kết thúc năm tài chính bao gồm:

Ngân hàng	*Mục đích*	*Hạn mức*	*Thời hạn*	*Lãi suất /năm*	*Tài sản đảm bảo*
I. Các khoản vay dài hạn của nhóm Công ty DCL					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (tại DCL)	Thanh toán chi phí thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An	121,7 tỷ VND	Tối đa 48 tháng	9,2%	Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (tại TBYT Benovas)	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị y tế Benovas	281 tỷ VND	84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	7% - 7,8%	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (tại DCL)	Xây dựng Kho Dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP	59 tỷ VND	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	7,8%	Bất động sản và tài sản hình thành từ nguồn vốn vay
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (tại DCL)	Đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule – giai đoạn 4	140 tỷ VND	Tối đa 72 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên	7,3%	Toàn bộ tài sản, bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3
II.Các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty TSC					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (tại WHG)	Đầu tư Dự án Tổ hợp nhà máy chế biến nông sản thực phẩm Hậu Giang	393,515 tỷ VND	108 tháng, ân hạn 24 tháng (kể từ 28/6/2024)	6,6%	Tài sản hình thành từ Dự án, tiền gửi có kỳ hạn của TSC, Quyền sử dụng đất của Bà Lê Hồng Phượng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (tại WFC)	Mua sắm máy móc thiết bị	20,238 tỷ VND	60 tháng	9,3%-11%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (tại VKD)	Mua sắm máy móc thiết bị	9,6 tỷ VND	36 tháng (kể từ 11/9/2024)	7%	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, quyền khai thác khoáng sản, tài sản cố định của VKD
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh (tại VKD)	Thanh toán tiền thi công sơn nền xưởng Vikoda	10 tỷ VND	60 tháng	6%	Tài sản cố định của VKD

(iv) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng từ năm 2022 và 2023 để thuê các máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất viên nang, xe ô tô tải đông lạnh và hệ thống HVAC cho nhà máy Capsule - Giai đoạn 5. Thời hạn thuê từ 05 đến 07 năm, lãi suất từ 9,5% đến 11%/năm.

Trong đó, dây chuyền sản xuất viên nang và hệ thống HVAC cho nhà máy Capsule - Giai đoạn 5 có giá trị hợp đồng thuê tài chính lần lượt là 138.270.000.000 VND và 35.032.904.500 VND, đã được giải ngân để ứng trước cho Công ty nhưng chưa hình thành tài sản, do đó, chưa được ghi nhận tài sản thuê tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.090.527.363	13.363.351.473
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.352.735.007	3.000.000.000
Chi quỹ	(4.483.467.477)	(2.272.824.110)
Số cuối năm	**11.959.794.893**	**14.090.527.363**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

24a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do hợp nhất. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.145.010.093	6.204.085.258
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	68.693.574	(1.059.075.165)
Số cuối năm	**5.213.703.667**	**5.145.010.093**

24b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do hợp nhất. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.967.204.610	7.877.537.814
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(9.386.015.369)	30.089.666.796
Số cuối năm	**28.581.189.241**	**37.967.204.610**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	3.399.330.340.000	74.895.160.642	80.481.887.391	646.388.781	292.107.808.175	2.015.806.494.922	5.863.268.079.911
Cổ đông không kiểm soát tại Công ty con góp thêm vốn	-	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Charlotte	-	-	-	-	226.628	(226.628)	-
Lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(135.504.717.357)	37.305.347.253	(98.199.370.104)
Trích lập các quỹ tại Công ty con					(1.741.594.389)	(1.258.405.611)	(3.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2023	**3.399.330.340.000**	**74.895.160.642**	**80.481.887.391**	**646.388.781**	**154.861.723.057**	**2.054.853.209.936**	**5.765.068.709.807**
Số dư tại 01/01/2024	3.399.330.340.000	74.895.160.642	80.481.887.391	646.388.781	154.861.723.057	2.054.853.209.936	5.765.068.709.807
Lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	119.263.581.349	57.239.753.511	176.503.302.953
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại FC do FIT chuyển nhượng vốn cho TSC	-	-	-	-	(2.465.095.623)	2.465.095.623	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại VKD do mua thêm cổ phần FC	-	(21.129)	-	514.569.122	7.950.547.631	(8.465.095.624)	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích do thanh lý hợp đồng ủy thác cổ phần WHG	-	-	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	(1.226.253.648)	(1.126.481.360)	(2.352.735.008)
Tăng khác	-	-	-	-	148.482.910	107.287.742	255.770.652
Số dư tại 31/12/2024	**3.399.330.340.000**	**74.895.139.513**	**80.481.887.391**	**1.160.957.903**	**278.532.985.676**	**2.106.473.769.828**	**5.940.875.048.404**

25b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	339.933.034	339.933.034
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	339.933.034	339.933.034
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	339.933.034	339.933.034

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

26a. Ngoại tệ các loại

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	550.529,43	366.661,09
EUR	138,36	209,10

26b. Nợ khó đòi đã xử lý từ thời điểm 01/01/2023 đến thời điểm 31/12/2024

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
Công ty Liên doanh MSC Lào	6.409.912.464	6.409.912.464
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	4.975.554.629
Medical Supplly Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	3.416.271.572
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	1.310.050.560
Các đối tượng khác	6.700.962.687	3.622.105.757
Cộng	**39.241.649.411**	**36.162.792.481**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	574.464.453.536	386.019.670.187
Doanh thu bán thành phẩm	1.388.325.337.596	1.260.990.700.655
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.320.644.678
Doanh thu cho thuê bất động sản	3.743.123.763	3.959.381.819
Doanh thu hợp tác kinh doanh	18.224.412.498	121.631.954.264
Cộng	**1.984.757.327.393**	**1.774.922.351.603**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan. Xem Thuyết minh VIII.1

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	21.408.910.958	22.107.215.757
Hàng bán bị trả lại	7.268.342.872	6.497.693.955
Giảm giá hàng bán	2.421.998.422	549.807.342
Cộng	**31.099.252.252**	**29.154.717.054**

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	499.561.596.529	355.738.660.045
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.042.310.386.641	954.464.671.688
Giá vốn cho thuê bất động sản	2.134.234.234	3.000.996.359
Giá vốn hợp tác kinh doanh	11.880.124.189	76.132.908.955
Giá vốn khác	189.731.729	2.069.917.543
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.728.507.611	6.041.956.141
Cộng	**1.560.804.580.933**	**1.397.449.110.731**

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.539.054.859	68.907.944.862
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	45.764.835.350	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	618.227.500	70.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.843.100.762	2.003.061.918
Lợi nhuận hoạt động hợp tác đầu tư	150.882.527.415	146.874.154.328
Lãi từ hoạt động ủy thác đầu tư	-	6.175.331.507
Doanh thu tài chính khác	-	540.000.000
Cộng	**249.647.745.886**	**224.570.492.615**

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	50.280.915.507	68.807.184.388
Lỗ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	-	182.805.181.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.863.549.281	4.236.139.640
Chi phí từ hoạt động hợp tác đầu tư	2.832.577.385	1.050.930.526
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(327.250.001)	(71.166.666)
Chi phí tài chính khác	448.493.786	-
Cộng	**55.098.285.958**	**256.828.269.033**

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	46.403.443.340	47.238.323.031
Chi phí vật liệu, bao bì, đồ dùng văn phòng	4.543.556.904	14.684.827.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.509.380.442	2.009.953.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.660.011.694	55.745.111.356
Các chi phí khác	15.663.293.711	8.651.744.441
Cộng	**144.779.686.091**	**128.329.960.235**

7. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	57.785.380.297	54.891.764.252
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.127.733.704	1.500.128.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.841.678.243	9.560.790.422
Dự phòng /(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	111.720.207	(11.808.809.662)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.063.539.917	34.703.432.753
Phân bổ lợi thế thương mại	81.401.818.706	81.965.427.459
Các chi phí khác	21.441.277.575	21.823.396.663
Cộng	**208.773.148.649**	**192.636.130.792**

8. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	119.267.795.946	(135.504.717.357)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	119.267.795.946	(135.504.717.357)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	339.933.034	339.933.034
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	351	(399)

Tập đoàn không ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại công ty con, do không trọng yếu

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	918.376.401.225	907.490.789.538
Chi phí nhân công	243.659.686.015	239.008.285.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.366.435.000	67.359.950.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.398.433.845	114.854.537.782
Chi phí dự phòng	1.722.831.056	49.763.311.089
Chi phí khác bằng tiền	67.562.002.363	60.572.522.305
Cộng	**1.478.085.789.504**	**1.439.049.396.539**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**1.579.572.136**	**1.639.322.209**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

1b. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	420.000.000	4420.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	2.520.692.702	4.009.926.049
Cộng	**2.940.692.702**	**4.429.926.049**

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Vũ Thị Minh Hoài	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Vũ Anh Trọng	Thành viên độc lập HĐQT	48.000.000	48.000.000
Cao Trọng Hoan	Thành viên HĐQT (đến 24/5/2023)	-	18.967.742
Đào Hữu Long	Thành viên độc lập HĐQT (đến 24/5/2023)	-	18.967.742
Phạm Tuấn Sơn	Thành viên HĐQT (từ 24/5/2023 đến 26/4/2024)	15.333.333	29.032.258
Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT (từ 26/4/2024)	32.666.667	-
Đinh Quốc Hùng	Thành viên độc lập HĐQT (từ 24/5/2023)	48.000.000	29.032.258
Ngô Thu Trang	Trưởng BKS (đến 26/4/2024)	11.500.000	36.000.000
Nguyễn Thị Thu Hường	Trưởng BKS (từ 26/4/2024)	24.500.000	-
Nguyễn Thị Thảo	Thành viên BKS (đến 24/05/2023)	-	7.112.903
Võ Đình Bảo	Thành viên BKS (từ 17/06/2022)	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS (từ 24/05/2023)	18.000.000	10.887.097
Nguyễn Thị Hoài	Tổng Giám đốc (đến 04/04/2023)	-	469.574.648
Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc (từ 21/11/2023)	1.580.954.380	1.461.793.263
Vũ Thị Minh Hoài	Phó Tổng Giám đốc thường trực	266.086.080	355.247.940
Nguyễn Ngọc Thắng	Phó Tổng Giám đốc (đến 08/09/2023)	-	1.172.950.652
Lê Việt Cường	Kế toán trưởng	673.652.242	550.359.546
	Tổng cộng	**2.940.692.702**	**4.429.926.049**

1c. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings	Cổ đông lớn của Tập đoàn/ Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần HHM Việt Nam	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng hóa, dịch vụ	332.268.678	262.124.553
Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	571.561.644	570.000.000
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	501.228.000	668.304.000
Công ty Cổ phần Today Cosmetics		
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	3.904.815.199	3.861.931.847
Công ty CP Đầu tư JJK Holdings		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	182.922.815	182.462.411

Công nợ với các bên liên quan khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng (Thuyết minh V.3)	***551.350.800***	***967.122***
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	551.350.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings	-	967.122
Phải thu gốc hợp tác đầu tư (Thuyết minh V.6)	***43.610.000.000***	***55.610.000.000***
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	7.600.000.000	7.600.000.000
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	36.010.000.000	48.010.000.000
Phải thu lãi hợp tác đầu tư và cho vay (Thuyết minh V.6)	***7.049.692.326***	***2.573.315.483***
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	1.039.397.260	467.835.616
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	6.010.295.066	2.105.479.867
Các khoản thu hộ, chi hộ (Thuyết minh V.6)	***253.400.844***	***243.880.844***
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	253.400.844	243.880.844
Phải trả người bán (Thuyết minh V.17)	***-***	***6.614.005***
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	6.614.005

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác

2. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

2a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Nam	Loại trừ	Tổng Cộng
Số cuối năm				
Tài sản bộ phận	6.012.840.645.515	5.364.241.252.417	(3.629.273.885.042)	7.747.808.012.890
Tổng tài sản				**7.747.808.012.890**
Nợ phải trả bộ phận	1.158.917.474.799	1.397.617.291.440	(749.601.801.753)	1.806.932.964.486
Tổng nợ phải trả				***1.806.932.964.486***
Số đầu năm				
Tài sản bộ phận	5.543.326.159.079	5.252.047.882.358	(3.073.820.512.135)	7.721.553.529.302
Tổng tài sản				***7.721.553.529.302***
Nợ phải trả bộ phận	834.861.744.909	1.314.894.725.544	(193.271.650.958)	1.956.484.819.495
Tổng nợ phải trả				***1.956.484.819.495***

	Miền Bắc	Miền Nam	Loại trừ	Tổng Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	169.264.259.258	1.784.393.815.883	-	1.953.658.075.141
Doanh thu thuần bán hàng cho các bộ phận khác	15.393.807.825	149.740.256.978	(165.134.064.803)	
Tổng doanh thu	**184.658.067.083**	**1.934.134.072.861**	**(165.134.064.803)**	**1.953.658.075.141**
Giá vốn	122.964.274.612	1.587.891.921.858	(150.051.615.537)	1.560.804.580.933
Lợi nhuận gộp	**61.693.792.471**	**346.242.151.003**	**(15.082.449.266)**	**392.853.494.208**
Lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	-	(9.050.259.506)	-	(9.050.259.506)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	50.125.752.054	292.638.153.474	10.788.929.212	353.552.834.740
Lợi nhuận khác	11.764.644	2.918.276.498	(38.777.980)	2.891.263.162
Doanh thu tài chính	175.293.904.698	107.802.461.834	(33.448.620.646)	249.647.745.886
Chi phí tài chính	14.330.407.861	36.705.052.049	4.062.826.048	55.098.285.958
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	172.543.301.898	118.569.424.306	(63.421.603.152)	227.691.123.052
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.084.545.352	33.557.983.691	-	60.642.529.043
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	843.672.097	(10.298.381.041)	(9.454.708.944)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**145.458.756.546**	**84.167.768.518**	**(53.123.222.111)**	**176.503.302.953**

	Miền Bắc	Miền Nam	Loại trừ	Tổng Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	127.184.459.801	1.618.583.174.748	-	1.745.767.634.549
Doanh thu thuần bán hàng cho các bộ phận khác	19.274.714.109	268.952.635	(19.543.666.744)	-
Tổng doanh thu	**146.459.173.910**	**1.618.852.127.383**	**(19.543.666.744)**	**1.745.767.634.549**
Giá vốn	91.088.195.978	1.318.372.445.117	(12.011.530.364)	1.397.449.110.731
Lợi nhuận gộp	**55.370.977.932**	**300.479.682.266**	**(7.532.136.380)**	**348.318.523.818**
Lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	338.978.338	(12.606.092.895)	-	(12.267.114.557)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	36.568.894.556	273.482.085.751	10.915.110.720	320.966.091.027
Lợi nhuận khác	(320.760.341)	1.520.838.863	(21.960.215)	1.178.118.307
Doanh thu tài chính	155.351.960.911	116.119.264.440	(46.900.732.736)	224.570.492.615
Chi phí tài chính	392.835.341.766	46.535.475.808	(182.542.548.541)	256.828.269.033
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(218.663.079.482)	85.496.131.115	117.172.608.490	(15.994.339.877)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.537.680.993	31.518.607.274	-	51.056.288.267
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	3.043.342.571	28.105.399.389	31.148.741.960
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**(238.200.760.475)**	**50.934.181.270**	**89.067.209.101**	**(98.199.370.104)**

2b. Báo cáo bộ phận theo khu vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành 03 bộ phận hoạt động: Bộ phận tư vấn và đầu tư, Bộ phận sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm nông sản, vật tư kỹ thuật nông nghiệp; Bộ phận sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế. Tập đoàn lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Dưới đây là phân tích doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực tư vấn đầu tư	19.904.670.599	24.827.219.646
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	775.364.107.829	474.905.827.139
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế	1.323.523.361.516	1.265.578.254.508
Loại trừ doanh thu nội bộ	(165.134.064.803)	(19.543.666.744)
	1.953.658.075.141	**1.745.767.634.549**

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo lĩnh vực kinh doanh:

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định vô hình, hữu hình, bất động sản đầu tư	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực tư vấn đầu tư	64.117.777.318	66.997.761.752	1.268.671.909	4.214.186.909
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	250.124.354.369	223.567.954.186	47.058.256.241	25.302.447.665
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế	456.200.045.719	438.736.424.845	54.759.115.609	13.054.194.573
Cộng	**770.442.177.406**	**729.302.140.783**	**103.086.043.759**	**42.570.829.147**

3. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ("VKD") và Công ty TNHH Kinh doanh thương mại TĐN Việt Nam đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 để thực hiện Dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, Dự án không thể thực hiện được do lô đất này đã bị thu hồi theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đang phản ánh các số dư liên quan đến Hợp đồng trên, bao gồm: (i) Giá trị thương quyền mà VKD đã nhận được khi thực hiện Dự án, số tiền 9.000.000.000 VND, được ghi nhận tại khoản mục "Phải trả khác"; (ii) Các chi phí phát sinh cho dự án đang được ghi nhận tại khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền lần lượt là 1.636.363.636 VND và 61.609.091 VND.

Tại thời điểm lập Báo cáo này, Hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên chưa được thanh lý, do đó, Tập đoàn chưa xác định được liệu có phải gánh chịu khoản chi phí nào phát sinh từ việc không thể thực hiện Dự án hay không.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, Cục thuế Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2899/QD-CTHN-TTKT5-XPVPHC về việc truy thu thuế GTGT và thuế TNDN năm 2022 và năm 2023 của Công ty mẹ. Theo đó, Công ty bị truy thu thuế GTGT năm 2022 và 2023 với số tiền lần lượt là 145.221.762 VND và 131.092.871 VND; truy thu thuế TNDN với số tiền lần lượt là 1.152.319.245 VND và 10.779.793.489 VND. Tổng số thuế bị truy thu là 12.208.427.367 VND.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T ("FLD"/Công ty con) được điều chỉnh hồi tố, do ảnh hưởng của Quyết định truy thu thuế tại Công ty mẹ, dẫn đến số lỗ lũy kế của Công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tăng lên 7.565.415.067 VND so với số liệu đã báo cáo trước đó, trong đó, phần lợi ích của Tập đoàn giảm 7.557.582.604 VND, lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm 7.832.463 VND.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các nội dung nêu trên đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	32.096.573.324	19.773.842.434	51.870.415.758
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	35.868.629.617	2.098.574.993	37.967.204.610
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	176.726.308.021	(21.864.584.964)	154.861.723.057
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	2.054.861.042.399	(7.832.463)	2.054.853.209.936
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Chi phí khác	32	2.600.567.368	131.092.871	2.731.660.239
Lợi nhuận khác	40	1.309.211.178	(131.092.871)	1.178.118.307
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(15.863.247.006)	(131.092.871)	(15.994.339.877)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32.711.079.711	18.345.208.556	51.056.288.267
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29.050.166.967	2.098.574.993	31.148.741.960
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(77.624.493.684)	(20.574.876.420)	(98.199.370.104)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(114.937.673.400)	(20.567.043.957)	(135.504.717.357)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	37.313.179.716	(7.832.463)	37.305.347.253
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	1	(15.863.247.006)	(131.092.871)	(15.994.339.877)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	31.470.222.207	131.092.871	31.601.315.078

5. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thương	Lê Việt Cường	Nguyễn Văn Bản

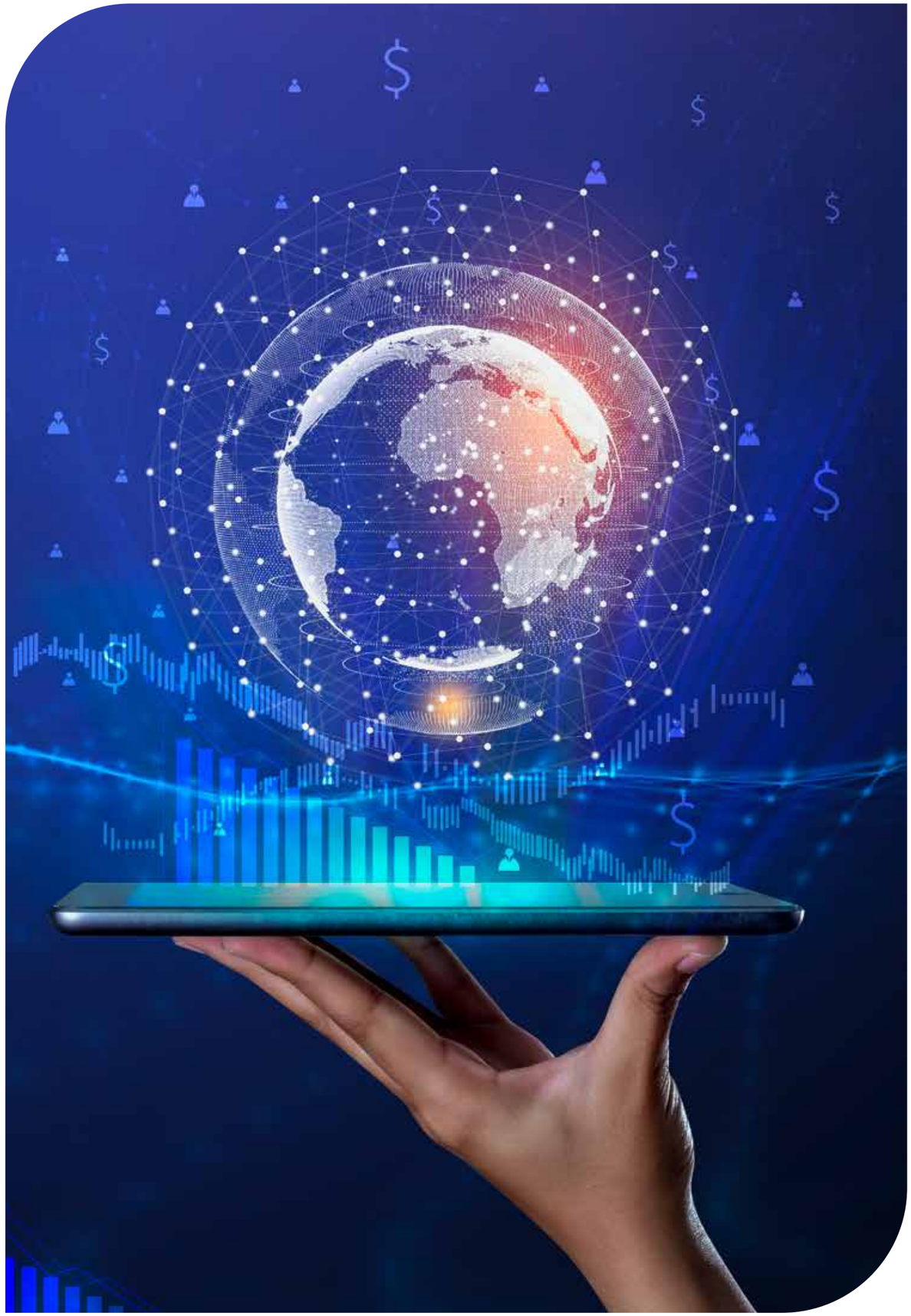

Mời Quý Nhà đầu tư/ Cổ đông tham khảo thêm công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T tại link:

https://fitgroup.com.vn/quan-he-co-dong/

THÔNG TIN LIÊN HỆ
Phòng Thư ký HĐQT

(84-24) 7309.4688- Ext:211

congbothongtin@fitgroup.com.vn